

Aug

VĂN - HÓA

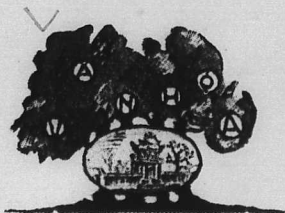
NGUYỆT - SAN

CO'-QUAN VĂN-HÓA VIỆT-NAM



SAIGON

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN



GIÁ BÁN TOÀN QUỐC:

1 số. 24
1 năm (10 số). 240

MỤC-LỤC

Số trang	Số trang
I.— Văn-hóa Việt-Nam	
— Giá-trị lịch-sử và tinh-thần của cuộc khởi-nghĩa Lam-Son (Đắc-Tổ)	1531
— Truyện Kiều và lối thơ tập-Kiều (Hoài-Nhã)	1536
— Lê-Lợi và anh chàng thợ xẻ (Hoàng-Khôi)	1548
— Việc chống ngoại-xâm dưới thời Trần (An-Khe)	1551
— Nguyễn-Khuyên với thơ nôm (Nghị-Tàm)	1559
— Kho vàng bí-mật tại Việt-Nam (tiếp theo) - (Ng-công-Huân)	1569
— Ó. Trương-Định, một chiến-sĩ đất Gò-công (Đào-Viên)	1574
— Sơ-kính tân-trang (tiếp theo) (Bùi-Lương chú-giải)	1591
— Thi-ca : Vịnh Lê-Lai (Trần-ổn-Thước)	1594
— Vi nước (Ng-sĩ-Thiêm)	1595
— Bình-Ngô đại-cáo (tiếp theo) - (Nguyễn-sĩ-Thiêm dịch)	1596
II.— Văn-hóa Thế-giới	
— Đạo-đức-kinh quốc-văn giải-thích (tiếp theo) - (Nghiem Toản dịch-thuật)	1600
— Kê thù chính của Trần-hưng-Đạo (Chàng Hal)	1611
— Rượu trong thơ văn Hoa Việt (Nghiem-Toản)	1629
— Tia vũ-trụ (Ng-chung-Tú)	1635
III.— Tin-tức Văn-hóa	
— Tin trong nước	1639
— Tin ngoài nước	1645

Tranh ảnh trong số này :

- Phần-mộ Trương-Định tại Gò-Công.
- Kỳ-binh Thát-Đất.





GIÁ-TRỊ LỊCH-SỬ VÀ TINH-THẦN

CỦA CUỘC KHỞI-NGHĨA LAM-SON

(1418 - 1427)

— *Viết nhân dịp húy-nhật Lê-Lợi, 22 tháng 8 âm-lịch, tức 26-9-56* —

của ĐẮC-TÔ

CUỘC khởi-nghĩa Lam-Son là một trong những trang sử vẻ-vang và đầy ý-nghĩa nhất, của dân-tộc Việt-Nam. Không những nó tiêu biểu chí quật-cường, tranh-dấu của toàn dân, nó còn là một bài học kiên-nhẫn, một tấm gương nghị-lực cho muôn thuở soi chung. Dù phải lâm-than khô-sở, bao phen lấy máu đào nhuộm cảnh giang sơn, trong suốt mười năm ròng, nhân-dân cũng không hề sờn lòng nản chí. Lê-Lai đã chịu chết thay Lê-Lợi, không phải là để cứu sống một cá-nhân, hay để nâng đỡ một nhà, một họ ; ông đã tự dẫn thân vào nơi gươm dáo, dề da ngựa bọc thân, là vì muốn giữ lại một kẻ anh-hùng có thể cứu-vãn quê-hương, chống lại kẻ thù chung đương đây xéo non sông đất nước. Ông đã chết vì chính-nghĩa, vì Quốc-gia. Bao nhiêu kẻ anh-hùng hào-kiệt như ông, đã tận-trung báo quốc, nên sự thắng lợi cuối cùng đã đem lại cho giống nòi một nền an ninh thịnh-trị.

A) — GIÁ-TRỊ LỊCH-SỬ

1.— *Tinh-cách cứu-quốc.*— Trước hết, cuộc khởi-nghĩa Lam-Son có tinh-cách cứu-quốc rõ-rệt. Từ khi nhà Minh đô hộ nước ta, nỗi phẫn-uất đã tràn ngập cả sơn-hà :

Nơi đô-thị, thành tung quách võ,
Chốn dân-gian, bỏ vợ lìa con.
Làm cho xiêu tán, hao mòn,
Lạ gì khác giống để còn thương đau !

(Á Nam — Bút quan hoài)

Bởi đó, khi Lê-Lợi dấy nghiệp ở Lam-Son (huyện Thọ-xuân, tỉnh Thanh-Hóa ngày nay), toàn dân cho đó là một cuộc giải-phóng, và nô-nức tuân theo. Thực ra, nếu Lê-Lợi không thành công, thời nước nhà đã có thể đồng hóa, mà biến thành những quận huyện của người Tàu.

2.— Một cuộc cõ-dộng khôn-khéo.— Trái với sự khờ-khạo của Quý Ly, cuộc khởi-nghĩa Lam-Son đã được nâng đỡ bằng một cuộc cõ-dộng khôn-khéo. Thực vậy, năm 1418, khi mới khởi binh, Lê-Lợi đã xưng là Bình-định-Vương, rồi truyền hịch đi khắp xa gần, kể tội nhà Minh, và nêu rõ mục đích của ông : tranh đấu để đánh đuổi kẻ thù của đất nước.

Tương truyền Nguyễn-Trái còn cho lấy mỡ viết lên lá cây tám chữ : « Lê-Lợi vi quân, Nguyễn-Trái vi thần », rồi kiến tới ăn chất mỡ, khiến các nét chữ đều bị đục thủng, hầu như câu sấm-truyền kia đã do một sức siêu-nhiên đặt ra, để báo trước thế nhân. Lá đã rụng xuống, do các dòng suối cuốn đi khắp nơi ; nhân dân tin đó là mệnh trời đã định... Các mưu-sĩ nhà Lê lại phao ngôn lên rằng : ông Trần-nguyên-Hân đã có lần võ bước, tới tạm trú tại một ngôi đình nọ, thuộc vùng Hà-Đông ngày nay. Nửa đêm, nghe thấy Liễu-Hạnh Công-chúa tới rủ vị Thành-Hoàng nhờ trong đình, cùng lên châu Giời. Vị Thành-Hoàng xin cáo-từ, không tiện đi hội họp, vì mắc có quý khách tới nghỉ chân, tức là ám chỉ Trần-nguyên-Hân, và căn dặn, khi tiên-nữ đi nhóm họp về qua, sẽ cho biết quyết-nghị của Thiên-Đình. Mãi gần sáng, Liễu-Hạnh Công-Chúa trở về, gõ cửa nhà : Thượng-Đế đã định để Lê-Lợi cứu vãn giang sơn.

Đó đều là những truyện thêu-dệt, để kích lệ nhân-tâm, trong khi trong nước, còn có nhiều mối dị-đoan.

Sau hết, khi đã dẹp yên bờ cõi, Bình-Định-Vương sai Nguyễn-Trái làm tờ Bình Ngô đại cáo, để ai nấy hiểu rõ lòng thương dân của mình, là đã tâm của kẻ thù ; đây cũng là một linh đũa để thu-phục lòng người, khiến việc trị-an được dễ-dàng, và cuộc khởi nghĩa có qui-kết hoàn-hảo. Mới hay, có nêu rõ chính-nghĩa, mới thu hút được nhân-dân.

3.— Sự đoàn-kết giữa dân, quân, chính.— Một trong những nguyên-nhân chính, khiến cho cuộc khởi-nghĩa thành công, là sự đoàn-kết giữa quân-dân, chính.

Đề chinh-phục nhân-tâm, năm 1425, tức là sau khi đã lấy được Nghệ-an (1424) (1), Bình-Định-Vương đã hạ lệnh : « Dân ta lâu nay đã phải khổ-sở về chính-trị bạo-ngược của người Tàu. Vậy quân ta đi đến đâu, cấm không được xâm-phạm đến chút gì của ai. Những gạo, thóc, trâu, bò, mà không phải là của nhà Minh, thì không được lấy ».

Sử còn chép rằng : khi Vương đem quân về đánh Nghệ-An, qua làng Đa-Lôi, huyện Thổ-du (huyện Thanh-chương bây giờ), nhân-dân đưa trâu rượu ra đón rước, già trẻ đều mừng, mà nói rằng : không ngờ ngày nay, lại thấy uy-nghi nước cũ.

Năm 1427, ngay trong khi đương chống kẻ thù, Vương đã lo việc cai-trị để vỗ-về dân chúng. Vương hạ lệnh cho các nhân-dân đã di cư vì loạn-ly, được có quyền trở về nguyên quán, làm ăn như cũ, không ai được nhúng-nhiều. Vợ con gia-quyển của những người đã ra làm quan với giặc, thì được phép theo lệ, lấy tiền mà chuộc.

Wương còn đặt ra ba điều để răn các quan :

- 1.— Không được vô tình,
- 2.— Không được khi mạn,
- 3.— Không được gian dâm.

Đó là đối với dân ; đối với binh-sĩ, Vương cũng không thiếu lòng thân ái. Tương truyền, có khi lương cạn, vương hạ lệnh giết voi của chính mình để cho quân ăn. Trong Bình Ngô đại-cáo đã có câu : « Mỏ tiệc quân, chén rượu ngọt-ngào ; khắp tướng sĩ, một lòng phụ tử... Đem đại nghĩa để thăng hung-tàn, lấy chí nhân mà thay cường-bạo... »

Wương không quên dụ rằng : ngày thường, không được giết càn quân, lính, dù họ có tội ; lúc nào ra trận, mà trái quân lệnh, thì mới theo phép mà thi hành.

Wương lại đặt ra mười điều ngăn cấm, để làm kỷ-luật cho tướng sĩ :

- 1.— Trong quân, ồn-ào không nghiêm.
- 2.— Vô cớ, đặt truyện để xao-xuyến nhân-tâm.
- 3.— Làm trận, thấy trống đánh, cờ phất, mà chùng-chình không tiến.
- 4.— Thấy kéo cờ dừng quân, mà không dừng.
- 5.— Nghe chiêng lùi quân, mà không lùi.
- 6.— Đề mất thứ ngũ, vì không cần-thận.
- 7.— Lo việc riêng, mà bỏ việc công.

(1) Từ khi lấy được châu Trà-Long, 1424, uy thế của Vương bắt đầu vững chắc.

8.— Tha binh đình về để lấy tiền, và làm sổ sách mập-mờ.

9.— Theo tư tình, mà không đếm xỉa đến công của người,

10.— Gian dâm, trộm cắp.

Tướng sĩ ai phạm vào một trong các điều ấy, thì phải tội chém. Phải chăng vì vậy, mà quân, dân, chính đã nhất chí: hợp thành một lực lượng lớn-lao, bền-bì, chống lại nạn ngoại-xâm, và gây nên thống-nhất cho quốc-gia.

B.— GIÁ-TRỊ TINH-THẦN.

1.— Lê-Lợi tượng trưng *tinh-thần ái-quốc*.

Lê-Lợi chỉ là một dân cày, quê làng Lam-Son, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh-hóa ngày nay, nhà đã mấy đời sinh nhai về nông nghiệp; nhưng ông đã thiết-tha với đồng-bào, trong nhà thường có tới hàng nghìn gia-nhân, lại hay giúp-đỡ kẻ túng thiếu.

Ông lại không bị cảm-đổ vì danh-lợi. Người Tàu, nghe tiếng ông, đã dụ-đổ mời ông ra làm quan; nhưng ông không chịu và thường nói: « Tài trai nên giúp nạn lớn, có đâu lại làm đày tớ cho người! »

Ông còn biết trọng người hiền tài, và luôn luôn đón mời những kẻ hào-kiệt có thể giúp ích cho non sông...; vì vậy, ông đã chinh phục được lòng người, và đã có những kẻ tận tâm giúp sức như Lê-Lai đã chịu chết thay ông ở Chí Linh (1419) (1)

Chỉ tiếc sau này, khi đã lên ngôi vua, ông đã không tránh được lối yếm bạc công thần, và nghi-ky, đã hại cả Trần-nguyên-Hãn và Phạm-văn-Xảo đúng như câu: thỏ lanh chết rồi, chó săn phải giết; chim bay đã hết, nỏ tốt cất đi. Nhưng việc đó chỉ xảy ra sau khi nền độc-lập đã trở lại với giang-con.

2.— *Chí kiên-nhẫn*.—Nhỏ mà đánh lớn, yếu mà cự mạnh, tất phải hết sức bền gan, vững chí mới có thể thành công. Trong Bình Ngô đại cáo đã có câu: « Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách triết thiên ma, cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử... Thế giặc mạnh, ta yếu mà địch nổi, quân giặc nhiều, ta ít mà thành công. » Trước kia, dưới triều Trần kẻ thù đã tràn lan trong khắp nước, Hưng-Đạo-Vương có bền gan, vững chí, mới có thể thừa cơ đánh lại. Đến Bình-Định-Vương, thì sự kiên tâm lại càng rõ-rệt. Không những Vương

(1) — Cảm kích về sự hy-sinh đó, Lê-Lợi định rằng: sau này, khi ông đã mất, thì sẽ làm giỗ Lê-Lai trước ngày giỗ của ông. Vì vậy, trong dân-gian mới có câu: 21 Lê-Lai, 22 Lê-Lợi (tức là 22 tháng 8 âm lịch).

phải tranh đấu trong vòng rá mười năm trời (1418 — 1427), mà lúc đầu, đã trải qua một thời kỳ vô cùng gian nan, nguy hiểm. Từ năm 1418 đến năm 1424, Vương đã phải ba lần rút lui về Chí Linh (tức Linh Sơn, thuộc Thanh Hóa ngày nay). Có kiên gan, bền chí, mới có thể chịu đựng bao nỗi gian-chuân: « đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối », để chờ chỗ nhọc điềm của quân thù mà đột kích. Cuộc khởi-nghĩa Lam-Son thật là cả một bài học kiên-nhẫn, một bí-quyết thành công, trong khi chống lại một kẻ thù mãnh liệt, nhưng từ ngoài ngàn dặm tới trú ngụ một nơi không quen thủy thổ.

3.— *Lòng thương dân*.— Tinh-thần ái quốc và thương võ chưa đủ, Bình Định Vương lại có lòng thương dân, đã tuyên-bố là tranh đấu vì dân và cho dân, nên người trong nước đã hết lòng ủng-hộ. Bình Ngô đại cáo ngay ở đoạn đầu đã nói: « Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cường Minh đã thừa tứ ngược, bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ... Bại nhân nghĩa, nát cả càn khôn; nặng khoa liếm (1) vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bề mề châu, nào hổ bầy hươu đen, nào lưới dò chim sả... Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi... Ngấm non sông cảm nỗi thế thù, thề sống chết cùng quân nghịch tặc... » (Bản dịch của Trần-trọng Kim)

Xem như vậy, họ Lê khởi nghĩa là vì lòng thương dân, muốn cho dân khỏi phải nai lưng chịu thuế-dịch đủ điều. Trong thực-tế, Bình Định Vương không những bảo vệ dân chống lại kẻ ngoại lai, mà còn chăm nom cho binh sĩ và quan lại không những-nhiều dân, không xâm phạm đến tư-hữu của dân. Đó cũng là một giá-trị tinh thần đáng kể.

o o

Tóm lại, cuộc khởi nghĩa Lam-Son là một bài học quý giá đáng cho ta suy nghĩ.

(1) Thuế má



TRUYỆN KIỀU

VÀ LỜI THƠ TẬP KIỀU

(Viết nhân dịp húy-nhật Nguyễn-Du, ngày 10 tháng 8
âm-lịch, tức 14-9-1956)

của HOÀI-NHÃ

Ô nước nhà, suốt trong Nam ngoài Bắc, ai đã biết thương thơ, làm thơ, xem thơ, đọc thơ, đều khâm-phục tài thi-bá siêu-việt của Nguyễn-Du, tác-giả cuốn « Đoàn-trường tân-thanh » tức truyện Thúy-Kiều.

Soạn áng văn kiệt-tác này, Tố-Như tiên-sinh (tên tự Nguyễn-Du) đã làm sống lại thiên tình-sử bi-ai của Thúy-Kiều, một vị tuyệt-sắc giai-nhân đã chìm nổi lận-đận bao lần vì gia-biến, vì duyên-phận, và gần chung một cảnh ngộ với tiên-sinh, một bậc thiên-tài giàu tình-cảm, đã tủi thẹn lao-đao nhiều phen, vì hoàn-cảnh, vì thời-thế.

Tiên-sinh có lẽ đã dụng-tâm lấy truyện người xưa, thay đổi thêm bớt ít nhiều, đề ký-thác tâm-sự của mình chăng, nên ai đọc tác-phẩm của tiên-sinh, đều cảm thấy tiên-sinh và nàng Thúy-Kiều (vai chính trong truyện) đều chung một nỗi lòng cay đắng chua xót như nhau :

« Cùng người một hội, một thuyền đầu xa ».

Sống ở một thời-đại chuyên-chế, không thể bộc-lộ rõ ràng tâm-sự của mình, nên tiên-sinh dù có chịu cộng-tác với nhà Nguyễn, cũng là gượng gạo qua ngày, chứ thực ra :

*Mặc người mưa Sở mấy Tần,
Nhưng mình nào biết có xuân là gì !*

và những ý-nghĩ thầm kín của tiên-sinh, để đã mấy ai là kẻ tri-âm, nên tiên-sinh đành :

« Một mình mình biết, một mình mình hay »

Rồi đến khi tiên-sinh sắp mất đã thốt ra tiếng thơ dài bằng 2 câu thơ vô cùng chua-xót thấm-thía :

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên-hạ hà nhân khắp Tố-như ?

tạm-dịch là :

*Ba trăm năm nữa, người thiên-hạ,
Biết có ai còn khóc Tố-Như ?*

Đông-Phương

o°o

Lao-đao vì thời-thế, dầy-dọa trong kiếp phong-trần, Tố-Như, lúc bình-sinh cũng như khi gần tạ-thế, đã đem nỗi lòng gửi vào những câu thơ bất-hủ. Cũng vì thế, mà người đời, sống sau tiên-sinh độ mấy chục năm, đã hiểu rõ một phần nào tâm-sự bi-àn đau thương của tiên-sinh. Ngay vua Tự-Đức triều Nguyễn khi xem tập « Đoàn-trường tân-thanh » của tiên-sinh, cũng nhận thấy rằng :

*Rằng hay, thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào !*

và đã từng dò cả nghiên son vào tác-phẩm của Tố-Như mà phê : « *Tanh tợn can-trùng* » (1) thật cũng không quá đáng..

Gần đây, các tao-nhân mặc-khách, cho đến cả những bậc thi-hào chí-sĩ, đều nhận rõ tài trác-việt về thi-ca của tiên-sinh, vì đã biết thiên-dụng cả một giai-cảm phong-phú, có đủ muôn ngàn cấp bậc, sắc-điệu, hòa nhịp với nhau rất khéo và lại phù-hợp với tình-cảnh người đời trong mọi trường-hợp và mọi thời-đại. Bởi thế, các vị này tự-nhiên đã coi tập « Đoàn-trường tân-thanh » như một « vườn thơ chung », có đủ « muôn hồng ngàn tía đua tươi », ai vào ngoạn-thưởng cũng say-mê, ngo-ngần vì thiên-hương quốc-sắc của trăm hoa, rồi tùy hào-hứng của từng người đã hái những bông hoa thơm và đẹp, kết thành một hay nhiều bó hoa riêng, hợp với sở-thích hoài-ước của mình. Nói một cách khác, các vị ấy đã lấy những câu thơ Kiều, lấy nguyên những câu thơ đã có, không thay một chữ, mỗi chỗ trong truyện chọn nguyên một câu hay chỉ chọn một vế, rồi tập thành những bài thơ lục-bát dài từ 2, 4, 8, 10... câu trở lên, hoặc những bài thơ đường-luật ăn theo vào một đầu đề, tả tình tả cảnh rất thanh-tạo uyên-chuyên, tựa như những bài do các vị ấy sáng tác, chứ không phải lấy Kiều tập-thành nữa.

o°o

Nhân dịp ngày kỷ-niệm Nguyễn-Du, mất ngày mùng 10 tháng 8 năm Canh-Thìn (năm Minh-Mệnh nguyên-niên, 1820), xin lục đăng dưới đây ít

(1) Giải hết ruột gan.

nhiều bài thi-ca tập Kiều của các thi-nhân xưa và nay đã soạn, đề hiến bạn đọc thân mến thường-thức một trò chơi khiên-hứng tao-nhã của làng thơ, và đồng-thời nhận xét thêm một lối tri-ân của các thi-sĩ Việt-Nam, đã tỏ lòng mến-phục và kỷ-niệm nhà thi-hào Nguyễn-Du bằng cách mượn thơ của tiên-sinh đặt thành những bài thi-ca mới-mẻ, chải-chuốt, thẩm-thía mà nhẹ-nhàng.

Một thi-nhân (không rõ tính-danh) chính đã nhân dịp ngày kỷ-niệm tiên-sinh tổ-chức vào đêm mùng 10 tháng 8 một năm gần đây ở Hà-nội, lấy ngay thơ Kiều, đề tập một bài kỷ-niệm như sau :

Đội trời đạp đất ở đời,
Tài-tình chi lắm cho trời đất ghen.
Tả tình tay thảo một thiên,
Phong-tình cô-lục còn truyền sử xanh.
Rõ ràng bút-pháp đã tinh,
Văn-chương nét đất, thông-minh tính trời.
Lòng thơ lai-láng bồi-hồi,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay.
Rằng hay thì thực là hay,
Ni-non thánh-thốt dễ say lòng người.
Công-trình kẻ biết mấy mươi,
Non vàng chưa để đền-bồi tấm thương.
Sẵn đây ta thấp nén hương,
Họa là người dưới suối vàng biết cho...

Rồi thi-nhân đó cũng tập thơ Kiều đề vịnh ngay nàng Thúy Kiều :

Phận sao bạc mấy Kiều-nhi ?
Thân còn chả tiếc, tiếc gì đến duyên.
Hoa-nở kìa với Trạc-tuyên,
Tình kìa hiểu nọ ai đền cho đây ?
Riêng lòng đã thẹn lắm thay !
Cúng là mặt đạn mày dày khó coi.
Thương ôi ! sắc nước hương trời !
Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa.

Một thi-nhân khác (1) cũng mượn thơ Kiều đề hỏi chị Nguyệt đêm trung-thu, năm nào cũng treo tấm gương kim-cổ soi khắp năm châu :

Vầng trăng vằng-vặc giữa trời,
Lân-la sẽ hỏi một hai sự tình.
Lần thâu gió mát trăng thanh,
Khuôn thiêng lừa-lạc đã dành có nơi.
Song sa vô vô phương trời,
Đêm thu đằng-dặng, nhật cài then mây..
Chị sao phận mỏng đức dày.
Bâng-khuâng như tình như sự một mình.
Bóng nga thấp-thoáng dưới màn hình,
Nghĩ sao cho thoát khỏi vảnh úi-ân.
Gương trong chẳng chút bụi trần,
Thử xem còn tạo xoay vần đến đâu...

hoặc đề tả nỗi cảm-hoài lúc đêm thu :

Đêm thu gió lọt song đào,
Lòng riêng luống những lao-đao thẩn-thờ.
Nhưng là lẩn-lữa nắng mưa,
Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày..
Một mình âm-ý canh chầy,
Một trời thù để riêng say một người.
Vầng trăng vằng-vặc giữa trời,
Trông trăng mà thẹn với lời non sông.
Trông người dưới nguyệt chén đồng,
Nên câu tuyết-diệu ngụ trong tính-tình.

Đến cả những bậc thi-gia, chí-sĩ, khi lặn-dạn ở góc bệ bên trời, như cụ Nguyễn-thượng-Hiền, cũng tập Kiều mà tự-thán về cảnh quốc-phá gia-vong hồi 4, 5 chục năm về trước :

...Cúi đầu nép xuống sân mai,
Còn toan mở mặt với người cho qua.
Trông người lại ngắm đến ta,
Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.

(1) Ông Nguyễn-bá-Cung, nếu tôi không lầm.

Người yêu, ta xấu với người,
Yêu nhau mà lại bằng mười phụ nhau.

Thân lươn bao quản lấm đầu,

Vào luôn 1a củi công-lầu mà chi., (1)

Cụ Phan-bội-Châu, sau mấy chục năm bốn-ba ở hải-ngoại, đến khi phải an-trị ở Huế, cũng mượn mấy câu thơ tập Kiều, để giải bày một phần nào tâm-sự riêng đối với quốc-dân :

Ví chăng xét tấm tình si,

Thiệt ta mà có ích gì đến ai...

Vội chi liễu ép hoa nài,

Còn thân ắt hẳn đến-bồi có khi.

Sinh rằng : Từ thuở tương-tri,

Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non.

Trăm năm tính cuộc xuống tròn,

Phải dò cho đến ngọn nguồn đáy sóng.

... Muôn đời ơn lòng. (2)

Gần đây, cụ Tú Tể-xuyên đã lấy Kiều để nhắc-nhở đến thời-sự, rất tài-tình, như bài :

Lạ đời

Hồ-công quyết kế thừa-cơ,

Lờm người cho đến bây giờ chưa thôi.

Chước đầu có chước lạ đời,

Gồm hai văn-võ, rạch đôi sơn-hồ.

hay bài :

Nhân khách lạ

Kề từ gậy cuộc binh-dao,

Hại nhân nhân hại, sự nào tại ta.

Xin chàng kịp trở lại nhà,

Lăn lăn theo bóng trăng tà về tây.

(1) Bài tập Kiều này (19 câu) đã đăng vào tập Văn-Hóa nguyệt-san số 2

(2) Bài này đặc-sắc ở chỗ lấy 2 câu lục bát liền nhau cho ăn vần vào 2 câu lục bát khác cũng liền nhau.

Một số đồng các thi-sĩ khác cũng ưa tập Kiều để vịnh cảnh rất khéo. Thí-dụ như những bài sau đây :

Đề chùa Hương-Tích (Hà-đông)

Dặm nghìn nước thâm non xa,

Đào-nguyên lạc lối đầu mà đến đây.

Mặt-mù dậm cát đời cây,

Ở trong như rồng có hương bay ít nhiều...

Đề chùng ngọn gió lờn theo,

Sôn-sao anh yến, rập-riu trúc mai.

Cùng nhau lay trước phật-đài,

Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây.

Kiếp xưa tu vì chửa đầy,

Hoa kia đã chấp cành này cho chừa?

Quả mai ba bầy đương vừa,

Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng.

Hoa hương càng tỏ thức hồng,

Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra.

Ngại-ngùng một bước một xa,

Thời xtn chữ « Tích » gọi là làm duyên.

Cử-nhan Nguyễn-bá-Cung

o_o

Vịnh rạp hát

Mừng thăm chốn ấy chữ bài,

Không nhưng chỉ có truyện này trò lạ...

Một trường tuyệt chớ sưng che,

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

Bốn bề bát-ngát xa trông,

Một nhà chật ních kẻ trong người ngoài.

Mua vui cũng được một vài,

Người ta ai mất tiền hoài đến đây.

Ở trong còn lắm điều hay,

Bi-hoan mấy nỗi đêm chầy trắng cao.

Trương Tô giáp mặt loa đào,

Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay...

Hải-nam Đoàn-như-Khue

Đề chùa Non Nước
ở núi Dục-Thủy (Ninh-Binh)
Bâng-khuáng đình Giáp non Thôn,
Khởi rừng lau đã đến sân Phật-dàng,
Có cây có đá sẵn sàng,
Một gian nước biếc mây vầng chia đôi.
Mùng thăm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây...

Cử-nhân Nguyễn-bá-Cung

Hoặc các nhà thơ đó thích tập Kiều đề vịnh người, vịnh vật một cách rất tài-tình, nhẹ-nhàng và dí-dỏm. Thí dụ vịnh người như trong bài :

Vịnh ông Thầy thuốc

Một đời đượ mảy anh-hùng,
Nào người tích lực tham hồng là ai ?
Tử-sinh phải giữ lấy lời,
Ra tay tế-độ vớt người trầm-luân.

Vịnh ông Hộ-Pháp trên chùa

Phật-tiền ngày tháng lân-la,
An gì cao lớn đây-đà làm sao ?
Phải làm cho biết phép tao,
Kìa gương nhật-nguyệt, nọ dao quý-thần.

Vịnh vật như những bài :

Vịnh thuyền chài

Cười rằng cá nước duyên ưa,
Gió trắng mát mặt, nuối dưa chay lòng.
Giang-hồ quen thói vẫy-vùng,
Cát vàng còn nọ, bụi hồng dậm kia.

Vịnh cái chân bồng

Nào người phượng chạ loan chung,
Hãy còn thêm-thiếp giấc nồng chưa phai.
Gọi là đắp-điểm lấy người,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.

Có B.

Có B.

Vịnh hoa thủy-tiên

Thương ôi ! sắc nước hương trời !
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa ?
Rõ ràng trong ngọc tắng ngò,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây ?

Tiến-sĩ Chu-mạnh-Trinh

Còn có khi thi-nhân dùng thơ tập Kiều đề thích-nghĩa những câu tục-ngữ ca-dao một cách rất đầy-dủ gọn-gàng. Thí-dụ lấy câu tục ngữ « Có tiền mua tiên cũng được » mà tập thành 2 thể sau đây :

1) Gương trong chẳng chút bụi trần,
Thân này đã dễ mấy lần gặp tiền !
Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Xưa nay nhân-định thắng-thiên cũng nhiều.
2) Lấy trong ý-tứ mà suy,
Tiền lưng đã sẵn, việc gì chẳng xong,
Gót tiên thoát đã khỏi vòng,
Nước đời lắm nổi lạ-lùng khắt-khe.

hoặc lấy câu ca-dao :

« Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Bỏ công trang-diêm má hồng răng đen »

mà thích-nghĩa rằng :

Dù ai lòng có sở-cầu,
Trao tơ phải lúa, gieo cầu đáng nơi.
Đời phồn-hoa cũng là đời,
Khi ngắm ngời nguyệt, khi cười cợt hoa.

Gần đây, lại có một vị túc-nho tức Phan-mạnh-Danh tiên-sinh tập Kiều một cách tài-tình hơn nữa. Trong tập thơ « Bút hoa » do ông soạn, ông đã khéo lấy những câu thơ cổ chữ Hán, ghép lại thành một bài thơ tứ-tuyệt đủ niêm-luật ; văn thơ cuối cùng trong bài thơ chữ đó lại ăn vần xuống 4 câu thơ tập Kiều, mà 4 câu thơ này tựa như dịch nghĩa những câu thơ chữ mà không hẳn là dịch, phảng phất như một bài thơ sáng-tác ra ; đó là lối thơ thông ả-đào, dùng thơ tập Kiều đề dịch thơ tập cổ. Thí-dụ :

1543

Bách-niên duy nguyện thủ đồng-tâm, (rút ở sách Bát-tài-tử)
 Tái tác tràng ca ký lục cầm, (— Thi-lâm)
 Y cụ giang-sơn như tạc nhật, (— Thất-tài-tử)
 Bất kham tràng đoạn vị tri âm. (— Tinh-sử)

« ... Đã nguyện hai chữ đồng-tâm,
 Trăm năm thề chẳng óm cầm thuyền ai.
 Còn non, còn nước, còn dài,
 Còn về còn nhớ đến người hôm nay. »

Soạn-giả có khi lại chọn lấy nguyên một bài thơ cổ thất-ngôn tứ-tuyệt chữ Hán, chữ cuối cùng ăn vần xuống 4 câu Kiều lấy mà những câu Kiều lấy này chính lại phiên-dịch bài thơ chữ ở trên. Thí-dụ phiên-dịch bài thơ « Nhớ nhà » của Sầm-Tham (dời Đường) :

Tàu mã tây lai dục đảo thiên,
 Từ gia kiến nguyệt lưỡng hồi viên.
 Kim dạ bất tri hà xứ túc,
 Bình sa vạn lý tuyết nhân yên.

Dặm hồng bụi cuốn chinh-yên,
 Sân thu trăng đã hai phen đứng đầu.
 Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu,
 Trông vời cổ-quốc biết đâu là nhà.

Có một số nhà thơ khác cho việc lấy những câu sẵn có trong truyện Kiều để tập thành những bài thơ lục bát chưa đủ hài lòng, còn nghĩ cách gọt truyện Kiều, hoặc lấy những vẻ thơ trong truyện, đặt thành những bài thơ ngũ-ngôn hoặc thất-ngôn rất tài, ý sâu, lời chuốt, điệu êm, chuyển khéo, như mấy bài trích-dăng sau đây làm thí-dụ :

Đề núi Dục-Thúy (ở Ninh-bình)
 (Thơ ngũ-ngôn)

- 1) — Phong cảnh có bề thanh,
 Gần xa nước yến anh.
 Nào ai người tích lục,
 Mây núi một màu xanh.
- 2) — Lâm-Thúy nét chưa phai,
 Chung quanh nào thấy người.
 Bóng vàng xây khối biếc,
 Ai đó mặt-mà ai...

Tiền người quen về Ninh-Bình
 (Thơ thất-ngôn)

Dương-liễu lo-thơ bề mấy cảnh,
 Trông người đã cách mấy ngàn xanh.
 Biết bao giờ nổi lời non nước,
 Cùng lại giao-hoan, chuốc chén quỳnh.

Cử-nhân Nguyễn-bá-Cung

Một thi-sĩ khác, bút-hiệu là Tiêu-Nhi-lang, lúc cao-hung, còn lấy những vẻ thơ Kiều, đặt thành 10 bài thơ đường-luật bát-cứ, lấy nhan đề là « Vịnh chung-tình truyện », từ-điệu êm-ái và chuyển-đổi rất khéo-léo, xin trích 1 bài dưới đây làm thí-dụ :

Đố ai dút khỏi mối tơ lành,
 Ghì tạc trăm năm một chữ tình.
 Xót liễu vì hoa lợt vạn phúc,
 Chỉ non thề bề ước ba sinh.
 Mực phong-lưu bết duyên cầm sắt,
 Nổi chủ-trương đành bực bố kinh.
 Vẹn vẻ hòa hai tình chẳng phụ,
 Còn non, còn nước, vẫn đình-ninh.

Đó là chưa kể một số nhà văn khác còn lấy truyện Kiều, đặt thành những câu đối tả-tình tả-cảnh kính - tặng nhau trong việc hiếu-hi xã-giao, hay đặt thành những câu thơ hăm trong buổi hát đào-nương, hoặc đặt những câu thơ đối nhau trong lúc trà dư tửu hậu, văn.văn..., xin đan cử sau đây mỗi lối mấy câu tập Kiều làm thí-dụ :

1) Câu đối tả-cảnh, tả-tình :

- + Như tình như mè, ngọc-ngân hoa kè gió tựa ;
 Nửa tình nửa cảnh, bẽ-bàng mây sớm đèn khuya.
 — Chênh chênh bóng nguyệt, trông ra ngọn cỏ lá cây ;
 Phấn phất gi, đàn, mơ tưởng cánh hồng phiếm trúc.

2) Câu đối mừng bạn cưới vợ :

- Loan chung phượng chạ, trăm năm rằng cũng từ đây, cầm sắt vui vầy trong buổi mới ;
 Gió tựa hoa kè, một ngày rầy đã kén được, trúc mai sum họp giữa ngày xuân,

3) Thơ hăm về ngày thu-tế kỷ-niệm đức Không-Tử :

Rằng trong thánh-trạch đời-dào,
Dưới dãy có đất, trên cao có trời.
Lẽ thường đã đủ một hai,
Nỗi lòng khấn hết mọi lời vân vân...

Con Tào xoay vần.

4) Thơ hăm mừng ông Dân-biêu :

Một mình vì nước vì dân,
Lời tan hợp, truyện xa gần thiếu đâu !..
Dù ai lòng có sớ-cầu,
Ta đây nào phải ai đâu mà rằng...

Vui-vé nói năng.

5) Những câu đố :

Cái điều sáo

Cánh hồng bay bông tuyết vời,
Đình-ninh hai mặt, một lời song song,

Cái gương soi

Cùng nhau trông mặt cả cười,
Tình trong như đá, mặt ngoài còn e...

Cái kèn nói

Trong như tiếng hạc bay qua,
Nhớ lời nói những bao giờ hay không ?

Người gánh nước

Một mình vì nước vì dân,
Tạ từ thoát đã đời chân cõi ngoài.

o°o

Tóm lại, truyện Kiều đối với thi-nhân đã thành một nguồn thơ bất-tận đề họ tha hồ tập đủ các lối thơ văn, mỗi bài mỗi vẻ, mà giọng điệu lúc nào cũng hồn-nhiên phong-nhã, « lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu ». Xem thế, đủ biết giá-trị văn-chương tập Đoạn-trường tân-thanh của Nguyễn-Du cao đến bậc nào. Có thể coi như một chiếc dương-cầm tuyệt-sảo, có đủ các « nốt » đàn trầm bổng, còn người tập thơ Kiều không khác những nhạc-sĩ

lành nghề đạo những bản đàn hoặc cũ hoặc mới, càng tài-ba thời nhạc-diệu càng du-dương giéo-giắt, khiến người nghe ai chẳng ngẩn-ngờ ngo-ngần, rồi động lòng thương tiếc thay những khách tài-tình, sao thường bị số-mệnh trớ-trêu, làm cho cuộc đời chìm nổi biết bao phen...

Ve ngâm vượn hót nào tưng,

Bâng-khuâng như tỉnh như say một mình.

Thoạt nghe ngo-ngần chút tỉnh,

Một mình mình biết, một mình mình hay.

Càng nghe càng đắm càng say,

Làm chi cho bận lòng này làm ru !

Xót ai lưu lạc giang-hồ,

Nghìn vàng thực cũng nên mua lấy tài.

Nỗi thương nói chẳng hết lời,

Cỏi nguồn cũng ở lòng người mà ra.

Tay tiên gió táp mưa sa,

Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời.

Dù rằng vật đổi sao dời,

Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyên xưa.



Truyện lạ năm châu

VỎ TRÁI ĐẤT DÀY BAO NHIÊU ?

Các nhà bác-học đã khảo-sát nhiều địa-diểm trên hoàn-cầu, để tìm biết bề dày của vỏ trái đất. Sau khi tính toán kỹ-lượng, họ đã tìm thấy bề dày đó tùy từng nơi mà thay đổi, từ hai chục đến bốn chục cây số, còn ở đáy biển thì mỏng hơn, có chỗ chỉ được 4.800 thước mà thôi.

Cách đây ít lâu, tại Kiruna thuộc phía bắc nước Thụy-Điền, các nhà địa-chất-học cũng đã nghiên-cứu, và tìm thấy ở đó vỏ trái đất được 35 cây số bề dày.

NGHI BA

(Rút ở tài-liệu UNESCO)

LÊ-LỢI và anh chàng Thọ Xê

của HOÀNG-KHÔI

LÊ-LỢI sinh năm 1388 tại làng Lam-Son, tỉnh Thanh-Hóa. Đã mấy đời làm nghề nông, nhà giàu có, lại hay giúp đỡ kẻ nghèo. Vốn là phú-nông, nên tá-diễn có đến hàng ngàn người. Một mùa xuân, ông định lập một ngôi nhà thờ họ. Cửa nhiều, cho nên gạch, ngói, gỗ, có thừa. Người nhiều cho nên thợ mộc, thợ nề cũng đủ. Dân châu Ngọc-Mạ nghe tin, đem biếu một cây gỗ quý, để dùng vào việc dựng đền. Trong bọn gia-nhân, có người mới đến làm tá-diễn, tên là Mỗ, nhân dịp, liền xin chủ-tướng việc xẻ gỗ. Sau khi được chủ-ông ưng thuận. Mỗ lấy thêm mấy người thợ bạn, rồi cùng nhau bàn tính đến ba ngày, mới khởi công.

Vài ngày sau, Lê-Lợi, tới xem, thấy mới xẻ một cây, được dăm gang tay. Ông cười nói: « — Năm ngày rồi mới xẻ được chừng ấy, thế mà gọi là thợ. Các người không phải nhà nghề rồi. Để ta làm cho mà coi. » Rồi ông trèo lên cây gỗ, hai tay nắm cưa, nhân sức khỏe, tính lại nóng, ông kéo lấy kéo đề. Người thợ bạn, quen kéo đường thẳng, còn ông thì khi lệch bên nọ, khi tẹo bên kia, thành ra cưa mắc. Cứ mãi mới được, ông lại kéo. Vừa kéo vừa đẩy được mười nhất, thì cưa gãy. Ông trèo xuống một nhòai, vừa thở vừa nói: « Ai biết được nghề xẻ gỗ khó thế, gỗ dẫn chắc thế, sao cưa không mài cho sắc. » Mỗ nói: « Thưa chủ nhân, có gì là khó, khó để tự người, chứ không phải tự cưa không sắc, gỗ không mềm. »

Ông hỏi: « — Anh học từ bé, quen tay rồi, mới xẻ được, dùng có nói khéo. » Mỗ nói — Thưa chủ nhân, đầu dăm nói khéo. Tôi mới cầm cưa lần này, là lần đầu. Từ bé, tôi có được làm nghề cưa xẻ này đâu, chỉ suy tính được cách cưa xẻ, nên mới dám nhận việc. » Ông hỏi: « — Vậy cách thế nào, nói rõ ta nghe. » Mỗ thông thả cất nghĩa: « Khi có gỗ, điều cần trước hết, là biết dùng nó làm gì. Đo đúng kích thước, trường đoản từng cây, xem làm được bao nhiêu cột, rui, mè, hoành, ván. Nơi giữa thân là lối, ta dùng làm cột cái. Nơi gốc ngọn, hoặc thừa thiếu, hoặc không ngay thẳng, ta dùng làm cột con. Nơi thân cây, để riêng làm rầm, làm rui. Nơi ngoài bia sẽ làm ván, Còn đến chỗ giác, xếp một nơi, làm

củ. Mỗi cây gỗ phải chia cho đúng, đừng thừa nhiều vô ích, đừng thiếu quá không lấy đầu bù lại, chung qui cốt sao cho dựng đủ ngôi nhà thờ là được.

Khi tính toán xong, chia phần kỹ rồi, mới sửa soạn cưa, mài cho sắc bén. Đóng cọc mỗi cây cho vững, để khi người thợ đứng trên kéo cưa đi, được vững vàng; người thợ đứng dưới kéo cưa lại, được chắc chắn, không còn lo cọc lay, gỗ dẽ, để đến nỗi người trên bị gãy xương, người dưới bị giập óc.

Làm hay nghĩ, đều định trước. Cơm có người bung, nước có người rót. Thọ chỉ cần vững tâm bền chí, sáng cũng như trưa, trưa cũng như chiều, không vội vàng hấp tấp, không trễ nải lạng nhàng.

Khi đến chỗ mắt gỗ, phải lựa chiều mà xẻ, để khỏi gãy cưa lệch mạch, như thế gọi là lừa xẻ. Khi tới chỗ mềm phải cẩn-thận mà kéo, để khỏi chạm vào chân, đứt da thịt, như thế gọi là kéo cưa. Người trên kéo lên, người dưới kéo xuống, hai người phải ăn ý nhau. Trong hai người, nếu một người kéo thẳng, một người kéo lệch, nghĩa là một chính một tà, thì cưa sẽ gãy, gỗ sẽ hư, việc sẽ không thành.

Tuy nhiên, trong nghề cưa xẻ, có một điều cần chú ý nhất, một việc quan trọng nhất, đó là việc đánh mực. Mực là một sợi dây lãn vào than hoặc vào mực. Khi muốn xẻ một mạch, phải căng dây mực đúng, hai đầu cho thật thẳng, rồi bịt dây lên để cho dây in vết than, vết mực vào gỗ. Khi cưa, cứ theo mực ấy. Mực ấy là đường thẳng, là đường chính, là chính đạo. Lệch chính đạo, đường thành cong, thành tà, cưa gãy, mà gỗ hư, công việc không thành. Vậy phạm đã gọi là thợ, lúc nào cũng phải theo chính đạo. Người ngoài trông vào tưởng người thợ cũng như khúc gỗ vô hồn, mà kỳ thực lúc nào thợ cũng đề tâm, đề chí vào chính đạo, người trên nạy mực, người dưới noi theo, sao cho trên thuận dưới hòa. Cho nên có câu: « Kéo cưa lừa xẻ, ông thợ nào khéo thì ăn cơm vua, ông thợ nào thua thì ăn cơm làng, ông thợ nào làng-nhàng thì về bú mẹ. » Tài to làm việc to, tài kém làm việc nhỏ. đến như vô tài thì chỉ là hạng con nít, sống được là nhờ bố mẹ. Đã không biết tự lo cho bản thân, thì còn giúp ích cho ai được. Tôi phận tá-diễn, được tham dự vào công việc trong ấp chủ-nhân, lời nói còn thô thiển, biết được có bấy nhiêu điều, theo lệnh, dám tường trình, xin chủ nhân xét lại. »

Lê-Lợi nghe xong, trầm ngâm một lúc, rồi vái hai vái nói: — « Kính xin ghi lời ông dạy, không bao giờ dám sao lãng. »

Ông lên nhà trên, các cháu hỏi :

— « Sao chú tỏ vẻ kính phục cái anh chàng nói hươu nói vượn ấy.

Ông gắt :

— Các cháu đã ngoài ba mươi tuổi, xấp xỉ bằng tuổi chú rồi, mà sao không nghĩ ra, hãy còn dại thế ? Người ấy không phải là hạng tầm thường. Các cháu cần giúp chú, dò xét kỹ hành vi của hắn.

Chưa ai hiểu rõ, ông phải nói thêm :

— Mọi việc ở đời có khác gì việc cưa xẻ không ? Nay trong nước loạn, bốn phương nghĩa-sĩ, ai cũng có chí làm vương làm đế. Giặc Minh đàn áp dân gian, ta đây hào trưởng một xứ Lam-Son, người có, binh lương có, tức như sắn của, sắn gỗ, thế mà không biết đến bao giờ mới có thể giúp dân, lợi nước. Chỉ vì tội ác của giặc chưa rõ, những kẻ xu nịnh để đón miếng ăn thừa, còn nhan nhản như Lương-nhữ-Hốt, Đào-duy-Trình. Lòng dân chưa oán hận. Tuy cùng ghét giặc Minh đấy, nhưng một phần còn tưởng nhớ đến triều Trần, một phần còn mong đợi đảng Hồ-quí-Lý.

Ta dù có này mực, nhưng mực chưa được rõ. Ta dù muốn xẻ, nhưng gỗ dãn, thớ nhiều, chưa có thể một mình lừa xẻ được. Phải có thợ bạn giỏi, nghĩa là phải có người tả hữu cùng một lòng một dạ với ta giết giặc. Đem quân Lam-son này tiến ra, phải danh chính ngôn thuận, khi thắng đánh được thành, thì đừng thấy dễ-dàng mà kiêu, khi bại mất nhiều quân, đừng thấy khó-khăn mà nản, dù chống hay chận cũng phải kiên tâm bền chí, như người xẻ gỗ. Những lời Mỗ nói, làm cho ta nghĩ-ngợi... »

Có người đẩy tờ thân thưa rằng :

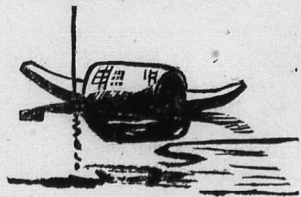
— Mỗ không phải thực tên, thấy nói người xứ Hải-Dương.

Một người cháu sực nhớ ra :

— Thôi phải, bữa trước có người nhận được mật, biết thực tên Trái họ Nguyễn.

Lê-lợi ân-cần dặn :

Ta nên đề ý xem Nguyễn Trái có thật là người tài đức, hay chỉ là kẻ gian-ngoan, tời tở của giặc, vào do thám trại ta...



VIỆC CHÔNG NGOẠI-XÂM DƯỚI THỜI TRẦN

(1525-1400)

Viết nhân dịp húy-nhật Trần-hưng-Đạo.

20 tháng 8 âm-lịch, tức 24-9-1956

của AN-KHÊ

CÁC thi-sĩ, học-già và sử-gia đã phê-bình nhiều về thời Trần. Lời khen, chê, khen phải là ít, khen về tài cai-trị, về sự củng-cố chính-quyền, chê về luân-thường đạo-lý, về sự tàn-nhân đối với người khác họ... Song, không ai là không công-nhận sự-nghiệp vẻ-vang của thời Trần, trong việc bảo-vệ giang-sơn, đất nước. Không ai là không ca-tụng những chiến-công oanh-liệt của nhà Trần, không nhắc-nhờ đến thiên-tài của Trần-Hưng-Đạo, một vị anh-hùng cứu-quốc, một nhà cầm quân, thiết-tướng từ nghìn xưa tới nghìn sau, cũng không có người hơn được. Thật vậy, thời ấy, quân Mông-Cò đã nổi danh là những đoàn quân vô địch; họ đã lan tràn như bão táp sang các nước Ba-tư, A-lập-bá, Nga, Hung-gia-Lợi, Ba-lan, Nhật-nhĩ-man, không một dân-tộc nào về phương Tây, đã có thể ngăn-cản bước tiến anh-dũng của những đoàn chiến-sĩ hiên-ngang. Ở phương Đông, họ đã phá nhà Kim, dứt nhà Tống, xâm-chiếm cả Trung-hoa, không có sức gì chống nổi. Thế mà, ba lần sang nước ta, ba lần họ đã bị đánh tan-tành không còn sao cầm-cự. Riêng năm 1287, dù quân hùng tướng mạnh, và chí quyết-thắng phục-thù, dù chính con Nguyễn-chủ là Thoát-Hoan đã xuất toàn lực ra vây đánh thành Thăng-Long, mà không sao hạ nổi. Rút cục, họ đã đại bại, và vội-vã cất lên rút lui, trước sự tranh đấu gan-dạ, khôn-ngoan và bền-bì của binh-sĩ nước nhà, những binh-sĩ không hèn, và chỉ cần có những bậc chỉ-huy sang-suốt.

Trong khoảng 175 năm thịnh-trị, nhà Trần đã nhiều phen giao-chiến với các lân-bang, để giữ-gìn bờ cõi. Chống cự Ai-Lao ở phía Tây, Chiêm thành ở phía Nam, Trung-hoa ở phía Bắc, dân, quân, chính đã đồng tâm nhất chí, để hết lòng phụng sự quốc-gia.

1.— ĐÁNH AI-LAO VÀ CHIÊM-THÀNH

Dưới triều Trần, người Ai-Lao đã nhiều lần sang quấy nhiễu nước nhà. Mỗi lần, quân ta đi đánh dẹp, thường thắng trận, song chỉ giữ yên được vài năm, vì hai nguyên-nhân chính :

— Binh-sĩ nước ta chỉ đánh đuổi họ ra ngoài bờ cõi rồi lại rút về, bởi đất Lào nhiều rừng, lắm núi, vừa xa-xôi heo-lãnh, vừa sơn lam thủy chướng, không tiện ở lâu. Do đó, người Lào mới có cơ tìm cách trở lại, quấy nhiễu lương-dân.

— Họ vốn quen đường lối và thủy thổ, nên tiến thoái mau lẹ, tụy lúc được thua. Vua Nhân-tôn đã thân chinh đi đánh mấy phen. Sau, Anh-Tôn lại sai tướng-quân là Phạm-ngũ-Lão, đi dẹp ba bốn lần ; trong-truyền Ngũ-Lão đã khéo điều khiển những thớt voi, đi đến chỗ toàn-thắng. Về sau, Minh-Tôn thượng-hoàng sai Kinh-lược đại-sứ tinh Nghệ-An là Đoàn-nhữ-Hài cất quân đánh dẹp ; Nhữ-Hài đã quá khinh địch, nên bị phục-binh Lào dờ ra kịch-chiến, phải thua chạy, rồi chết dưới trong đám loạn-quân. Minh-Tôn phải ngự giá thân chinh (1334), mới dẹp xong.

Còn Chiêm-thành, tuy vẫn tiến cống nhà Trần, nhưng thỉnh-thoảng lại sang cướp phá các nơi và đòi lại đất cũ. Muốn giữ-vững uy-tín của triều-đình, năm 1252, Thái-Tôn thân-chinh đi tiểu phạt ; Ngài tiến vào kinh-đô nước Chiêm, ở miền Bình-Định ngày nay, bắt được vương-phi và nhiều quân-dân đem về Bắc. Từ đó, ba châu cũ (Đaja-Lý, Ma-Linh, Bô-Chính) đã nhượng năm 1079, mới thuộc hẳn về nước ta ; vua Chiêm hàng năm phải sai sứ sang tiến cống và có lần đã dâng cả bạch-tượng.

Năm 1311, sau khi đã tặng nước ta hai Châu Ô và Ri, người Chiêm đem lòng phản-trác muốn lấy lại ; vua Anh-Tôn đã thân chinh đi đánh, bắt vua Chiêm về Bắc.

Nhưng, bắt đầu từ Dụ-Tôn (1341 - 1369), Chiêm-Thành mới trở thành một mối lo-âu cho quốc-gia. Thật vậy, trog nước, thời nhà vua chỉ nghĩ đến việc hoang chơi, binh-thế vì vậy đã suy-nhược. Còn ở Chiêm-thành, Chế-bồng-Nga, trái lại, là một vị anh-hùng. Chế-bồng-Nga hết sức bắt quân lính chịu khó-nhọc cho quen, lại tập dàn trận voi cho tiện đường lui tới, thắng thì voi đi trước để xông đột, bại thì voi đi sau, để ngăn cản kẻ thù. Vì vậy, năm 1377, khi Dụ-Tôn kéo quân vào thành Đồ-Bàn (huyện Tuy-viên, tỉnh Khánh-hòa ngày nay), thì quân Chiêm đương ăn-núp, dờ ra vây đánh, binh sĩ ta bị giết đến bảy tám phần mười, vua Dụ-Tôn bị chết ở trận-tiền. Đến đời vua Phế-Đế, Chế-bồng-Nga, được thế, ba lần

kéo tới phá kinh-thành, rồi lại rút lui ; ba lần, Thượng-Hoàng chạy chốn.

Năm 1389, Chế-bồng-Nga lại cất quân đến tận bờ Hoàng-Giang, Thượng-Hoàng sai quan Đô-Tướng là Trần-Khát-Chân, giương dõ Trần-Bình-Trọng, đem binh chống giữ. Trước khi từ giã nhau, vua tôi đều than khóc, đủ biết quân Chiêm thời đó hùng-mạnh tới nhường nào !

Chân đóng quân ở sông Hải-Triều (tức là sông Luộc bây giờ) ; và nhờ có sự chỉ dẫn của tên đầy tớ của Chế-bồng-Nga, mắc tội sang đầu hàng, Trần-Khát-Chân đã truyền lấy súng bắn vào thuyền Chế-bồng-Nga. Chế-bồng-Nga trúng đạn chết. Tự đó, đối với Chiêm-thành, nước ta mới không còn e-ngại.

2.— CHỐNG QUÂN MÔNG-CỒ

Tuy nhiên, chính trong việc chống quân Mông-cồ, nhà Trần mới gặp nhiều nỗi gian-nan, nguy-hiểm, và nhân đó, đã có công phụng-sự Tô-quốc trong việc bảo-vệ giang-sơn.

Cuộc tranh-dấu với nước lân-bang không-lờ phía Bắc, có thể chia ra làm 3 giai-đoạn chính :

— Lần thứ nhất (1257) — Khi con cháu vua Mông-cồ đã gây-dựng cơ nghiệp nhà Nguyên. Hốt-tát-Liệt, tức Nguyên-Thế-Tổ, một mặt cất quân đánh Tống, một mặt sai tướng Ngột-lương-hợp-thai sang chiếm Đại-Lý (thuộc tỉnh Vân-Nam ngày nay). Tướng này ba lần gửi sứ dụ Trần-Thái-Tôn thần-phục nhà Nguyên, mục đích là để mượn đường qua nước ta, để tiện đánh úp quân nhà Tống ở phía Nam. Thái-Tôn không chịu, bắt giam cả ba sứ thần Mông-Cồ, rồi sai Trần quốc-Tuấn chống-giữ biên-thùy. Tướng Mông-Cồ tức giận, kéo quân như bão táp từ Vân-Nam tràn xuống chiếm đóng kinh-đô, thấy ba người đi sứ còn bị trói giam, liền hạ lệnh giết cả nam, phụ, lão, ấu trong thành. Thái-Tôn, đã chạy về vùng Hưng Yên ngày nay, thấy thế nguy, bèn hỏi ý-kiến Thái-sư. Trần Thủ-Độ quả quyết tâu : « Đầu tôi chưa rơi xuống đất, thì xin Bệ-hạ đừng lo ». Được ít lâu, thấy quân giặc mỗi-một vì không hợp thủy-thổ, vua tôi nhà Trần tiến binh đánh lại. Giặc đại-bại, phải rút gấp về Vân-Nam.

— Lần thứ hai (1284).— Sau khi đã chiếm được toàn thể nước Tàu, Nguyên-chúa sai thái-tử Thoát-Hoan cùng với các tướng Toa-Đô, Ô-mã-Nhi đem 50 vạn quân, giả danh là mượn đường đi chinh-phạt Chiêm-thành, nhưng chủ tâm để đánh úp nước ta.

Vua Nhân-Tôn lo địch không nổi, bèn triệu-tập các bô lão dân thứ, hội-nghị tại điện Diên-Hồng, đề hỏi ý-kiến, ai nấy đều đồng thanh quyết xin chống-cự.

Cuối năm 1284, quân Nguyên chia ra làm 2 đạo : một gồm 10 vạn binh do Toa-Đô chỉ-huy theo đường bờ vào Nghệ-An để rồi đánh thẳng ra Bắc ; một do Thoát-Hoan, con Nguyên chủ, kéo đại binh từ Lạng-son đánh xuống.

Toa-Đô đi đường bờ, đánh Chiêm-thành mãi không nổi, liền hợp với thủy quân của Ô-mã-Nhi, cùng tới Nghệ-An xâm-chiếm.

Buổi đầu, quân ta thua to ở Chi-Lãng, giặc tràn gần khắp nước, Hưng-đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn, làm Tiết-chế, phải hộ-giá vào Thanh-Hóa. Một số ít tướng-sĩ và người trong Hoàng-tộc đã không ngán-ngại ra đầu hàng giặc. Trái lại, các bậc tâm-huyết không hề nản lòng.

Khi Nhân-Tôn ngộ ý muốn cầu hòa cùng kẻ thù để cứu vãn muôn dân, Hưng-đạo-Vương đã cứng-cỏi tâu : « Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã ». Trần-bình-Trọng, bị bắt và được dụ dỗ, cũng đã khảng-khái nói : « Thà làm quỷ nước Nam, chứ không làm vương đất Bắc ». Chẳng bao lâu, thừa quân giặc thiếu lương thực và thiếu kiên nhẫn, Trần-Quốc-Tuấn đã hợp sức với tướng-sĩ để kháng-cự, và trước sau, đã thắng được năm trận lớn, khiến 50 vạn quân Nguyên tan vỡ, kẻ còn sống vội lên trốn về Tàu, như những đàn trộm cướp. Sau đây, là các chiến-công oanh-liệt, ngàn năm còn ghi trong sử-sách :

1° Trận Nghệ-An, Trần-quang-Khải dồn quân Toa Đô xuống bờ.

2° Trận Hàm-tử (thuộc huyện Đông-An, tỉnh Hưng-Yên ngày nay) Trần-Nhat-Đuật, cùng với Trần-Quốc-Toàn và Nguyễn-Khoái, đại phá quân Toa-Đô không cho hợp với đại-binh của Thoát-Hoan tại Thăng-Long ;

3° Trận Chương-Dương (thuộc phủ Thường-Tín, Hà-dông hiện thời), Trần-quang-Khải cùng với Phạm-ngũ-Lão và Trần-Quốc-Toàn, lấy lại thành Thăng-Long.

4° Trận Tây-kết có lẽ thuộc Khoái Châu, Hưng yên bây giờ, Trần-Quốc-Tuấn giết được Toa-Đô, bắt sống hơn 3 vạn quân giặc, còn Ô-Mã-Nhi chạy trốn về Tàu ;

5° Trận Vạn-Kiếp (thuộc Hải-dương ngày nay), Trần-Quốc-Tuấn cùng với hai con trai và các tướng, đại phá quân Nguyên (1285), khiến chủ tướng là Thoát-Hoan hoảng-sợ phải chui vào ống đồng đặt trên xe mà chạy, rồi cùng bọn tàn-quân cất lên về Tàu.

Thế là trong vòng 7 tháng từ tháng chạp năm trước đến tháng sáu năm sau (1284-1285) quân ta đã quét sạch binh-sĩ Mông-cò ra ngoài bờ cõi, Quang-Khải, vui mừng về cuộc toàn-thắng, đã ngâm :

Đoạt sáo Chương-dương-độ,

Cầm Hồ Hàm-tử-quan.

Thái bình nghi nỗ lực,

Vạn cò thử giang-son.

Chương-Dương cướp giáo giặc,

Hàm-tử bắt quân thù.

Thái-bình nên gắng sức,

Non nước ấy ngàn thu.

(Lời dịch của Trần-trọng-Kim)

— Lần thứ ba (1287-1288).— Thấy Thoát-Hoan đại-bại chạy về, Nguyên-chúa tức giận, lập tức cho đình việc xâm-lược Nhật-bản, đề kíp sửa-soạn một thêm quân qua nước ta phục thù.

Đầu năm 1287, Thoát-Hoan lại được lệnh đem 500 chiếc thuyền và 30 vạn quân sang đánh, giả danh đưa Trần-Ích-Tắc, người họ Trần đã hàng giặc, về lập làm An-nam quốc-vương.

Tuy quân ta đã quen chinh-chiến, Hưng-đạo-Vương cũng không hề khinh địch. Thống lĩnh toàn thể binh-quyền, Quốc-Tuấn chia quân-sĩ giữ các nơi hiểm-yếu ; rồi vua tôi, thấy thế giặc đương mạnh, bèn tạm lui vào Thanh-Hóa.

Thoát Hoan vây đánh Thăng-Long mãi không nổi, phải rút về đóng ở Vạn-kiếp, và chẳng bao lâu, lương-thực đã cạn. Thừa dịp, Trần-Khánh Dư đem thủy-quân đánh đắm thuyền lương của giặc ở Vạn-đồn (Vân-Hải, Quảng-Yên) khiến địch quân thiếu cả thức ăn. Được tin, Thoát-Hoan hoảng-sợ, sửa-soạn chiến thuyền để tháo lui về Tàu. Hưng-đạo-Vương vội kéo quân tới sông Bạch-Đằng để ngăn đánh ; khi qua Hóa-giang (thuộc sông Thái-Bình, giáp-giới hai tỉnh Kiến-An và Thái-Bình), Hưng-Đạo tỏ dòng nước mà thề rằng : « Trận này không phá xong giặc thì không về đến nơi đây nữa ». Quả nhiên, Hưng-đạo dùng chiến thuật cho đóng cọc dưới lòng sông Bạch-Đằng, rồi sai Nguyễn-Khoái ra khiêu chiến, dụ giặc tới, đề bắt thần kịch-chiến. Các tướng Nguyên như Ô-mã-Nhi, Phần-Tiếp đều bị bắt (1288). Thoát-Hoan, được tin, vội chạy về Tàu, đến cửa ải Nội-bàng (thuộc Lạng-Son), bị phục-quân của Phạm-ngũ-Lão dõ ra đánh úp cho cho đến khi đại bại.

Tuy thắng, nhưng thấy Trung-quốc là nước lớn, Nhân-Tôn vẫn cho sứ sang triều-cống như xưa, đề tỏ tình hòa-hiếu. Nguyên-chúa nản lòng vì thua mấy trận, nên thỏa-thuận, không còn nghĩ gì đến chuyện báo thù.

Thực ra, hai lần sau cùng chống Mông-Cò mới thật là những chiến-công khó-khăn, nguy-hiêm và vô cùng rực-rỡ. Thánh-Tôn Thượng-Hoàng đã rất có lý, khi ngâm hai câu :

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cộ điện kim âu.

*Xã tắc hai phen chồn ngựa đá,
Non sông thiên cộ vũng áo vàng.*

Nay ta thử xét xem những lý-do chính, khiến quân nước nhà đã toàn thắng, dù tranh-đấu với những dũng-sĩ đã nổi danh trên hoàn-hải.

a) Chiến-thuật mềm-dẻo

Từ thế-kỷ thứ XIII, Trần-hưng-Đạo đã biết áp-dụng một chiến-thuật thích ứng, mềm dẻo, mà ngày nay, người ta thường gọi là chiến thuật du-kích.

— Thấy kẻ địch đương rồn-rập kéo tới như thác cuốn, mưa sa, vừa đông-dục vừa dũng-mạnh, Trần-hưng-Đạo nhất quyết tạm lui, không muốn dàn thành thế-trận, không lập một mặt trận duy-nhất, để trực tiếp cầm-cự lại. Như năm 1284, ông đã cho quân ăn-nấu ở những nơi hiểm-yếu, để rồi từ những chỗ này, sẽ tìm cách chia sẽ lực lượng của kẻ thù, mà đột kích khắp nơi. Trần-quang-Khải đánh ở mặt bắc : Trần-nhật-Duyệt đánh ở Hàm-tử (khoảng Hưng-yên ngày nay), không cho quân Tàu hợp nhất với đại-binh của họ ở Thăng-Long ; chính ông thì dồn lực lượng để khai chiến ở Vạn-kiếp.

— Biết kẻ địch ở xa tới, Trần-hưng-Đạo thấy nên kéo dài cuộc chiến tranh, một là để chúng bị khó khăn vì khí hậu, hai là để chúng phải lo ngại về quân nhu. Hơn nữa, ông đã hạ lệnh cho binh sĩ tìm hết cách chặn đường vận-tài lương-thực, chúng có là năm 1287, Trần-khánh-Dư đã kéo thủy quân đánh đắm thuyền lương của giặc ở Vân đồn.

— Sau hết, ông đã cho đánh úp ở nhiều nơi, và chính ông đã cho khiêu-chiến để lừa quân Tàu đi sâu vào Bạch-dăng-Giang, rồi bỗng nhiên đột kích như bão táp, khiến kẻ thù đã mắc mưu trúng kế.

b) Chiến-tranh toàn diện

Nhà Trần đã muốn toàn dân tham-dự cuộc bảo-vệ giang-sơn, nên đã triệu tập các bộ-lão dân thứ tại Hội-ng nghị Diên-Hồng, làm cho ai nấy nồng-nức tranh-đua để diệt kẻ thù chung. Trần-quốc-Toàn, tuổi mới 15, chưa được ra trận, thì ôm mối hận lòng, tay cầm quả cam không biết bóp nát lúc nào. Vẫn biết ít nhiều kẻ vong-bản, đã hèn-nhát, ra đầu hàng ngoại-tộc ; nhưng đại đa số dân-chúng giữ vững một tinh thần tranh-đấu rất cao,

không có sức gì cản nôi. Chính-sách Mông-cò-hóa của nhà Nguyên đã hoàn-toàn thất bại.

Từ trên đến dưới, quân dân, chính đã một lòng đoàn kết, quyết chống kẻ xâm-lãng, dù nhà vua đã có ý muốn đầu hàng.

c) Thiên-thời, địa-lợi và nhân-hòa :

Một trong những lý-do chính, để thành công, là nước ta đã nắm được cả ba yếu tố : thiên-thời, địa-lợi và nhân-hòa.

Dần ta quật khởi để giữ gìn độc-lập và thống nhất của non sông, bảo-tồn cơ nghiệp của ông cha để lại, thì thiết-tướng không còn có lập trường nào vững-chắc, cao-cả, phù-hợp với « Lòng trời » hơn được. Đã vậy, quân ta lại ở ngay trong xứ, biết lợi-dụng khí-hậu và địa-thế, một cách khôn-ngoan, sáng-suốt, nhân-dân lại vững tâm đoàn-kết, mong chờ ở thắng lợi cuối cùng. Lòng tin-tưởng kia đã biểu-lộ rõ-rệt trong các điệu thơ, lời nói. Trần-thủ-Độ đã tâu : « Đầu tôi chưa rơi xuống đất, thì xin bệ-hạ đừng lo ». Hưng-đạo-Vương đã quyết : « Nếu bệ-hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã ». Quang-Khải đã ngâm :

*Thái bình nghĩ nỗ-lực,
Vạn cổ thờ giang-sơn.*

Đề nêu rõ thiên-thời, địa-lợi, mà kêu gọi nhân-hòa, Trần-Hưng-Đạo không quên truyền hịch răn quân-sĩ, lời lời thiết-tha cảm-dộng. Trước hết, ông đã tả rõ cái nhục của toàn dân :

*Ta với người sinh vào thời loạn,
Vừa gặp cơn vận-hạn gian-nan.
Sử Nguyên lai vãng bao lần,
Mọi nơi đường sá, muôn vàn nôn-nao.
Triều-đình bị cá diều soi mói,
Tề-tướng thì lang sói rẻ khinh.
Mượn oai Hốt Liệt tranh-dành,
Lấy bao của báu chưa đành lòng tham ;
Cậy thế chúa Văn-Nam nạt-nã ;
Đòi bạc vàng, hết cả kho ta.
Thịt nuốt hùm đói mãi a ?
Sao cho thoát khỏi lo xa sau này ?*

(Bản dịch của cụ Cử Nguyễn-văn-Bình)

Rồi, ông tỏ nỗi phẫn-uất và lòng cương-quyết bảo-vệ giang-sơn để nêu gương sáng và thức tỉnh ba quân :

Ta đây những hàng ngày quên bữa,
Lúc đêm thâu ngồi dựa gối kêu.
Giọt châu lẫm-lã tuôn trào,
Như nung gan sắt, như bào lòng son ;
.....
Dù thân dầu với cỏ hoa,
Dù da ngựa bọc thây đà cũng vui.
.....

(Ng. V. B.)

Sau cùng, ông kêu gọi chí phấn đấu, và nhìn thấy trước cảnh toàn thắng của non sông :

Gia-đình ta được yên vui,
Vợ con người cũng no đời trăm năm.
Tôn miếu nghìn năm hương lửa,
Tổ-tiên người muôn thuở hương-thường.
Ta đây phi chí bằng tang,
Các người đường cũng về-vang vô cùng.
Huy-hiệu ta tôn sùng mãi mãi,
Tinh danh người ghi với sử xanh.
Bấy giờ vui thú linh-đình,
Các người dầu muốn buồn tên được nào.

(Ng. V. B.)

Vội từng ấy ưu-điềm, quân ta tất nhiên phải thắng.

o°o

Những trang sử vẻ-vang vừa kể, thật đáng cho hậu thế hân-hoan suy nghĩ.



NGUYỄN-KHUYẾN

VỚI THƠ NÔM (1835-1910)

của NGHI-TÂM

CỤ Tam-Nguyên Yên-Đồ là một trong những nhà văn hiện-đại, có thể tiêu-biểu cho nho-phong sĩ-khí của thời xưa. Không những tinh-tinh thanh-cao, lời thơ điêu-luyện, cụ còn có thái-độ một đạt-nhân quân-tử, một nhà ái-quốc lão-thành, coi thường danh-lợi, quyết không chịu cộng-tác với kẻ ngoại-bang, đề suốt đời giữ vẹn chí-khí hiên-ngang và tinh-thần bất-khuất. Ngoài cái giá-trị văn-chương, thi-ca của cụ là cả một tấm gương trong sáng, một nguồn cảm-hứng dồi-dào, đáng lưu-truyền muôn thuở.

o°o

Cụ vốn tên là Nguyễn-văn-Thắng, hiệu là Quế-Son, sinh năm 1835, tại làng Yên-Đồ, huyện Bình-lục, thuộc tỉnh Hà-nam ngày nay. Cụ đã thụ-giáo Cụ Hoàng-Giáp Phạm-văn-Nghị. Năm 1864, cụ đỗ Giải-nguyên, nhưng năm sau, đã hỏng kỳ thi Hội. Tương-truyền cụ lấy làm bực-dọc vì còn vương-vúu nợ bút nghiên, nên đổi tên là Nguyễn-Khuyến, rồi vào Kinh, theo học trường Quốc-tử-giám. Tới năm Tự-Đức thứ XIV (1871) cụ trúng kỳ thi Hội và thi Đình. Vì có đủ tam-nguyên, nên người ta thường gọi cụ là Tam-Nguyên Yên-Đồ.

Trên hoạn-lộ, cụ bắt đầu đi nhậm chức ở Huế, Thanh-hóa, và đã từng làm đốc-học Nghệ-An. Năm 1883, sau khi thành Hà-nội thất-thủ lần thứ hai, và Hoàng-Diệu tuần-quốc, cụ được cắt-cử ra Bắc-thành làm Thương-biện. trông nom việc buôn-bán với ngoại-bang. Kế đó, cụ được thăng chức Tuần-Phủ ; nhưng năm 1885, khi có chỉ bổ cụ làm Sơn-Hung-Tuyên Tổng-đốc, thì nhân mắc bệnh đau mắt, cụ kiếm cớ cáo quan về trí-sĩ, vì muốn tránh giao-thiệp với chính-quyền bảo-hộ.

Được ít lâu, người Pháp muốn thu-phục nhân-tâm và mna-chuộc cụ, bèn ủy cho viên Tổng-đốc Nam-dịnh Vũ-văn-Báo mời cụ ra giữ một trọng-trách ; nhưng cụ đã nhất-quyết khước-từ. Sau đó, cụ phải nhận làm gia-sư, ngồi dạy học trong tự-đình Kinh-lược, và hơn nữa, đề tránh

mọi sự nghi-ky, cụ đành để con là Nguyễn-Hoan xuất-chính. Tục-truyền có lần gặp viên Công sứ ở trước nhà người bạn đồng-liêu, đương làm bổ-chính Nam-định, cụ đã ứng-khâu ngâm :

Hốt đáo nhĩ-môn phùng nhĩ-câu ;

Cấp tương ngô-tử thế ngô-thân.

tạm-dịch là :

Cửa bác chợt thăm, e chó sủa,

Con ta vật tới, thế chân vào.

Phần nhiều các sách đều chép cụ mất năm 1909 ; nhưng theo ông Đạm-nguyên Nguyễn-đức-Đạm, cháu đích-tôn Cụ Tam-nguyên, thì huý-nhật của Cụ nhằm vào ngày 15 tháng giêng năm Canh-tuất, tức 24-2-1910.

Cụ là bậc túc-nho, từng-trải việc đời, lại có thiên-tài về văn-nôm. Cụ sở-trường về đủ loại: thi, ca, hát nói, câu đối,... và để lại một tập thơ, nhan-đề là « Quế-Sơn thi-tập ».

I.— CẢM-SÚC TRƯỚC TẠO-VẬT

Ngao-ngán về thời-cực, cụ tra một mình ngắm xem tạo vật, để khuấy-khoả nỗi lòng. Nhưng, có điều ta nên chú-ý, là cụ không hề say-mê trước màu tươi sắc thắm của thiên-nhiên ; cụ không chìm-dắm trong cảnh-vật, như Rousseau hay Lamartine, hoặc để cảm-tình lai-láng như Bà Thanh-quan, trong các câu :

Bầu dốc giang-sơn, say chấp rượu,

Tái lưng phong-nguyệt, nặng vì thơ...

Là một thi-sĩ, cụ tự thấy tâm-hồn rung-động, song cụ vẫn ngắm trông bằng lý-trí, và phân-tách ngoại-vật bằng con mắt sắc-sảo của một nghệ-sĩ tài tình. Cụ luôn luôn giữ mực thăng-bằng giữa tình-cảm và trí-năng. Trước mỗi phong-cảnh viêng thắm, cụ ghi những chi-tiết cụ-thể và đặc-sắc, lại nhớ rõ những cảm-tình hay nhận-xét riêng của mình, nên cấu-tạo thành một bức hoạt-họa cân-đối, tỏ rõ một kỹ-thuật chắc-chắn, vững-vàng. Không muốn tự buông theo dòng cảm-hứng, cụ luôn luôn dùng một ngọn bút linh-động để chấm phá một cách sáng-suốt, tinh-vi.

Ta hãy nghe cụ mô-tả phong-cảnh hiu-hắt mà trong-sáng của mùa thu:

Thu-điều

Ao thu lạnh-lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo-teo. (1)

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

(1) Có nơi chép là : Một chiếc thuyền con bé tẻo-teo.

Tùng mây lơ-lửng trời xanh ngắt,

Ngõ trúc quanh-co khách vắng teo.

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,

Cá đù đập động dưới chân bèo.

Việc câu cá có đâu là quan-hệ : nó chỉ là cái cớ để tác-giả lặng ngắm cảnh thu, nhìn một làn sóng, một chiếc lá khô, giữa chốn thôn-quê, êm-đềm, hiu-quạnh, để làm cho cụ lãng quên đời thực-tế...

Có lúc, thi-sĩ cạn đăm chén rượu, để hòa mình với cảnh-vật, mà thường-ngọn những hình-sắc vui tươi :

Thu-àm

Năm gian nhà nhỏ thấp le-te,

Ngõ tối, đêm khuya, đóm lập-lòe.

Lưng giậu phát-phơ màu khói nhạt,

Làn ao lóng-lánh bóng trăng loe.

Đa trời ai nhuộm mà xanh ngắt,

Mắt lão không viêng cũng đỏ hoe.

Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy,

Độ năm ba chén, đã say nhè.

Hơn nữa, có khi cụ đã muốn say-sưa, để tâm-hồn tận-mác giữa không-trung, gác bút nghiên tận-hưởng thú thiên-nhiên, nhưng lại tự kìm-hãm, sợ không xứng-dáng với lý-tưởng của nhà nho, mà tinh-thần phải tinh-tao, sáng-suốt.

Thu-vịnh

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,

Cần trúc lơ-thơ gió hắt-hiu.

Nước biếc trông như lừng khỏi phủ,

Song thưa đẽ mực bóng trăng vào.

Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái,

Một tiếng trên không, ngỗng nước nào ?

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,

Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

Cũng vì khảo-sát và phân-tách bằng lý-trí, nên ngọn bút sắc-sảo của cụ biết vẽ rõ những đặc-diểm của từng phong-cảnh. Những nơi cụ mô-tả không thể trộn lẫn với một nơi nào khác ; nó lại trái ngược với những hình-ảnh tưởng-tượng, giả-tạo, mà ta thường thấy trong các thi-văn cũ, trong các khuôn-sáo cổ-truyền :

Đây là núi An-Lão (1) :

Mặt nước mênh-mông nổi một hòn,
Tiếng gà nhưng núi vẫn là non.
Mảnh cây thưa-thớt đầu như trọc,
Tầng đá cheo-leo ngấn chứa môn.
Một lá về đầu xa thăm thẳm,
Nghìn làng trông xuống bé con con.
Đầu gà, đã hẳn hơn ta chưa ?
Chống gậy lên cao, bước chửa chôn.

Tả Chợ Giời chùa Thầy, (2) thì :

Buổi sớm gió tuôn, trưa nắng dãi, (3)
Ban chiều mây hợp, tối giăng chơt.
Bày hàng hoa-quả tư mùa sẵn, (4)
Mở phố giang-sơn bốn mặt ngồi.

Vịnh « đêm mùa hạ », cụ chỉ ghi một vài nét tự-nhiên mà linh-dộng :

Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thực oi-á.
Tiếng đẽ kêu thiết-tha ;
Đàn muỗi bay là-tả...
Nổi ấy biết cùng ai ?
Cánh này buồn cả dạ,
Biếng nhắp năm canh chầy,
Gà đã sớm giục-giã.

Trong bài « Trời nói », cụ đã viết :

Cao cao muốn trượng ấy là tao,
Đầu pháo thăng-thiên chẳng tới nào.
Nhấn bảo trần-gian cho chúng biết,
Tháng ba tháng tám tố mưa dào.

Núi An-Lão với đầu trọc, Chợ Giời với mây bay trắng rợn, mùa hè với tắc lòng nung-nấu, Cao xanh mà pháo thăng-thiên chẳng tới, thật là lời nào cảnh ấy, không còn thề sao lắm-lắm.

(1) Còn gọi là Nguyên-hàng-sơn hay Quế-sơn, một ngọn núi ở làng An-lão, huyện Bình-lục, thuộc tỉnh Hà-nam ngày nay.

(2) Thuộc phủ Quốc-oi, tỉnh Sơn-tây bây giờ.

(3) Có bản chép : Buổi sớm gió đưa, trưa nắng đón.

(4) — : Bày hàng hoa quả, quanh năm sẵn.

Cụ là một nghệ-sĩ, nên không những nhận rõ các hình-thể, mà còn lắng nghe những tiếng động, và phân biệt từng màu sắc.

Ta hãy lắng tai :

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

(Thu điệu)

o°o

Tiếng sáo vo-ve chiều nước vọng,
Con thuyền len-lỏi bóng trăng trôi,

(Nước lự)

o°o

Bóng thuyền lấp-thoáng rờn trên vách.
Tiếng sóng loong-boong lượn trước nhà.

(Lự)

Còn màu-sắc, thì có những diềm mờ-lạt, để gây những cảm-súc bàng-khuàng :

Hàng giậu phất-phơ màu khớt nhạt.

(Thu âm)

hay :

Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Sông thưa dề mặc bóng trăng vào.

(Thu vịnh)

hoặc :

Ngó trước vườn sau um nhừng cỏ,
Vàng phai thăm nhạt ngán cho hue.

(Nắng khé)

Lại có những màu rõ-rệt hay rực-rỡ, khiến cảnh-vật không đến nỗi âm-u, buồn-tẻ :

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tùng mây lơ-lững trời xanh ngắt.

(Thu điệu)

o°o

Ngó tối đêm khuya đóm lập-loè.

(Thu ồm)

o°o

Làn ao, lóng-lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt,
Mắt lão không viền cũng đỏ hoe.

(Thu ồm)

II.— TÌNH-CẢM

Là một nhà Nho, chịu ảnh-hưởng của đạo tu-tề, lễ tự-nhiên là cụ tha-thiết với cảnh gia-đình. Cụ đã vui-vẻ bốn-cột, làm bài « nhất vỹ nhĩ trời » :

Khôn đến mẹ mày là có một,
Khéo như con tạo cũng là hai.
Trời dẫu yêu vì nhưng có phận,
Vợ mà vụng dại dếch ăn ai.

Cụ lại hân-hoan thấy con là ông Phó-Bảng Nguyễn-Hoan đương cho dựng một ngôi nhà mới :

Vợ chồng thành Bảng thực tài lo,
Nhà dẫu không to, thế cũng to.
Mực thước uổng tròn sau cửa thánh,
Lửa hương ngào ngọt trước làng nho.
Chim oanh vườn cũ đương bay nhây,
Chốt quế sân sau muốn thập thò.
Con có cha như nhà có nóc,
Được giờ cất nóc, tở len cho.

Rồi, cụ đã vịnh tết Nguyễn-Đán :

Nghĩ ta, ta cũng sướng ru mà !
Mừng thấy con ta dựng được nhà.
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,
Cổ bày ngồi đã trước bàn ba.
Chén men đến bữa nghiêng bầu rốc,
Chứ đại đầy năm sỏ nút ra.
Một củ thủy-tiên năm bảy khóm,
Xanh xanh như sắp thập-thò hoa.

Tuy nhiên, những tình-tình nhẹ-nhàng và hồn-nhiên như vậy, chỉ thoáng qua trong chốc lát ; thời thường, cụ vẫn bàng-khuàng nghĩ tới cảnh non sông đất nước, nên đã ngỏ lời răn con cháu :

Xuân nhật thị chư nhi.

Đời hồ mao phát tiệm . tham-tham,
Bất giác niên đăng ngũ thập tam.
Đương thế thi thư hà sở dụng,
Lão lai quan đại thượng đa tầm.
Loạn-ly xuân sắc chân vô lại,
Uu-khổ nhân tình tổng bất kham.
Đối thử quan âm hà dĩ úy ?
Chư nhi do tự từ ca hàm.

Cụ đã dịch ra quốc-âm như sau :

Ngày xuân răn con cháu.
Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,
Nay đã năm mươi có lẽ ba.
Sách vở ích gì cho buổi ấy ?
Áo xiêm nghĩ lợi thẹn thân già.
Xuân về ngày loạn còn lơ-láo ;
Người gặp khi cùng cũng ngắt-ngờ.
Lần-thần lấy chi đèn tác bóng ?
Sao con đàn hát vẫn say-sưa ?

Riêng đối với bằng-hữu, cụ lại rất giàu tình-cảm. Trong thi-văn nước nhà, ít ai đã ngỏ với bạn, những lời dí-dỏm, chân-thành, tự-nhiên, mà thân-thiết như cụ.

Nhân một lượt, cụ đã gửi lời hỏi thăm bạn, là cụ Bùi-Quế, ở Châu-cầu : (1)

Ai lên, nhắn hỏi bác Châu-cầu :
Lụt-lội năm nay bác ở đâu ?
Mấy đ lợn con, rày lớn, bé ?
Vài gian nếp cái, ngập nông, sấu ?
Phận thua suy-tính càng thêm thiệt,
Tuổi cả chơi-bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no, mà chẳng đói,
Thung-thắng chiếc lá, rau lưng bầu.

(1) Cụ Bùi-Quế, tại làng Châu-cầu, thuộc huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-nam ngày nay.

Đối với cụ Bùi-Quế, vốn là chỗ tri-giao, cụ Nguyễn-Khuyến đã có lần nhắc nhở đến tình thân-thiện :

*Kim-Lan tự thuở nhỏ chơi-bời,
Đôi lứa như ta được mấy người ?
Trời hẹn ngày cho ba, vạn sáu,
Ta chung tuổi mới một trăm hai.
Kẻ già, nét bút chằm càng trẻ,
Người khỏe, tay đao độ lấy đời.
Từ trước bằng vàng nhà sẵn có,
Chẳng qua trong bác vót ngoài tôi.*

Được tin một bạn khác mất cướp, cụ đã gửi đũa mấy vần thơ :

*Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,
Nó lại lời ông đến giữa đồng.
Lấy của bắt người, quán tẻ nhỉ ?
Xương gầy da cóc, có đau không ?
Bây giờ chót đã sầy da chân,
Ngày trước đi đâu mắt mày lông.
Thôi cũng đừng nên kỳ cốp nữa,
Kéo mang tiếng dạt vớt phường nông. (1)*

Trong-truyền thấy cụ cáo quan về nghỉ, lấy có đau mắt trông không rõ, ông Chu-mạnh-Trinh, lúc bấy giờ làm án-sát, liền bõn-cột gửi tặng cụ một chậu chà, một thứ hoa, chỉ có sắc đẹp mà không có hương thơm, nếu không nhìn được thì còn thương-thức nỗi gì. Cụ đã hiểu ý, bèn trả lời bằng một bài thơ, chữ Hán, mà cụ đã dịch ra tiếng nôm, đề chế-giễu lại, chê ông án là quá ư tha-thiết với đai vàng, áo tía :

(1) Nhiều học-giả tin rằng : người bạn mất cướp ở đây là cụ Thượng Vũ-văn-Báo. Vì này đã họa lại như sau :

*Ông tham, tôi cũng già ơn ông,
Nó có lời tôi đến giữa đồng.
Cũng tưởng oun thu phòng lúc thiếu,
Nào ngờ kỳ cốp lại như không.
Chém cha thặng qui đến tai mắt,
Chẳng nề ông già bạc tóc lông.
Ông hỏi thăm tôi, tôi có biết.
Thương ông tuổi tác, cháu thì nông.*

*Tết đến người cho một chậu chà,
Đương say, say chẳng biết rằng hoa.
Da mồi tóc bạc, ta già nhỉ ?
Áo tía đai vàng, bác dầy a ?
Mưa nhỏ nhằng kình phùng xô lá,
Gió to lướng sợ lúc rơi dề (1).
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch thấy hơi hương, một tiếng khà !*

Tuy nhiên, áng văn lâm-ly, cảm động nhất, vẫn là bài cụ soạn bằng chữ Hán, rồi dịch nôm, đề viếng cụ Nghè Văn-dinh Dương-Khưu :

*Bác Dương, thời đã thời rồi !
Nước mây man-mác ngậm-ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau.
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp-gỡ biết đâu duyên trời.
Cũng có lúc chơi nơi dạm khách,
Tiếng suối nghe róc-rách lưng đeo.
Có khi từng gác cheo-leo,
Thú vui con hát, lựa chiều cầm xoang.
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh-tương ôm-ấp bầu xuân.
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông-bích điền-phần trước sau.
Buổi ly-loạn gặp đầu cơ số,
Phận đầu thặng ai có tham đời. (2)
Tôi già, bác cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là.
Việc đi lại, tuổi già thêm nhác,*

(1) Dà là dai-hoa.

(2) Có chỗ chép :

*Buổi dương tửu cùng nhau hoan-nạn,
Miếng đầu thặng há dám tham đời.*

Trước ba năm, gặp bác một lần.
Cầm tay, hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh-thần chưa can.
Tuổi tôi kè còn hơn tuổi bác,
Mà tôi đau trước bác mấy ngày.
Làm sao bác vội về ngay ?
Chợt nghe, tôi những chân tay rụng rời. (1)
Ai chả biết chán đời là phải,
Vội-vàng chi đã mắt lên tiên ?
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua, không phải không tiền không mua.
Thơ muốn viết, dẫn-đo chẳng viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?
Giường kia, treo những hững-hờ.
Đàn kia gầy những ngân-ngơ tiếng đàn.
Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương.
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đầu ép lấy hạt hàng chứa-chan.

(1) Có sách chép :

Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.

(Xem tiếp trang 1579)



Tin lạ năm châu

GIẤY PHÉP QUỐC-TẾ ĐỀ VÀO THU-VIÊN.

Unesco hiện nay đang nghiên-cứu thiết-lập một thứ giấy phép quốc-tế đề cho tất cả mọi người có thể tới tra-cứu sách, báo, phim, ảnh v.v... tại thư-viện của tất cả các nước, không cần sự chấp thuận của các vị giám-đốc thư-viện đó. Nếu dự định này được thực-hiện, thời đáng kể là một tiến bộ lớn lao, giúp cho các nhà du-lịch và các sinh-viên du-học có điều kiện thuận-tiện đề khảo sát, và giúp rất nhiều cho các dân tộc hiểu biết nhau thêm.

Chàng Ba
(Rút ở tài-liệu Unesco)

KHO VÀNG BÍ MẬT

TẠI VIỆT-NAM

(tiếp theo V. H. N. S. số 13)

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

LƯƠNG-HỌC lấy làm ngạc-nhiên khi trông thấy ở trong những loài chạy trốn hỏa tai, có ba con vật rất lạ : không phải là người, không phải là khi, đầu tóc rú rọi, râu ria xồm xoàm, gần như trần truồng, dưới bụng, chỉ đeo một mảnh lá khô, một cùm gậy, một vác búa đá, một cùm xương đầu-lâu..., cả ba đều tiến về phía cửa hang Lương-Học. Ghê sợ, Học không biết tính sao, đành ngồi yên. Chúng lội qua suối rồi ập vào hang. Học chực chạy ra thì bị nắm lại, rồi bị trói. Ba người rừng ; mùi hôi như cú. Tiếng nói như chim. Học nhìn bộ xương sợ, dưới ánh lửa rừng đêm mà sợ. Chắc rằng chuyện này thì chết thật.

Người cầm sợ khám mình Học, ngoài cái da gấu, không thấy gì, vì Học đã nhanh tay dầy dao găm cùm mọi thứ vào trong lỗ vách đá, lấp kín lại rồi. Hồi lâu, lại có năm người rừng nữa, dẫn một người đàn ông và một người đàn bà bị trói dật cánh khuỷu. Hai người ấy và Học đều bị lột trần truồng, rồi nhốt vào một hốc đá, trên đây nắp đá.

Trong hốc đầy xú khí, ngồn ngang những xương người, chuột chết. Học tìm được một kẻ kẻ đá, nhờ đó mà nhìn trộm ra người, Học thấy lũ người rừng xếp cũi ở giữa hang, châm lửa, củi cháy, tám người nhay múa, hát những giọng ú ớ, nghe dữ tợn, có thể phò đàn theo mấy câu sau này : đồ đồ rề, đồ đồ rề, đồ đồ rề...

Cuộc múa hát hình như chỉ có những đàn ông chiến sĩ được dự mà thôi.

Sau cuộc múa hát, đến cuộc múa ăn, có đàn bà dự. Đàn bà để nhận, vì không có râu và lá che thân kín hơn.

Bốn người lực-sĩ, kẻ vác búa, người cầm gậy, xông vào, mở nắp đá ; chết đến nơi rồi ! Học can đảm là thế mà cũng phải run. Can đảm là

sức mạnh của tinh thần, run là kết quả của sức kích thích của thân thể ; nếu tinh thần không làm chủ được thân thể, thì tất nhiên có mâu thuẫn.

Hai kẻ cầm gậy đứng trên, hai kẻ vác búa xuống hố. Chúng nắm lấy Học, nắm vai, bóp lưng, rồi lại bỏ ra, chắc cho là gậy. Chúng sợ phải người đàn bà ở cạnh Học, người đàn bà sợ quá, thét lên rồi ngất đi. Chúng tóm người đàn ông sênh sênh lúi lúi lên, cỡi trời. Cửa hố đóng lại. Bốn kẻ đem người đàn ông ra gần đồng lúa, hai kẻ cầm tay, hai kẻ cầm chân, căng thẳng người, hơ trên lửa hồng. Người kêu và rẫy, một lát biến thành cái xác chết.

Hai kẻ lấy búa pha người thui ra làm nhiều miếng, rồi đàn ông đàn bà, mỗi người cầm một miếng thịt, khúc xương, vừa ăn, vừa múa chung quanh đồng lúa...

Ăn no, múa chán, than lửa đã bắt đầu tàn, chúng ngồi trò chuyện ở số hang, ở cạnh đồng lúa, rồi ôm nhau mà ngủ.

Học tự nghĩ : trông người lại ngấm đến ta... chỉ nay mai, chúng sẽ tính đến ta, ta phải liệu trước, một sống, một chết, thế nào cũng phải hành động...

Học lấy răng cỡi trời, đứng dậy với lên nấp đá, thấy dưới tay, bèn nhặt xương người xếp thành đồng, đứng lên trên đầu đồng nấp, húc lên hòn đá cặp kênh. Học lấy một cái xương ống làm cần để bẫy, hòn đá xê dần. Bẫy mãi, hòn đá xê mãi, về sau miệng hố hở rộng có thể chui đầu lên được. Ngoài chúng vẫn ngủ say, ngáy đều.

Nghe cho đỡ mỏi tay, rồi lại bẫy. Ống xương làm xê hòn đá ; nếu có cần bẫy khá dài và điềm tựa khá mạnh, người ta có thể mang được quả địa cầu. Bẫy hết sức, hòn đá để chỗ hở, người chui lọt.

Học vào cỡi trời cho người đàn bà là đồng ngục, lúc ấy đã tỉnh lại rồi ; người này chực kêu, Học vội bung chặt lấy mồm, người này hiền ý để cho cỡi trời. Cỡi xong, Học dẫn người này ra chỗ nấp đá hở, để người ngồi lên cỡi cặp hai chân về đằng trước. Thế là người ấy bám vào thành hố đá bước lên. Lên trên ngồi vững, đưa hai tay cho Học nắm chặt lấy mà kéo lên. Thế là ra thoát ngục rồi ; nhưng còn phải ra thoát hang đá nữa, mới mong khỏi chết.

Chúng vẫn ngủ say, nằm ngòn-ngang. Người đàn bà lưỡng cuống đạp chân phải một người ; nó mê ngủ, ú ớ nói mấy câu rồi lại ngáy. Hai người dắt nhau ra phía cửa. Ngoài hang chỉ có mấy khúc gỗ ngáng,

đề ác thú khò vào. Học khẽ nhắc ra hai đoạn đủ chỗ lên ra, hai người ra ngoài, thật là thoát hang đá !

Bây giờ hai người mới thấy mình không có quần áo. Nhưng không sợ rét bằng sợ chết. Phải trốn cho mau, kéo chúng dậy thì nguy.

Xào-xạc, gà rừng đã gáy, hai người không quen biết, không hiểu tiếng nhau, chỉ hiểu lòng nhau, giọng ruid trên con đường trốn, vượt suối trèo đèo, chẳng kể chỉ đến rừng thiêng, thú dữ.

Trời đã bình minh. Đôi trai gái thấy mình trần trụi. Muốn che thân không kiếm đâu được lá, và không có thời giờ.

À ơ ! à ơ ? Hú ? Hú ?

Chết, chúng đuổi đến sau lưng rồi, trốn đâu bây giờ ? Kia vũng nước, rêu cỏ che gần kín. Hai người lẩn mình xuống đấy, rồi lấy rêu phủ lên đầu, lên mặt, chỉ để hở hai lỗ mũi và hai con mắt. À ơ ! à ơ ! Chúng vượt qua vũng nước mà không biết. Chàng và nàng dắt nhau lên : lạ thay ! lúc trước mình trắng nhẽ, trắng nhại, bây giờ đen sì đen sùi, hình như mặc một thứ áo nịt bằng lá tre. Nhưng không phải lá tre. Sờ tay vào mới biết là đĩa ! Chao ôi ! Đâu mà lấm đĩa thế ! Đĩa lớn, đĩa bé đĩa mẹ, đĩa con, nó bám suốt từ đầu chí chân. Hai người bắt đĩa lẩn cho nhau, nhưng không xuê. Học đánh hơi có mùi diêm sinh, chắc gần đây có suối nước nóng. Kịp theo luồng gió, đến chỗ nhiệt tuyến, cả hai người đều trắm mình vào hố nước nóng. Nước có diêm sinh, có phèn, có muối, đĩa không chịu đau sót, tự tiện nhả ra, co mình, trôi theo dòng nước, còn để lại những vết thương máu chày rùng rùng. Lúc này, đĩa đeo lủng lẳng khắp người làm thành một bộ áo xanh, nay đã rơi để lại máu, hai người như mặc bộ y phục màu hồng ! Trời rét, không quần không áo, hai nạn-nhân vớ được nước nóng ngâm đến vai, thì còn gì thú bằng !

Lũ người rừng đi khò, kể đến một đoàn binh mã. Người cưỡi ngựa dẫn đầu mặc áo lông đen, đội mũ lông, tay không cầm dây cương điều khiển ngựa bằng mồm.

Đến vũng đĩa, cả đoàn người dừng lại thấy hai cái đầu nhấp nhô ở trong hồ nước nóng, tưởng là người rừng bị đuổi trốn, ông tướng xuống ngựa tuốt gươm tiến đến gần. Người đàn bà, không ngại lửa lò, vội ra khò nước, lên bờ, giờ hai tay vẫy và gọi. Ông tướng cất gươm đi, chạy lại, dặt lên, rồi cỡi áo lông cho mặc. Ông tướng ấy là Chúa Công bộ

lạc Xích-kim. Nguyên mấy hôm trước, bà Chúa, cùng tên thủ hạ về thăm cha mẹ ở núi Kỳ Sơn, chẳng may bị lũ người rừng bắt mất. Chồng biết tin, đem quân đi cứu, nhưng đến hang đá, tìm không thấy gì, bèn đuổi theo lũ ấy đến Vung Địa.

Còn Học ? Vãn ngâm mình dưới nước nóng, hy vọng thế nào người đàn bà kia chẳng kể công cho mình. Ông Tướng đặt vợ lên yên, cho ngồi đằng trước, phóng ngựa đi, hạ lệnh trói anh chàng đem về hạ ngục,

Tình ngay, lý gian, dù bà Chúa hết sức bênh vực cho người ân nhân, Lương-Học bị ông chúa ghen, kết án tử hình !

Còn đêm nay nữa, mai đã phải ra pháp trường chịu tội. Tội hay là công ? Chỉ có quỷ thần biết. Nỗi oan biết ngỏ cùng ai ? Học ngồi trong ngục, nghe gió thổi ngoài, muốn nhờ gió đem tin buồn cho vợ, ở đâu ấy, cho con cháu ở quê nhà. Học tiếc tương lai đầy hứa hẹn. Tuyệt vọng già mẹ, Học không nghĩ gì mà đành ư số phận, hữu hình tất hữu hoại, sinh ký tử quy.

Trong khi Học nằm đợi ngày hành hình, vợ Tú-Trưởng hết sức thân oan cho người ân-nhân, và cố nài chồng rộng lượng khoan hồng đối với người vô tội. Tú Trưởng thấu tình, nghĩ lại, bằng lòng tha tội chết, nhưng phải qua một cuộc thử thách, xem có phải quả là oan không. Tú Trưởng hạ lệnh cho vợ cưỡi ngựa, cầm cung, phóng qua mặt tội nhân xa 20 trượng. Tội nhân hai tay ôm một quả bưởi ở trước ngực, dưới mỏ ác, tức là ở chỗ quả tim ; ngựa chạy phi như bay, cung dương bắn tên tầm thuốc độc : hễ bắn trúng quả bưởi thì tội nhân được tha, hễ tên trật ra ngoài, thì cả tội nhân và người bắn sẽ bị tử hình..

Lệnh ấy ban ra, gần xa ai cũng hồi hộp, chờ xem ngày thử thách.

Hôm ấy, mới rạng đông, lớn bé già trẻ đã lần lượt kéo nhau đến pháp trường. Khi mặt giời vừa nhô trên rặng núi xương mù bao phủ, đã thấy một đám người và ngựa từ ngục thất dẫn tội nhân đến pháp trường. Lương-Học, bị đặt trên một hòn đá, hai chân trói chặt vào cọc, quỳ về đằng trước, hai tay ôm một quả bưởi nhỏ ở trước ngực, mặt cúi gằm.

Mặt trời đã lên cao. Người đứng xem đông như kiến cỏ, vây kín cả một bãi rộng hơn ba mẫu. Tội nhân ôm bưởi, tro tro như một pho tượng dưới ánh dương.

Bỗng mọi người xôn-xao bảo nhau và chỉ chỗ : Bà sắp đến ! Bà sắp đến.

Chiêng, trống nổi lên, người xem hò reo. Kia đằng xa, có hai người phóng ngựa, cát bụi bay mù, tiến về phía pháp trường. Đến gần, ai nấy mới nhận ra là ngựa hai vợ chồng Tú-Trưởng.

**PAGES
MISSING**

NGUYỄN-KHUYẾN

VỚI THƠ NÔM

(Tiếp theo trang 1568)

III.— ÓC TRÀO-PHÚNG :

Cụ là người khôn-ngoan, lịch-duyet, nên dễ nhìn thấy những cái hư, cái rỗng của thế-nhân. Nhưng cụ không hề lấy thế làm căm-giận, mà chỉ mỉm một nụ cười mỉa-mai, ý-nhị. Nhà văn-hào Anatole France, nhận thấy rằng : nhân-tâm trặc-trở, cảnh-thế éo-le, kẻ thức-giả cần phải có hai đặc-tính để không đến nỗi chán-nản, căm-hờn : óc châm-biếm và lòng trặc-ăn (1). Phải chăng, cụ Nguyễn-Khuyến đã ở vào tâm-trạng đó ?

Cụ đã ví kẻ ích-kỷ, như một người già điếc :

Trong thiên-hạ có anh già điếc :

Thấy ngo-ngo ngác-ngác nghĩ là ngáy.

Chẳng ai ngờ sáng tại họ, điếc tại cây.

Lối điếc ấy, sau này em muốn học.

Tọa trung đàm tiếu nhân như mộc,

Dạ bán phạn viên nhĩ tự hầu.

Khi vườn sau, khi sân trước, khi điếu thuốc, khi miếng trầu :

Khi trà chuyên năm ba chén, khi Kiều lầy một đôi câu.

Sáng một lúc, lâu lâu rồi lại điếc.

Điếc như thế ai không muốn điếc.

Điếc như anh, để bắt chước ru mà !

Hỏi anh, anh cứ ậm-à !

Thấy bao kẻ cố tranh-giành vì tư-lợi, cụ nhắc-nhở đến chuyện trai, cò, và khuyên ai hãy gạt lòng vị-kỷ, để tránh sự xâu-xé nhỏ-nhen :

Cò mò chai

Chai sao chẳng biết tình cò cò ?

Mày hí-hênh chi, nó mò cho.

Đã cộ đầy mai không khép kín,

Cho nên dài mỏ nó ăn to.

Thôi về bãi bè cho êm-ái,

Đề mặc bên sông nó gạt-gù.

Cò trắng có khôn đành gác mỏ,

Chai già sẽ được lúc phọt mo.

(1) l'ironie et la pitié.

Cụ lại cười cợt vịnh chiếc cối xay, cho rằng tuy nó có tai (tai cối), nhưng vẫn lắc đầu, không muốn nghe điều danh-lợi :

Khen con tạo-hoá cũng tài thay,
Khéo tạc nên hình cái cối xay.
Tiếng nói âm-âm như sấm động,
Miệng cười răng-rác tựa mưa bay.
Lưng đeo đai bạc trăm vành nặng,
Dạ chứa lòng vàng một ngóng ngay.
Lại có hai tai thông-sáng cả,
Gác ngoài danh lợi, lắc đầu quay.

Trong bài « Kê trộm lại mất trộm », phải chăng cụ đã ám-chỉ những quân trộm ngày : (1).

Mày đi khoét lấy của người đày;
Đã có người theo khoét của mày.
Canh bạc biết đâu là lỗ lãi,
Vòng duyên thời cũng tại ra may.
Hóa thua cụ Ngạn đừng cho lựa,
Nên kèm thầy Vương chó ném cây. (2)
Gẫm chín cuộc đời ai chẳng thế,
Kiếm ăn không những một phường bay.

Cũng vì nghĩ tới hạng này, mà cụ đã tự hỏi, khi nhắc tới sự oan-ức của Vương-ông, trong truyện Kiều :

Có tiền việc ấy mà xong nhi ?
Đời trước làm quan cũng thế a ? (3)

(1) Nguyên văn là chữ Hán, cụ đã dịch ra quốc-âm.

(2) Ngạn-Phương bắt được đừa ăn trộm nhưng cho nó tằm lựa, mà răn nó theo chính-đạo. Người kẻ trộm quả đã giặc-ngộ mà làm ăn lương thiện.

(3) Vương Tô lấy dui nhà dúi ném kẻ trộm.

(3) Trích trong bài :

Bán mình chuộc cha.

Thằng bán tơ đầu dờ-dói ra ?
Đề cho bạn đến cụ Viên già.
Muốn êm, phải kiếm ba trăm lạng,
Khéo xếp, nên liều một chiếc thoa.
Đón khách mượn màu son phấn mỹ,
Đem thân chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhi ?
Đời trước làm quan cũng thế a ?

Cụ lại không khỏi mỉm cười chế-giễu, khi thấy một khách Bình-khang, kêu là bị bóng đè :

Muồi

Bóng người ta nghĩ bóng ta,
Bóng ta, ta nghĩ hóa ra bóng người.
Tính ra rồi mới nực cười,
Giấc hồ ai khéo vẽ vời cho nên.

Nói

Cô đào Sen là người tri-liệu,
Có làm sao ông-ợ với làng nho ?
Bóng đầu mà bóng đè cô,
Bằng thấy chuyện nhỏ to thêm thắc-mắc.
Cổ hữu diệp vi thân ngoại vật,
Toán lai đồ thị mộng trung nhân.
Sực tính ra, nào biết chuyện xa gần,
Còn ửng-ửng tiếng đàn càng tiếng trống.
Quán bát kiến: Thiên-Thai động-khầu cần tương-lống.
Đầu bóng ta, ta bóng có làm sao,
Thực người hay giấc chiêm-bao ?

Được tin một ông đồ bị mắc lừa, cụ không thể không ghi mấy vần trào-phúng :

Chế bác Đồ mắc lừa.

Anh đồ Ơi hơi anh đồ,
Mặt đồ như tờ, da khô như sành.
Ngoài ba mươi tuổi xuân xanh,
Duyên sao sớm định rắp ranh những ngày.
May sao may khéo là may,
Gặp anh Hai Cạo chao tay một nàng.
Trông người lịch-sự giới-giang,
Hỏi người quê-quán, họ-hàng nơi nao ?
Thưa rằng : « Thiếp ở Từ-Cao,
Rằng Phan là họ, rằng Cào là tên.
Bước nhà gặp buổi chuẩn-truyền,
Cánh bèo mặt nước, sông Tiền ngược xuôi.
Hay đầu duyên sự bết trời,
Bách tòng nhờ bóng, gửi người đàng-la ».

Thầy nghe cô nói sót-sa,
Ngọt-ngào đầu lưỡi, đậm-đà lỗ tai.
Con người thực cũng là người,
Tiền thời phông mắt độ oài bốn quan.
Ít tiền mua được của ngon.
Máu tham thầy mới phát hoàn anh Hai.
Từ ngày gặp liễu Chương-Đài.
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Khi gổ xếp khi chẵn bông,
Khi khấn bỏ giọt, khi mừng thắm che.
Khi chén rượu, khi cuộc chè,
Khi vui hôn-hờ, giấc hòe tình say.
Nắng mưa lặn-lửa tháng ngày,
Cò tiêu đã lặn, thầy vầy cũng nhiều.
Yêu người người lại chẳng yêu,
Chiều hoa, hoa lại chẳng chiều mới cũ.
Cổ đêm thanh vắng bóng Hằng.
Thầy đương giờ chén, cô băng vội năm.
Trời vừa giờ trống canh năm.
Vé đôi áo mỏng, vội dăm áo dày.
Thầy đương giờ giấc nào hay,
Tình ra cô đã bỏ thầy cô đi.
Duyên đâu gặp-gỡ làm chi,
Người đâu điên-đảo, thế thì biết đâu.
Hót-hơ hót-hỏi tìm nhau,
Đạo quanh cửa trước cửa sau đi tìm.
Tìm em như thê tìm chim,
Rừng xanh núi đỏ biết tìm vào đâu ?
Tìm em như thê tìm trâu,
Đồng kia bát nọ, biết đâu mà tìm ?

Tuy nhiên, nụ cười của cụ, không có gì là ác-ý. Chúng có là cụ
giếu-cọt cả một thư-sinh :

Chê học-trò ngu gặt.

Trò-trọc gì bay, học cạnh thầy,
Gặt-gà gặt-guồng, bắt cười thay !
Giọng khê nằng-nặc không ra tiếng,
Mắt lại lim-dim, rắp đã cay.

Đồng nổi đầu đầy la-liệt đảo ?
Ma men chi đây tìm-mù say ?
Để chùng bắt chước Chu-Y đó,
Quyền có câu thần, vội gặt ngay,

Sống trong cảnh nghèo, tiếp bạn mà không có gì đãi bạn, cụ cũng
vui-vẻ đùa-bỡn :

Suông tình.

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà,
Cải mới ra cây, cà chưa nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.

Hơn nữa, cụ đã nhiều lần tự-trào :

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng-nhang.
Cờ đương giờ cuộc, toan làm nước,
Bạc gặp canh đen, phải chạy làng,
Hé miệng nói ra gần bát sách,
Mềm môi chén mãi tíu cung thang.
Nghĩ mình lai góm cho mình nhĩ,
Thế cũng bia xanh, cũng bạng vàng.

hoặc :

Tháng ngày thắm-thoát tựa chim bay,
Ông ngắm mình ông nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ, không biết nhĩ,
Răng long ngày trước, hãy còn đây.
Câu thơ được chưa, thưa rằng được.
Chén rượu say rồi, nói chưa say.
Kẻ ở trên đời lo-lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.

Tà cảnh già, cụ cũng tự giễu :
Nhớ từ năm trước hãy thơ ngây,
Phút chốc mà già đã đến ngay,

Mát tóc chòm đen chòm lốm-đốm,
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay.
Nhập-nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,
Khấp-khênh ba chân dờ tỉnh say.
Ông ngắm mình ông thêm ngán nổi :
Đi đâu, giờ những cõi cùng chày.

hoặc :

Năm nay, tóc đã bảy mươi tu,
Răng lão, răng quan, tóc cũng ù.
Lúc hừng đánh thêm ba chén rượu,
Ngồi buồn ngắm láo một vãn thơ.
Bạn già lớp trước, nay còn mấy ?
Truyện cũ mười phần, chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa,
Thử xem mắt mắt thế này ư ?

Thời đó, ít ai chịu hót tóc giống Kiều Âu Tây, một là vì quá mới,
hai là bởi không muốn theo người, nên cụ đã tự giễu :

Chọc đầu

Trát gió dầm mưa đã lắm rồi ;
Phen này cắt tóc để là tôi ? (1)
Tron-tru chẳng có còn ai cứ,
Long-lóc tha hồ mặc mẹ bôi.
Cát lược từ đây khôn lối gỡ,
Con đen thối cũng hết đường chui.
Cũng toan rấp tiếng làm sự cụ,
Nghĩ lại, song mà chưa chính ngồi.

Cũng như tất cả các tao-nhân mặc-khách thuở xưa, cụ rất quen với
thú bầu rượu túi thơ, nên cụ đã bốn-cột viết :

Chùa rượu.

Những lúc say-sưa cũng muốn chùa,
Muốn chùa nhưng tính lại hay ư.
Hay ư, nên nổi không chùa được,
Chùa được, nhưng mà cũng chẳng ư.

(1) Có nơi chép là : " Phen này cắt tóc để làm tôi ", ngụ ý : để làm tôi của Phật.

IV.— TÌNH-THẦN QUỐC-GIA :

Như trên đã nói, Nguyễn-Khuyến không chịu cộng-tác với người ngoại-
chúng, nên đã lấy cớ là mắc bệnh cáo lui về trí-sĩ. Tư-tưởng của cụ,
đổi với thời-cực, đã phản-ánh ba giai-đoạn khác nhau :

- khi mới ra về, còn hy-vọng ở một cuộc phục-hưng sắp tới.
- trước cảnh đô-hộ.
- trông cậy ở tương-lai, ở tân-thế-hệ.

Trong bài Mẹ Mốc (1), cụ đã gián-tiếp giải bày tâm-sự : giữ một lòng
thủy-chung, cương-trực, đề trông chờ ở non sông muôn dặm :

So danh-giá ai bằng Mẹ Mốc !
Ngoài hình hài, gấm vóc cũng thêm ra.
Tấm hồng-nhan đem bát lăm, xóa nhòa,
Làm thế để cho qua mắt tục.
Ngoại mạo bắt cầu như mỹ ngọc ;
Tâm trung thường thủ tự kiên kim.
Nhớ chông con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm-đềm một tiết.
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết ;
Mảnh gương trinh vầng-ước quyết không mờ.
Đắp tai ngành mặt làm ngọc,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thấy.
Khôn em để bán đại này.

Rồi, cụ còn chứa-chan hy-vọng, tưởng giang-sơn, chẳng mấy chốc, sẽ
qua cảnh lăm-than :

Cảnh lụt

Tị trước tị này, chục lẻ ba,
Thuận dòng nước cứ lại bao la.
Bóng thuyền thấp-thoảng rờn trên óach,
Tiếng sóng loong-boong lượn trước nhà.
Bắc bạc người còn chờ chúa đến,
Giọng bè ta phải rước vua ra. (2)
Sửa sang việc nước cho yên-ôn,
Trời đất sinh ta, đất có ta.

(1) Tên một phụ-nữ mắc bệnh thần-kinh, ở tỉnh Nam-dịnh xưa.

(2) Ngay thời Nguyễn-Khuyến, người ta còn làm tượng, cho trung-quân với ái-quốc chỉ
là một, chưa hiểu đó là hai quan-niệm khác nhau.

Trong bài « Nói truyện cũ », cụ vẫn một niềm tin-tưởng ở ngày mai sắp tới :

Theo thầy ngày trước hãy ngày thơ,
Râu tóc bảy giờ đã bạc phơ.
Hơn kém cuộc này ai chủ đó ?
Già nua mấy kẻ bạc anh ta ?
Ngủ đi còn sợ chiêm bao trước,
Nghĩ lại như là truyện thuở xưa.
Có rượu Trung-sơn cho lú tớ,
Tinh ra hỏi đã thất-bình chưa ?

Cụ đã trách phổng đã :

Ông đứng làm chi đấy, hỏi ông ?
Trơ trơ như đá, vững như đồng.
Đêm ngày gìn-giữ cho ai đó ?
Non nước đầy voi có biết không ?

— Nhưng, chẳng bao lâu, cụ đã ngao-ngán trước cảnh đô-hộ :

Hội Tây

Kìa hội thăng-bình tiếng pháo reo,
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo.
Bà quan tên-nghêch xem bơi trải,
Thằng bé lom-khôm ghé hát chèo.
Cây sức, cây đu nhiều chi nhún,
Tham tiền, cột mỡ lắm anh leo.
Khen ai khéo vẽ trò (1) vui thế,
Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu !

Trong cuốn « Thi-văn bình-chú », Ngô-tất-Tổ đã phải cho rằng : « có lẽ từ ngày Việt-Nam được biết hội tây, chưa có bài tức-cảnh nào hay như bài này. »

Các vua quan thời đó, thì chẳng khác chi một lũ phường chèo.

Câu chuyện vợ chồng phường chèo (2)

Xóm bên đông, có phường chèo trọ,
Đến nửa đêm, gọi vợ chuyện trò.

(1) Có nơi chép là : Khen ai khéo vẽ cho vui chèo.

(2) Nguyên văn là chữ Hán, nhan đề : « Ưu phụ từ », cụ đã tự dịch ra quốc-văn.

Rằng : « Ta thường làm quân lo,
Sao người coi chàng ra trò-trống chi ? »
Vợ cả giận mắng đi mắng lại,
Tuổi đã già, sao dại như gì !
Đêm hôm người chẳng biết chi,
Người như biết đến, thiệp thì hồ lay.
Đời có hai điều này đáng sợ,
Sống chết người quyền ở tại tay.
Thế mà chàng đã chẳng hay,
Còn ai sợ đến phường này nữa chẳng ?
Vả chàng vẫn nhĩ-nhàng táng kiết,
Sớm hôm chèo, kiếm chác qua thì.
Vua (1) chèo còn chẳng ra chi,
Huống hồ quan họ khác chi phường hề ?

Về quyền-hành, thì người trong nước chỉ giữ « một phần đuôi », khác chi chàng Kim trong truyện Kiều :

Chung-thân Thúy-Kiều :

Kiều-nhi giấc mộng bật như cười,
Tinh dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Sợ kiếp bời đầu mà lặn-đạn ?
Sắc tài cho lắm cũng lòi-thôi.
Cành thoa vườn Thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chưa xuôi.
Không trách chàng Kim đeo-dâng mắt,
Khăng-khăng với lấy một phần đuôi.

Còn si-phu, thì có người chẳng nghĩ gì tới dư-luận :

At rằng ông dại với ông điên,
Ông dại sao ông biết lấy tiền.
Cây cái bằng vàng treo nhĩ-giáp,
Khiếp thẳng mặt trắng lấy lam-nguyên.
Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ,
Phép nước xin chừa móng lợn đen.
Chi cốt tui mình cho nặng chặt,
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

Cũng vì vậy, trong bài « Cảnh chợ Giời, chùa Thầy », cụ đã mỉa-mai nhẩn-nhủ :

(1) Có nơi chép là « tướng chèo ».

Bán lợi mua danh nào những kẻ,
Thử lên mặc-cả một vòt lời.

Lại có người thiếu tinh-thần, chẳng khác gì ông tiến-sĩ giấy, hay ông nghề thàng tám :

Tiến-sĩ giấy.

Khéo chú hoa-man, khéo oẽ trò,
Bôn ông mà lại đá thàng cu.
Mày râu vè mặt vang trong nước ;
Giấy má nhè bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng, mua danh, thấy lũ trẻ,
Bàng vàng, bía đá, vẫn nghìn thu.
Hỡi ai muốn ước cho con cháu ?
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

o°o

Ông Nghề thàng tám

Cứng cờ, cứng biên, cứng cán đai,
Cứng gọi ông nghề có kém ai.
Mảnh giấy làm nên khoa giáp-bàng,
Nét son điểm rõ mặt vấn-khôi.
Tám thân xiêm áo sao mà nhẹ ?
Cát giá khoa danh ấy mới hơi !
Ghế tréo lọng xanh ngồi bành-chợc,
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.

Có lần, người ta lại mời cụ ra làm quan ; cụ đã mượn lời sương-phụ, đề tỏ bày chí-khí :

Chàng chẳng biết gái này gái góa,
Buồn năm suông, suông cả áo cơm.
Khéo thay cát mỵ tá om,
Đem chàng tuổi trẻ ép làm lưá đời.
Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
Gái già này, sức ước được bao ?
Muốn sao mà chẳng được sao,
Trước tuy xum họp, sau nào được lâu.
Lấy chồng vốn nhờ cầu ăn mặc,
Chàng ngờ rằng đời rách hồ người.
Vốn xưa cha mẹ nhận lời,
Tư-bôn lại phải kẻ cười người chê.
Hỡi mỵ hơi, thương chi thương thế ?

Thương thì hay, nhưng kẻ chẳng hay.
Thương thì gạo vòt cho vay,
Lấy chồng thì gái già này xin van.

Trong bài vịnh Lão-ngưu, cụ đã tỏ nỗi hân-hoan, vì giữ được tinh-thần bất-khuất :

Một năm xương khô, một năm da,
Bao nhiêu cái ách đã từng qua.
Đuót کیا biếng vậy, Điền-Đan hóa,
Tai nạn buồn nghe, Nịnh-tử ca.
Sớm thả động đào, ăn đàng-dinh,
Tốt về chuông quế, thờ nghi-nga.
Có người đem đất tô chuông mới,
Ơn đức vua Tề, lại được tha.

Từ đó, cụ tiêu-giao cùng tuế-nguyệt, nhưng vẫn ôm một mối buồn man-mắc :

Ngăn ấy năm nay vẫn ở nhà,
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta
Bóng hiên thêm ngán hơi nồng nhi,
Ngọn gió không nhường tóc bạc a ?
Thừa mạ, rạch-rột chân xấu lối,
Đấu lương, đo-dẫn tuổi non già
Khi out chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lơ-mờ ngọn núi xa.

(Cáo quan ở nhà)

Cụ đã ngẫu-hứng viết :

Nghĩ đời mà cũng ngán cho đời,
Cầu-cớp làm sao được với trời,
Chép miệng lớn đầu to cái đại,
Phò râu chịu đấm mất phần soi.
Được thua hơn kém lương hồ rượu,
Hay dở khen chê một trận cười.
Dựa gối bên màn toan hóa bướm,
Gió thu lạnh-lẻo lá vàng rơi.

Trời đông hiu-quạnh, cụ càng thắc-mắc nghĩ tới quê-hương xứ-sở :

Đồng-dạ cảm-tác

Nỗi nạn đường kia, xiết nói năng;
Chàng nản, chẳng nháp, biết mần răng ?

Đầu cành mẩy tiếng chim gào tuyết,
Trước xóm năm canh chó sủa trăng.
Phảng-phất lòng què khôn chép được,
Mơ-màng cuộc thế cũng cầm bằng.
Canh gà eo-óc đêm thanh-thỏ,
Tình tự này ai có biết chăng ?

Tuổi già, thể yếu, một mình không thể sao tính đến việc vá trời lấp
bề, cụ đành trông cậy ở mai sau, « túi vũ trụ dề đàn sau gánh vác »,
nhưng cụ vẫn một niềm tin-tưởng ở số-phận của giống nòi :

Ông phổng đá
MƯƠU

Quê đâu tên họ là gì ?
Khéo thay chích-chích, chi-chi nực cười !
Vắt tay ngửa mặt lên trời,
Hay còn lo tính sự đời chi đây ?

NÓI

Thấy phổng đá lạ-lùng muốn hỏi,
Có làm sao len-lỏi đến chi đây ?
Hay mãi vùi hoa cỏ nước non này,
Chỉ cũng rắp đan tay vào hội lạc,
Thanh-sơn tự tiểu đầu tương hạc,
Thương-hải thù tai ngã diệp âu.
Thôi cứng đừng nghĩ chuyện đầu-đầu,
Tút vũ-trụ dề (1) đàn sau gánh vác.
Duyên kỳ-ngộ là duyên tuổi-tác,
Chén chú, chén anh, chén tãi, chén bác,
Cuộc tình say, say tình một vòt càu.
Nên chăng đá cũng gặt đầu...

o°o

Suốt đời, Nguyễn-Khuyến đã giữ một thái-độ thanh-cao, phóng-khoáng,
và một tinh-thần quốc-gia rõ-rệt. Cụ không thể trực-tiếp giúp việc phục-
hưng xứ-sở, theo như ý muốn ; nhưng cụ đã nêu gương chính-nghĩa, lại
dùng một ngọn bút chân-thành, nhẹ-nhàng, tế-nhị, đề ca-ngợi cảnh non
sông, hay thức-tỉnh đồng-bào. Thi-văn của cụ đáng cho ta suy-nghĩ lâu
dài, về cả lời và từ.

(1) Có nơi chép : túi vũ-trụ mọc đàn sau gánh vác.

SƠ-KINH TÂN-TRANG

(tiếp theo V.H.N.S. số 13)

Nguyên tác của PHẠM-THÁI
BÙI-LƯƠNG khảo-định và chú-giải

V

Sai Hồng-nương lại đưa tin,
Roi châu dề bức ngân-tiên gởi về.
« Nguyệt-lão xe dây khéo dờ dang,
« Xanh xanh chi nở phụ hồng-nhan.
« Rầy run ngán nhẽ tiên mà cú,
« Đồi lúa ghê thay ngọc lẫn thân.
« Lá ghét mày xanh chìm nước biển,
« Chim ghen môi thắm vắng tin vàng.
« Đội ơn Công-tử lòng như một,
« Bề-liều duyên sao khéo bề bàng ! »
« Bề bàng duyên phận liễu bõ,
« Hoa xuân kém vẻ, nguyệt thu ủ chiều.
« Vì ai thề dành quả trên ?
« Khiến hồng-nhan gặp lắm điều gian-truân,
« Ngán ngảm thay phận hồng-quần,
« Thù gì ! Con Tạo tiếc xuân riêng mình ? (1)
« Ngỡ là di gió cũng bênh,
« Mà van-vì với trăng-tinh bấy nay.
« Ai ngờ nên nổi nước này,

(1) Câu này ý nói : Con Tạo có thù gì mình mà đối riêng với
mình thì tiếc, không cho được hưởng cái vui cảnh xuân.

« Nào bà Nguyệt lão, nào thầy thiên tiên.

« Long đông ngán nhê phận duyên,

« Nợ nần này phải đính nguyên kiếp sau.

« Gởi dựa một bức về hầu,

Chữ « Tinh » xin gỏ cho nhau kéo mà ».

Chàng nghe thư nói nẫu nủ,

Chiều xuân ngao ngán, mặt hoa rầu rầu.

Độn xem một quẻ mới âu, (1)

Khắc ám hậu thổ, (2) đông Câu-Đằng thần (3).

Bói thì quẻ Thủy lôi truan (4),

Lục thần vượng Hộ, (5) Lục thân không Tài (6),

Chân giò ủ cái (7) xung Ngoại, (8)

Vị Ly hỏa vượng (9) Cung Đoài kim suy (10).

Càng thêm/não nuốt mọi bề,

Giục đồng sắm sửa thăng đê chừng lên.

Ba ngày chàng tới ngụ miên,

Đền xanh giông bóng, khêu phỉn soi thương.

Canh ba vọng tiếng kim trang.

(1) Âu : lo, do chữ ưu 憂 phiên âm ra.

(2) Xem quẻ độn thì sao Thái âm và sao Thiên hậu bị khắc chế, là hành thổ (tượng trưng phụ nữ) bị kém.

(3) Thần Câu trện và Đằng xà bị động (không yên) là ứng vào diêm tử vong.

(4) Bói tiền thì hiện ra quẻ Thủy lôi Truan, tượng trưng cảnh truan kiền có tai nạn.

(5-6) Lục thần là : Thanh long, Câu trện, Đằng xà, Bạch hổ, Huyền vũ và Chu tước. Quẻ này thần Bạch hổ vượng là ứng vào ốm đau tang-tóc.— Lục thân là : Phụ, tử, quan, tài, huynh và thân. Quẻ này không có hào Tài là diêm rất xấu.

(7-8) Chân gà thì ngón dài nhất là Cái ; ngón ngoài cùng (thứ ba) là Ngoại. Ngón cái ủ là kém tươi, ngón ngoài chỉ ngược ra là có tai nạn.

(9-10) Ly thuộc hướng Nam ứng vào hành hỏa, Đoài thuộc hướng Tây, ứng vào hành kim. Hỏa vượng khắc kim là tượng nguy hiểm có tai vạ lớn.

Thác rềm hoa thấy một nàng tiên nga ;

Chiều ủ liễu, về ôi hoa,

Ngọc ngàn mới thăm, châu sa má đào.

Nhác xem chàng ngõ chiêm bao,

Dầu người sắt cũng lệ trào, lọ ai.

Hai bên than trúc, nguyên mai,

Trách khuôn duyên (1) nỡ hẹp hòi lượng dung.

Nàng rằng : « Phận thiếp đã xong.

« Kiếp này đã vậy, còn hồng kiếp sau.

« Những thì u-hiền (2) khác nhau,

« Để khi gặp gỡ để hầu mà tin.

« Thiếp nay tay có son in,

« Quỳnh nương » hai chữ thì xin nhớ cùng.

« Tặng chàng hồ điệp đôi vòng, (3)

« Yên đông xin sánh với Hồng thị-nương ».

Chàng nghe nàng nói tỏ tường,

Kim hoan giữ (4) lại ; tay nàng xem qua.

Thờ rằng : « Đã có trời già,

« Duyên sau chẳng gặp, âu thì rằng không.

« Khăng khăng sắt đá một lòng,

« Ước nguyện cạn với non sông biết tình ».

Chuyện thôi, hồi trống giục canh,

Tạ chàng, nàng mới sắm sanh ra về.

(Còn tiếp)

(1) Khuôn duyên : Thọ Tạo sinh ra người, duyên phận của người là do Trời định, cho vương được vương, cho tròn được tròn, như đúc khuôn.

(2) U = cõi âm tối tăm — Hiên = cõi dương sáng sủa.

(3) Vòng hồ điệp là vòng trạm đôi bướm.

(4) Chữ « Giữ » đây có bản chép là « Gữ », tương chữ « Gữ », đáng nghĩa hơn.



Thi ca



VỊNH LÊ-LAI

Tình nặng son-hà, nhẹ tấm thân,
Đâu vì một họ, ọ muốn dân.
Áo vàng vuit mặc thay chân-chúa,
Gươm bạc liễu xông dừ địch-quân.
Rực-rỡ non Lĩnh, gương chính-khí,
Vàng-vàng nước Việt, cột di-luân.
Năm năm, tháng tám, ngày hăm mốt,
Trời vãn mây sâu tiếc vi-nhân.

TRẦN-VĂN-THUỘC

VÌ NƯỚC

Mười năm khởi nghĩa thành-công,
Nhờ ai còn có non sông di bề ?
Chí-Linh sát khí nặng-nề,
Quán Minh vây kín, bốn bề tối-tăm.
Rừng sâu, tôi chúa âm-thầm,
Việc đời lo liệu, khỗ tâm anh-hùng.
Thế cô, lương hết, vận cùng,
Biết ai là kẻ tin dùng giờ đây ?
Lê-Lai tâm-sự giải bày :
Sốt thương nỗi giống, đọa đầy lăm than.
Vì dân chẳng hải nguy-nan,
Xin chớ giả mạo mình vàng xông ra.
Trời còn để nước non nhà,
Chúa công gìn giữ son-hà cứu dân.
Vua nghe lời nói tần-ngần,
Nửa phần luyện tiếc, nửa phần ngóng trông.
Rằng : « khi khối-phục non sông,
Trăm thế kỷ-niệm kỳ-công đời đời ».
Ngự bào đưa, hạt lệ rơi,
Biệt-ly chia lối, vua tôi dứt tình.
Kéo cờ tiến phá quân Minh,
Kẻ thù bắt giết, ngõ Bình-định-vương.
Mười thu sự-nghĩệp phi-thường,
Nêu tình ái-quốc, treo gương anh-tài.
Sử xanh lăn giờ hôm mai,
Giang-san còn đó, nhớ ai liễu mình.
Gươm thần quét sạch quân Minh,
Mở-mang nước Việt, thanh-bình trời Nam.
Danh thơm muôn thuở về-vang,
Bút hoa lược thảo mười hàng tri-ân.

Nguyễn-sĩ-Thiêm
Đông-Chương

BÌNH-NGÔ ĐẠI-CÁO

(Nguyên - văn chữ Hán của Nguyễn-Trái)

(Tiếp theo V.H.N.S số 13)

PHIÊN-ÂM

Viên tuyên tỳ lưu chi sỷ.
Thân mệnh trào nha chi thần,
Âm tượng nhi hà thủy can.
Ma dao nhi sơn thạch khuyết,
Nhất cô nhi kinh khô ngọc đoạn.
Tái cô nhi điều tán huân kinh.
Quyết hội nghĩ ư băng đê,
Chấn cương phong ư cáo điệp.
Đô-đốc Thôi-Tụ tất hàng nhi tổng khoán.
Thượng-thư Hoàng-Phúc diện phọc nhi tỵ cầm.
Cương thi tắc ư Lượng-Sơn Lượng-Giang chi đồ.
Tiên huyết xích ư Xương-Giang, Bình-Than chi thủy.
Phong vân vi chi biến sắc.
Nhật nguyệt thâm dĩ vô quang.
Kỳ Vân-Nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê-Quan.
Tự đồng nghị hư hát nhi tiên dĩ phá đảm.
Kỳ Mộc-Thanh đăng
Vô ngã quân sở bại.
Ư Căn-Trạm toại lạn tạ bôn hội nhi cận đắc thoát thân.
Lãnh câu chi huyết xử lưu giang thủy vô chi ô yết.
Đan sá chi thi sơn tích, đã thảo vi chi ân hồng.
Lưỡng lộ cứu binh, ký bất toàn chủng nhi câu bại.

LỜI CÁO VỀ VIỆC DỆP NGÔ

(Bản dịch của Đông-Chương Nguyễn-sĩ-Thiêm)

(tiếp theo V.H.N.S. số 13)

DỊCH NGHĨA

Kén chọn các sĩ-phu đứng mảnh,
Sứ-mệnh thiêng so-sánh hùm beo.
Nước sông voi uống cạn veo,
Gươm mài đá phát mòn theo khỏn cườm.
Một trận đánh bật lăm kinh ngọc,
Hai trận đôn đàn mắt nghé tan.
Kiến trừ bằng thể nước tràn,
Lá khô lia rụng bởi làn gió đưa.
Thôi-Tụ quỳ gối vừa hàng phọc,
Hoàng-Phúc tro mặt nhục chịu giam.
Xác phơi đầy khắp Lạng-Giang,
Lạng-Sơn thấy cũng ngồn-ngang các đường.
Xương-Giang máu đỏ tuôn dòng nước,
Tia huyết hồng vấy suốt Bình-Than.
Gió mây mờ-mịt miên-man,
Âm-u nhật nguyệt, chứa chan thảm sầu.
Lính Vân-Nam ngổ hầu bờ-ngổ,
Bị quân ta vây giữa Lê-Quan.
Khếp-uy, lo-sợ, bàng-hoàng,
Nhường như võ mặt nát gan phen này.
Lú Mộc-Thanh đến ngày tan rã,
Khến binh ta tìm-nã tấn-công.
Đất Căn-Trạm thực long-đong,
Séo nhau võ chạy mưu hồng thoát thân.
Tuần suốt máu xa gần đầy rẫy,
Mặt trường giang nước chảy đục ngầu.
Núi thây chất chứa ngang đầu,
Đông hoang nội cỏ nhuộm màu hồng pha.
Hai đường kéo quân ra cứu gó,
Chưa giờ chân, đã vỡ tan-tành.

Các thành cùng khẩu, tướng xuất giáp đĩ xuất hàng.
Tặc thủ thành cầm, bí ký trạo khốn thú khất liên chi vỹ,
Thần vũ bất sát,
Dư diệc thê Thượng-đế hiểu sinh chi tâm.
Tham tướng Phương-chính, nội quan Mã-kỳ đảng tiên cấp thuyền
ngũ bách dư suu, ký độ hải nhi do thả hồn phi phách táng.
Tông binh Vương-Thông tham Chính Mã-Anh đảng hựu cấp
mã sỏ thiên dư sắt, dĩ hoàn.
quốc nhi ích tự cồ lật tâm kinh.
Bồ ký úy tử tham sinh, nhi tu hiểu hữu thành.
Dư dĩ toàn quân vi thượng nhi dữ dân đắc tức.
Phi duy kế mưu chi cực kỳ thâm viển.
Ức diệc cồ kim chi sỏ vị kiến văn.
Xả tắc dĩ chi diện an.
Sơn xuyên dĩ chi cải quán.
Cần khôn ký bí nhi phục thái.
Nhật nguyệt ký hối nhi phục minh.
Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ,
Vu dĩ tuyết thiên cồ vô cùng chi sỷ.
Cái do Thiên, Địa, Tô, Tông chi linh hữu dĩ âm tương mặc
hữu nhi chí nhiên dã,
Ồ hó ! nhất nhưng đại định bất thành vô cạnh chi công.
Tứ hải vĩnh thanh, dân bố duy tân chi cáo.
Tất cáo thiên hạ, hàm sử văn tri.



Giặc cùng các ngã chạy quanh,
Tháo yên côi giáp đáng thành chịu thua.
Bao tướng bắt từ xưa giam cầm,
Thú vẫy đuôi xin tẩm lòng thương.
Uy-thần nhân-át vô-lương.
Lấy ơn Thượng-đế mở đường hiểu sinh.
Bọn Phương-chính xem tình nguy-ngập;
Với Mã-kỳ thu thập thuyền kẻ.
Năm trăm chiếc vật rút về,
Nhường như sợ hãi hồn lìa phách tan.
Bọn Vương-Thông bàng-hoàng gan dạ,
Cùng Mã-Anh tất tả ngược xuôi.
Vật nghìn cồ ngựa tháo lui,
Tới nơi bản quốc, tay rời lòng kính,
Vì sợ chết, nép mình cầu sống,
Tò nhiệt-thành chẳng động can qua.
Giữ quân ta nhận cho hòa,
Đề dân tránh hết phong ba, từ rày.
Nhờ mưu giỏi kế hay biết mấy,
Lừng cồ kìm chưa thấy chưa nghe,
Đã yên xả tắc trăm bề,
Non sông đời mới thu về một tay.
Trời đất bí đến ngày hưng thái,
Nhật nguyệt mờ nay lại sáng ra.
Khai nền bình-trị thái-hòa,
Nghìn đời rửa nhục sơn hà sạch bong,
Nhờ Trời Đất-Tô-Tông che chở,
Đã tìm-tàng phù-hộ mới nên.
Than ôi ? mảnh giáp đẹp yên,
Phò thường sự-nghiệp, khó quên công dầy.
Bốn bề đã xa ngày sóng gió,
Hội duy-tân sớm mở từ đây.
Báo cùng thiên-hạ tin hay.
Nước non khôi-phục, từ nay vững bền.





VĂN HÓA THẾ GIỚI

LÃO TỬ

ĐẠO ĐỨC KINH

quốc - văn giải - thích
(tiếp theo V. H. N. S. số 13)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XX

頑且鄙我獨異於人而責食母	若海鷗兮若無止東人皆有以而我獨	我獨昏昏俗人察察我獨悶悶澹兮其	遺我惡人之心也哉沌沌兮俗人昭	儻兮若無所歸衆人皆有餘而我獨若	壹我獨泊兮其未兆如嬰兒之未孩儻	其未央哉衆人熙熙如享太宇如春登	惡相去何若人之所畏不可不畏荒兮	絕學無憂唯之與阿相去幾何善之與	二十章
--------------	-----------------	-----------------	----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----

DỊCH ÂM

NHỊ THẬP CHƯƠNG

Tuyệt học vô ưu. Dục chi dữ a, tương khứ kỳ hà ? Thiện chi dữ ác, tương khứ hà nhược ? Nhân chi sở úy, bất khả bất úy. Hoang hề kỳ vị vương tại. Chúng nhân hy hy, như hưởng thái lao, như xuân đằng đài. Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hài, luy luy hề nhược vô sở quy. Chúng nhân dai hữu dư, nhi ngã độc nhược di, ngã ngu nhân chi tâm dã tại. Độn độn hề, tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn, tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn ; đạm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chi, chúng nhân dai hữu dĩ nhi ngã độc ngoan thả bì ; ngã độc dĩ ư nhân nhi quý tự mẫu.

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG HAI MƯƠI

Dứt học không lo. « Dạ » với « Oí » khác nhau bao nhiêu (1) ? Lành với dữ khác nhau thế nào ? Cái người sợ, ta không thể không sợ. Rộng lớn chừ, khôn hết vậy thay ! Mọi người hôn hờ như hưởng cổ thịt trâu, như mùa xuân lên đài. Một mình ta lặng bật chừ, chưa có dấu vết gì như đứa trẻ sơ sinh chưa biết cười. Rủ rượi chừ như không có chỗ về. Mọi người đều có thừa mà riêng ta như bỏ sót mắt ; lòng ta là lòng con người ngu đốt vậy thay ! Mờ mịt chừ ! người đời sáng sủa, riêng ta tối tăm ; người đời trong trẻo, riêng ta đục vẩn. Rợn sóng chừ như biển ; vì vèo chừ như không có chỗ ngừng. Mọi người đều có chỗ lấy đề dùm ; riêng ta ngu, ương và lại thô kệch, dốt nát, hẹp hòi : Riêng ta khác với người mà quý mẹ sữa.

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản.

Tuyệt học vô ưu 絕學無憂 (2) Theo Trần Trụ, câu này nên đề ở đầu chương XIX.

1- Hoặc cũng có thể dịch là : « ... « Dạ » với « Oí » (tiếng quát máng giện dữ) xa nhau bao nhiêu ? (xin xem phần chú giải ở dưới.)

2.- Xin xem phần chú giải : « Chữ và câu khác nhau... » ở chương trên.

Hoang hề kỳ ơ ở trong tai 荒兮其未央哉 : Cao Hanh nói rằng câu này vốn ở dưới câu : *Ngã độc bạch hề kỳ ơ triệu* 我獨泊兮其未央

Độn độn hề 沌 攏 兮 : Mã Tự-Luân cho rằng ba chữ này nên ở trên câu : *Như anh nhi chi ơ hát* : 如嬰兒之未孩

Ngã độc muộn muộn : 我獨悶悶 : Bản Phó Dịch chép là :

Ngã độc mẫn mẫn 我獨悶悶.

Đạm hề kỳ nhược hải 滌兮其若海 : Trần Trụ số sánh các bản, sửa lại là : *Đạm hề kỳ nhược hải* 滌兮其若海

Tự mẫu 食母 : Lưu Sư Bồi rằng : Chữ *tự 食* ngờ là chữ *đắc 得*. Ở chương III có câu *Đắc kỳ mẫu 得其母 Đắc mẫu 得母* tức là *đắc đạo 得道*

Ngoài ra, câu và chữ ở các bản còn rất nhiều chỗ hoặc giống, hoặc khác nhau, ở đây không tiện dẫn hết.

Duy 唯 : Dạ , tiếng thừa lại ngay (vì kính trọng)

Dạ nhanh là *dụ*

Dạ thông thả là *nặc 諾*

Kinh Lễ, thiên *Ngọc Tảo* 玉藻 rằng : « *Phụ mệnh hô dụ nhi bất nặc* : 父命呼唯而不諾 cha truyền gọi, con dạ ngay (dụ) chứ không dạ thông thả (nặc)

A 阿 : 1— *Ơi* ; tiếng thừa lại thông thả chậm, chạp (vì nhờn, láo, khinh thường)

2— Thông với *Ha 訶* : tiếng quát mắng, giận dữ.

Kỳ hà 幾何 : Bao nhiêu (nói về số lượng)

1— Nếu có dấu hỏi hoặc dấu than ở sau, hai chữ này trở ý *nhều* và có nghĩa là : biết bao nhiêu, biết chừng nào mà kìa.

2— Nếu viết thường, không có dấu hỏi hoặc dấu than ở sau, hai chữ này, trái lại, trở ý *ít* và có nghĩa là : không bao nhiêu, không mấy tí, không mấy hội.

Đo vậy câu « *tương khứ kỳ hà* : 相去幾何 » có thể hiểu theo cả hai lối : « khác nhau biết bao nhiêu mà kìa ! » hay « khác nhau không mấy tí, khác nhau không bao nhiêu ».

Hà nhược 何若 : Thế nào ? (nói về phẩm)... *Tiết Huệ 許惠* và *Cát Trường Canh* 葛長庚 đều nói hai chữ « *kỳ hà 幾何* (không

có dấu chấm than) nên hiểu là « khác nhau không mấy nổi » ; còn hai chữ « *hà nhược 何若* » nên hiểu là « sai nhau rất nhiều. » (Stanislas Julien tr. 161)

Tuyệt học vô ưu. Dụ chi dữ a, tương khứ kỳ hà. Thiện chi dữ ác, tương khứ hà nhược. Nhân chi sở úy, bất khả bất úy.

Dứt học không lo : Nghiêm Phục rằng : Dứt học cố nhiên khỏi lo ; vì nếu khiến cho không thấy điều đáng lo đến ám ảnh tâm hồn mình thì chắc hẳn rằng dẫu cho quả thực có điều đáng lo cũng như là không có vậy. Kìa ta chẳng thấy ở châu Phi, loài đà điểu khi bị đuổi chạy, không nơi ẩn nấp, liền vùi đầu xuống cát, lấy sự « không trông thấy kẻ hại mình » làm « không có sự hại » đây ư ? Phương ngôn Việt-Nam cũng có những câu : « Điếc không sợ súng » và « Ngu si hưởng thái bình ». Đạo « dứt học » của Lão-tử khiến ta liên tưởng tới lối « dứt hại, dứt lo » của con đà điểu châu Phi, hoặc cái « thái bình » cái « không sợ » của người ngu, người điếc.

Kẻ vì *Học* ngày ngày tăng thêm ; kẻ vì *Đạo*, ngày ngày rút bớt. Kẻ cầu học cố gắng cho học vấn mở rộng, sở năng phát triển, trí khôn tiến tới. Kẻ cầu *Đạo*, không ham muốn, biết tự đủ, còn đòi tăng thêm ở chỗ nào được nữa ? Họ vốn « *không biết gì* » và luôn luôn « *giữ giữa* », hồi tiến tới để làm chi ?

Ở 1 con én, con sẻ sống có lứa đôi ; trái lại, con tích-linh, con tu-hú thù hằn nhau trọn đời ; trời rét, người dân nghèo biết kiếm da chiên, cừu che thân ; ấy đều do tự nhiên ; tăng hay giảm chỉ gây cho lòng những mối lo âu, vướng vít.

Cho nên cắt bớt cò con học cho ngắn lại, tiếp theo chân con le cho dài ra, nổi khổ hai đặng cũng thế ; bản khoản thắc mắc vì sự được ngợi khen mà cầu tiến có khác gì xốn-xang, run-rẩy vì phạm lỗi, mắc phải lưới hình ?

Thì ra « người đời học » với « Thánh nhân học » khác nhau rất xa. Kẻ thường nhân học văn-chương, khoa-học, kỹ-thuật tìm cái biết ở ngoài, họ lo không hiểu, không thấu, không thể tới nơi. Bậc Thánh-nhân tìm thấy những điều cần thiết ngay trong lòng mình, do vậy nên không lo, vì không gì là không cảm thông suốt khắp.

Bậc cò Thánh-nhân học để tìm hiểu nguyên lý bên trong của Đạo ; ngoài ra không tìm gì hơn, không để tinh thần vào gì khác nữa. Kết quả : học vô-vi cốt ở không học. Khi xa lìa cương-lĩnh ấy, lòng ta hư

hoại, bản-vân, truy-lạc. Học Đạo biến thành Học thế tục. Hình thức bề ngoài làm tiêu trầm và thay thế cho Thực-thể, Thiên-chân.

Càng biết rộng, lòng bị chìm đắm càng sâu. Rốt cuộc cái học hiện tượng ngoại giới không những vô ích mà còn tăng thêm nỗi lo buồn. Mục đích cao quý nhất của sự học là « *nuôi thân* », giữ gìn lấy tinh chất trong trẻo đầu tiên; phương pháp hay nhất là xa lìa những mối phân vân làm mê tim loạn óc.

Ngày nay, Thiên-chân bị các môn học giả tạo bên ngoài trói buộc. Học như thế khác nào uống thuốc cho bệnh càng thêm nặng. Nếu ta sớm biết ruộng bỏ lối học ấy, tự nhiên mọi dây phiền não sẽ rời mở hết ngay.

Dạ với *Ơi* khác nhau bao nhiêu? *Lành* với *dữ* khác nhau thế nào?

Dạ trái ngược với *Ơi* (hoặc *Ha*); *Dữ* phản đối với *Lành*. Thiên hạ hẳn bỏ *Dữ*, giành giữ lấy *Lành*, yêu *Dạ*, ghét *Ơi*; ghét *Ha*; nhưng kẻ đặt nhân xem ra thì cũng là một mà thôi vậy.

Tại sao? vì *Dạ* và *Ơi* cùng là tiếng chối lên để ứng đáp khi có người gọi, cho nên không khác nhau mấy nỗi; song, đứng về phương diện lễ phép mà nói thì một bên kính trọng, một bên nhờn xấc, lại cách rất xa.

Suy ra, sự sự, vật vật ở đời sai biệt nhau lắm khi bằng sợi tóc, mây lông mà cũng có thể khác nhau một vực một trời; kia như thiện ác chung gốc rễ, ngọn nguồn, đều tự lòng người phát sinh; tuy vậy, xét đến khi xuất hiện ra ngoài, ta phải nhận nó thực đã ở hai thái cực.

Điềm « tương đồng » giữa Thánh nhân và Thường nhân là cả hai cùng học. Điềm « dị » là đức độ Thánh nhân so sánh với tính chất phàm phu của người thường, hoàn toàn vô ước (*incommensurable*). Ấy đó! « xa thì gan, mật là Sờ, Việt, mà đồng thì muôn vật đều là một »; để giúp cho ta hiểu thêm ý Lão, há chẳng nên viện ra đây một câu nói có tiếng của Trang (3) ư?

Cái người sợ, ta không thể nào không sợ. Người ta không thể sống riêng rẽ, đứng một mình, hoặc đề « lộ mũi nhọn », nên đành theo

(3) *Tự kỳ dị dã thị chi, can đàm Sờ, Việt dã; tự kỳ đồng dã thị chi, vạn vật dai nhất dã: 自其異者視之, 肝膽楚越也; 自其同者視之, 萬物皆一也.*

Trang tử: Nam-hoa kinh, Đức xung phủ. Nội thiên, thứ 5.

đời « đồng trần hòa quang » (4); vì vậy cái mà thể nhân kính trọng, sợ hãi, e dè, ta không khác với thể nhân, cũng kính trọng, e dè, sợ hãi.

Tỷ dụ: luật lệ, hình phạt, họa phúc, sống chết... người thường sợ, kiêng ta há không biết sợ? thanh âm, màu sắc, vật dục, phú quý... thường làm tổn thương tới Đạo, người thường xa tránh, kiêng ta há không xa tránh? bậc quân tử kính mệnh trời, trọng người lớn, tuân theo lời đấng Thánh-nhân dạy bảo... (5), kiêng ta há không kính, trọng, tuân theo?

Hoang 荒: Lớn.— Rộng mệnh mông.

Vị ương 未央: Chưa hết. Ý nói: không bờ bến giới hạn.

Trong Kinh Thi, Tiều-nhã, thơ Đình-liệu có câu: « *Dạ vị ương* 夜未央 » nghĩa là « Đêm chưa hết »

Trong Ly-Tao cũng có câu: « *Thời diệc kỳ do vị ương* 時亦其猶未央 » nghĩa là « Thời cũng còn chưa hết ».

Hoang hề kỳ vị ương.

Ta « hòa quang đồng trần » với thể nhân, nhưng trong khi tìm, óc thể nhân còn mê loạn, chìm đắm vào những cái ở bên ngoài thì ta theo đuôi Đạo là cái ở bên trong: khôn thay! Đạo rộng rãi mệnh mông, mờ mịt không bến không bờ, ta khó nỗi đem ra trở bảo rõ ràng khiến cho hết thấy mọi người cùng cảm ngộ.

Hy hy 熙熙: hớn hở vui hòa; vui vẻ; trở về khoái lạc.

Thái lao 太牢: Cỗ làm bằng thịt trâu, bò; yến tiệc lớn.

Chúng nhân *hy hy* như hưởng *thái lao*, như xuân dâng đài. Mọi người hớn hở như được ăn tiệc lớn, như mùa xuân lên đài cao. Họ đề lòng đua theo lợi lộc sang giàu, vì họ bị mê hoặc bởi cái vui, cái ngon, cái đẹp.

(4) 同塵和光: Cùng chung bụi bặm, pha trộn ánh sáng.

(5) « *Quân-tử hữu tam sợ* 君子有三畏 畏天命 畏大人 畏聖人之言 nghĩa là: « Quân tử có ba điều kính sợ: kính sợ mệnh Trời, kính sợ bậc Người Lớn (tức là người có chức phận, đức hạnh cao), kính sợ lời dạy của Thánh-nhân. Luận-ngữ, thiên Quý Thập, thứ XVI, chương thứ 8.

Ngã 我 : Ta. Hoặc là Lão-tử tự trở mình ; hoặc cũng có thể là nhà Đạo học tự trở.

Bạc 泊 : 1 — Lặng bật, không hành động gì.

2.— Không làm gì (theo Cao Hanh).

3.— *Hồn phác* 渾撲, nghĩa là có vẻ chất phác tự nhiên không sửa sang trau chuốt (theo Trương Mặc).

Triệu 兆 : 1.— Vết rạn của mai rùa khi hơ đèn bói. « Triệu » cốt để thấy lành, dữ ; do vậy chuyển ra nghĩa ; « mới, trước, đầu tiên » (theo Cao Hanh).

2.— *Điềm*.— Hình tượng phát lộ ra.

3.— *Dấu vết* (theo Trương Mặc).

Anh nhi 嬰兒 : Trẻ con mới đẻ.

Hài 孩 : Cười ; trẻ con cười.

Luy luy 儼儼 : 1.— Về mỗi mặt.

2.— *Dáng vẻ suy tàn*.

Chữ luy có bản viết là *lôi* 隤, nghĩa là hủy hoại, hư hỏng, đồ nát.

Bản Hà-thượng công chú, chép là « *Thằng thằng hề... 乘乘兮...* »

Thuyết văn cắt nghĩa chữ *thằng* 乘 là lật đổ, nghiêng đổ.

Thuyết-văn cũng cắt nghĩa chữ luy là về rũ xuống. Lại một nghĩa là : *lười biếng*.

3— *thông với chữ 粟*.

Về gày gò, yếu đuối, mỗi mặt.

Tỷ dụ : Trong *Lễ-ký*, thiên *Ngọc-Tảo* có câu : « *Tang dung luy luy 喪容粟粟* » và trong *Sử-ký*, *Khổng-tử* thế gia, có câu : *Luy luy nhược tang gia chi câu 粟粟若喪家之狗* (theo Cao Hanh)

Tóm lại, các nghĩa trên đều gần nhau.

Ngã độc 跋扈 *hề kỳ 奇* *triệu*, như *anh nhi chi 奇* *hài* ; *luy luy hề nhược vô sở quy*.

Một mình ta lớn mở, rộng không, không có hình tượng dù để gọi tên, không có dấu vết đáng đem phô bày ; ta như đứa trẻ con chưa biết cười vì mới lọt khỏi lòng mẹ nó. Đứa trẻ sơ sinh chưa biết cười vì tình cảm chưa nảy nở, tâm chưa phát động. Chúng nhân đều ham muốn ngoại vật, không kim hãm được tình hỷ, lạc cho khỏi rung chuyển, riêng lòng ta yên lặng, chẳng chút mấy may xao xuyến, mà ta cũng không

biết vui với cái vui của người đời. Thiên hạ hơn hờ đua chen nào dự yến tiệc, nào lên đài xuân, miệng nếm vị ngon, mắt trông cảnh đẹp, nồng nhiệt biết chừng nào ! chỉ có ta lặng bật, suy tàn, rủ rọi mỗi mặt, không biết về đâu, như kẻ không nhà, không nơi nương tựa.

Dư 餘 : thừa

Di 遺 : bỏ sót, mất

Ngụ 惡 : dốt.

Chúng nhân *dạt hữu dư*, *nhĩ ngã độc nhược di*. *Ngã* *ngụ* *nhận* *chỉ* *tâm* *dã* *tai*.

Mọi người không ai là không có hoài-báo, không có chí lớn, khí cao, tràn trề đầy rẫy trong tâm hồn ; họ thực là có thừa ; chỉ mình ta không làm, không muốn, không ham, nhường như không đủ và có cái gì bỏ mất.

Có lẽ trí ta không biết biện biệt, phán đoán, tâm ta không biết thềm, mong, ưa, chuộng, do vậy tình ta không thể thấy rõ được, mà con người ta cũng cù rù, thờ thần như kẻ rất đần độn ngu si.

Thiên hạ thường tự đắc tự mãn về cái học của mình, nghĩ rằng dùng không bao giờ hết mô trí thức đã đầu lượm được kia ; riêng ta luôn luôn thiếu sót, lòng vốn « hư không » không chứa đựng gì, ta thực quả là một thằng ngây dại.

Độn độn 沌沌 : Hồn độn mờ mịt.

Ý nói : chưa phân chia rành rẽ, chưa biết gì.

Tục nhân 俗人 : Người tầm thường, dung phạm, không nhã.

Chiêu chiêu 昭昭 : Sáng sủa rõ rệt ; nói ánh sáng rực rỡ.

Hôn hôn 昏昏 : Tối ; tối tăm

Sát sát 察察 : 1) Trong trẻo

2) Phân biệt, xét rõ

Muộn muộn 悶悶 : Đục vẩn

Độn độn hề, *tục nhân chiêu chiêu*, *ngã độc hôn hôn* ; *tục nhân sát sát*, *ngã độc muộn muộn*.

Đem người đời đối chiếu với ta : người đời sáng sủa trong trẻo, riêng mình ta tối đục ngầu ; chúng nhân đều đua sáng ganh trong, riêng ta tự giữ mình mịt mờ ngu muội.

Đạm 澹 : 1 — về nước lay động

2 — thông với chữ *đạm* 澹 : lặng lẽ, yên tĩnh ; không hãm mộ lợi danh.

Lieu 颶 : 1 — gió cao

2 — Vì vèo, tả cái dáng gió thổi trên cao.

Dĩ 以 : nghĩa như chữ dụng 用 = dùng.

Ngoan 頑 : ngu, ương

Bì 鄙 : Thô lậu, hèn mọn ; hẹp hòi, đố kỵ.

Đạm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chi ; chúng nhân dai hữu dĩ, nhĩ ngã độc ngoan thả bì.

Có hai lối giải nghĩa :

Một là giữ nguyên chữ hải 海 là biển : Câu này ý nói :

Tâm hồn ta linh động, mệnh mạng như biển lớn muôn trùng sóng bủa không bờ không bến, thênh thang như gió ở trên cao vì vèo thổi qua mà không ngưng đọng ; lòng ta không hề bị giam cầm trói buộc ; cho nên khi thiên hạ người người đều đem tài năng thi, thử, có chỗ dùng được, thì riêng ta nhường như ngu ngốc, ương gàn, thô lậu, không dùng vào chỗ nào và được việc gì.

Hai là theo Trần Trụ, đoán đôi chữ hải 海 ra chữ hốt 洩, nghĩa là mù mịt tối tăm, câu này ý sẽ như sau :

Ta lặng lẽ, yên tĩnh, nhường như mờ mịt tối tăm, tình cảm của ta không thấy rõ vì không biểu lộ ra ngoài ; ta như gió thổi không ngừng, vì vèo ở tận trên cao, không lúc nào bị trói buộc giam cầm ; thiên hạ ai ai cũng có chỗ dùng và muốn thi thử tài năng, chỉ riêng một mình ta đã ngu, gàn lại thêm thô lậu.

Tự 食 : Cho uống cho ăn.

Tự mẫu 食 母 : cũng như **nhũ mẫu 乳 母** : Mẹ sữa ; Người đàn bà người ta thuê cho con người ta bú. Ta gọi là vú sữa.

Ở đây chữ **tự mẫu** trở gốc Đạo.

Ngã độc dĩ tự nhân nhĩ quý tự mẫu :

Riêng mình ta khác hết thầy mọi người.

Ta **quý gốc** của sự sống, quý Đạo, họ **quý ngọn** quý những cái trang sức phù hoa ; ta quý lòng Đạo ở trong, họ quý danh lợi ở ngoài ; ta vụ ở cái thiết yếu, tìm tới ngọn nguồn, họ đi theo dòng đục của kiếp sống phù du ; ta theo Mẹ sữa sáng tạo vũ trụ, nuôi nấng muôn loài, vì vậy mới bảo rằng ta trăm phần trăm khác họ.

ĐẠI Ý KIỂM TÔNG BÌNH

Trong chương này, Lão tử muốn vạch rõ cho ta thấy sự khác nhau giữa nhà Đạo-học và người tục học ; đoạn lạc cực kỳ rõ rệt, ta sẽ phân chiết như sau :

1608

I— (**Tuyệt học... vị ương tai**) : nói đại ý tổng quát toàn chương ; gồm có ba phần :

a) (**Tuyệt học vô ưu**) : nêu nguyên tắc căn bản đầu tiên : « dứt bỏ tục học, mọi nỗi lo buồn sẽ hết »

b) (**Dụy chi... hà nhược**) thừa ý trên, đi vào lẽ **Đông và Dĩ** : người cũng như vật, như vật, khi gần nhau, giống nhau có khác nào gan với mật ; nhưng khi đã chia lìa sai biệt, thì lại quá hai nước Sở, Việt xa nhau.

c) (**Nhân chi sở úy... vị ương tai**) : áp dụng vào nhà đạo học và người đời, tuy bậc chân nhân vẫn hòa quang đồng trần, pha trộn mình vào cuộc thế, sống lẫn với chúng nhân, song tâm hồn họ, Đức thao trỉ của họ, Đạo nhiệm mầu của họ mệnh mạng không bến không bờ. thực là vô cùng vô cực không sao nói hết.

II) (**Chúng nhân... ngoan thả bì**) : Bậc chân nhân khác hẳn kẻ phàm phu tục tử.

a) (**Chúng nhân hy hy... vô sở quy**) : Khi bọn tục tử vui với thú vui vật chất, riêng bậc chân nhân lặng lẽ như không biết cảm xúc, cứ rù rượi như không nơi chốn trở về.

b) (**Chúng nhân dai hữu dư... dã tai**) : Khi bọn tục tử, vì có một mớ trí thức con con, tự mãn tự cao, tự lấy làm có thừa, riêng bậc chân nhân nhường như thiếu sót, ngu si, đần độn...

c) (**Độn độn... muện muện**) : Khi bọn tục tử tranh trong đua sáng, riêng bậc chân nhân tự coi mình là vẩn đục, giữ vẻ mờ mịt tối tăm.

d) (**Đạm hề... thả bì**) : Khi bọn tục tử thi thử tài năng và trong áng khoe lợi dâm danh đều có chỗ dùng, riêng bậc chân nhân như gió cao sóng lớn, tự tại tiêu dao, đề lòng nhạt nhẽo thờ ơ đối với cảnh phú quý vinh hoa, coi bộ vô dụng vô tài, in hệt những phường bí phu thô lậu.

III) (**Ngã độc... tự mẫu**) : Kết luận : Lý do khác nhau này vốn ở chỗ kẻ tục tử theo tục học, hăm mình vào cuộc sống hình hình sắc sắc, làm tim mê óc loạn, còn bậc chân nhân tự ngay ở trong chính lòng mình cầu Đạo và biết trọng « Mẹ sữa », quay về với gốc rễ, ngọn nguồn.

Tóm lại, ý then chốt là « dứt học không lo ».

Bậc chân nhân và người thường cùng học như nhau, nhưng người thường theo đuổi tục học, tự nhiên lo sợ không biết học đến bao giờ, vì càng học càng đi xa, đi sâu vào chi tiết, càng phân vân thấy cõi học

1609

bát ngát tuyệt mù như thần Hà Bá theo nước mưa thu ra tới đại dương, đứng trên bờ mà nhìn muốn trông sóng dào, vừa hải nhiên, vừa xấu hổ với thân mình nhỏ bé, nóng cạn (6).

Trái lại, bậc chân nhân theo Đạo học, trở về với Đạo, do tự nội tâm thông cảm với Đạo cho nên có điềm giống người phạm tục, mà lại có điềm khác họ rất xa.

Giống nhau : vì cùng có chỗ sợ hãi lo âu, một bên sợ không học hết, biết hết để cho trí năng khai triển tới cùng, một bên « dứt tục học » vì sợ lỡ lầm, sai lạc Thiên chân, xa lìa Đạo thể.

Trong khi cả hai lo sợ đuổi theo hai cái vô cùng như thế (một : vô cùng của tiêu trí ; một vô cùng của Đại Đạo) thì, thiên cận hơn nữa hai bên còn giống nhau trong đời sống hàng ngày : Bậc chân nhân không bao giờ lộ vẻ khác tục, phi thường ; họ hoà mình vào đám thế nhân, cũng sợ hãi, kính trọng, tuân theo mọi hình thức lễ nghi, mọi tập tục, điển chương, luật lệ của xã-hội đặt bày mà hết thảy mọi người trong thiên hạ đều sợ hãi, tuân theo, kính trọng.

Giống nhau, nhưng bậc chân nhân và người tục vốn khác nhau như trên kia ta đã thấy và đã nói : « đuổi ngọn » là bệnh hồ đồ của kẻ tục, mà « trọng gốc » là đức sáng của bậc chân nhân.

6.— Trang tử : Nam-hoa kinh, Thu thủy : Ngoại thiên, thứ mười.



TRUNG THU DI-CƯ

Lặng ngắm gương thu nhấp chén trà,
Thu gần như gợi ý thu xa...
Đèn trung sáng mấy trời Nam-Việt !
Lá rụng nhiều không mạn Bắc-Hà ?
Bày cỗ, nhĩ-đồng vui bóng thỏ,
Trông trăng, cổ-lão nhớ cây đa.
Di-cư thu trước, thu này mấy ?
Thềm gió hai lần, quế (1) nở hoa ! !

Đông-xuyên NGUYỄN-GIA-TRU

(1) Tức cây mộc-tê, lá dày, xung-quanh có răng-cưa, hoa nhỏ tím-tím, sắc trắng, hoặc trắng, mùi thơm, nở về mùa thu. Tục-danh thường gọi cây Mộc.

KÈ THÙ CHÍNH CỦA TRẦN-HƯNG-ĐẠO

(Viết nhân ngày huỷ Đức Trần-hưng-Đạo,
20 tháng 8 âm-lịch, để tặng các Chiến-sĩ quốc-gia).

của CHÀNG HAI

*Đấu-tranh không nguy-hiểm,
chiến -thắng chẳng về -vàng *
CORNEILLE

S Ứ-sách nước ta đã ghi chép nhiều về chiến-công oanh-liệt của vị anh hùng cái thế Trần-hưng-Đạo. Nhưng, chiến-tranh là sự so-sánh giữa hai lực-lượng. Nếu ta không biết tường-tận sức mạnh kinh-khủng của quân nhà Nguyên, thì sao có hiểu rõ công-trạng của Trần-hưng-Đạo và những nỗi gian-khổ dân-tộc ta đã chịu đựng, để giữ vững nền tự-chủ ?

Đề bỏ tức một phần nào khuyết điểm ấy, thiết tưởng nên cống-hiến các bạn một ít sử-liệu về quân nhà Nguyên, và xin tạm chia làm ba mục :

- 1.— Mông-cò lập-quốc và xâm-lãng thế-giới.
- 2.— Tờ-chức Mông-cò
- 3.— Nguyên-nhân sự thất bại của Mông-cò trên đất nước ta.

o°o

1. — MÔNG-CÒ LẬP QUỐC VÀ XÂM LÃNG THẾ-GIỚI

Giống người Mông-Ngột

Khoảng giữa thế-kỷ thứ XII, nước Tàu bị phân làm đôi : bắc là nước Kim và nam là nước Tống.

Biên giới phương bắc nước Kim có Vạn Lý Trường Thành bao bọc, do Tần Thủy Hoàng dựng nên để ngăn cản bước nam tiến của các giống người mà sử-sách Tàu gọi chung là Rợ.

Tại tây bắc Vạn Lý Trường Thành, Rợ Tangut đã họp thành một nước mạnh mẽ : nhà Tây Hạ. Còn ở phía bắc và đông bắc, thời có hai giống người Mongol (Mông Ngột) và Tatar (Thát Đát) nay đây mai đó, chuyên sống về săn bắn, đánh cá và chăn nuôi.

Những dân-tộc này rất thiện chiến, cỡi ngựa rất tài, bắn cung bách phát bách trúng, lại quen dày dạn gió sương, nhin đói chịu rét là thường. Đời sống kham khổ giữa sa-mạc tuyết phủ mênh mông, các cuộc vật lộn tranh giành liên miên để chiếm các đồng cỏ tốt để nuôi gia-súc, đã biến họ thành những con 'người đánh thép, lạnh lùng trước cái đau khổ của kẻ khác cũng như của chính bản thân.

Dân Mongol đã có phen quy tụ dưới quyền của vị tù trưởng Kaboul Kagane, nhưng bị nước Kim nghi kỵ, xui giục người Tatar đánh phá, làm cho nước Mông-Cô bị tan vỡ ngay từ thời kỳ phôi thai!

Nhưng sau khi phá được Mông-Cô dân Tatar trở nên hung hãn, và đe dọa cả sự an ninh của chính nước Kim. Nước này lo ngại lại quay ra giúp người Mông-Cô, để họ kiếm chế giống Tatar!

Giữa lúc có sự chuyển hướng chính trị lợi cho 'giống Mông-Cô đó, thời một vị tướng tài xuất hiện: Témudjin (Thiết Mộc Chân)

1— Cuộc đời/sống gió của Témudjin

Témudjin ra đời vào khoảng tháng hai năm 1155, trên ven sông Onone (phụ lưu của sông Hắc Long Giang), ở một nơi tên gọi « Dêligoun Boldok ». Cha chàng là Yisukai Bagatur (Dũng sĩ Dã Tốc cai), thuộc dòng họ Borcigan (Bột nhĩ chỉ cần), một vị tù trưởng được nhiều bộ lạc lân cận qui thuận. Vị tù trưởng đó nhân bắt được tướng Tatar tên là Té Mou Tshéna, nên theo tục lệ Mông Ngột, đặt tên cho con là Témudjin để ghi chiến công đó.

Năm Témudjin lên 9, cha dẫn đi đính hôn với con gái một vị tù trưởng nơi xa là nàng Borté, nhưng khi trở về, nhân dịp một bữa tiệc của người Tatar, Yisukai bị họ đánh thuốc độc, tới nhà thì chết.

Các tù trưởng theo Yisukai lúc đó, liền đời bỏ mẹ con Témudjin, và cướp cả súc vật. Tuy mẹ Témudjin là Oelen Eke can đảm, nhân nại, cùng các con cương quyết mưu sinh, nhưng đời sống cũng cực kỳ chật vật khổ sở, vì chỉ còn có cách săn bắn và đánh cá mà thôi.

Tuy nhiên, thời gian trôi qua, anh em Témudjin ngày một khôn lớn. Nhất là Témudjin rất có chí khí; lại thêm can đảm, dũng mãnh và khôn ngoan, nên có thể nổi được nghiệp cha,

Viên tù trưởng bộ lạc Taijiut (Thái xích ô) trước đây đã quyến dụ các bộ lạc của cha Témudjin khi ông này chết, nên vấn đề rằng một ngày kia Témudjin khôn lớn sẽ trả thù. Vì vậy, một hôm, lấy cớ tranh đất,

bất thình lình đánh úp gia đình Témudjin. Họ bắt được chàng, và đóng gông cả cổ lẫn hai tay chàng lại, nhưng tới nửa đêm Témudjin dùng gông đánh chết quân canh mà tẩu thoát.

Cuộc đời thiếu thốn và gian nan đã hun đúc cho Témudjin, một lòng cương quyết sắt đá và một sự nhẫn nại vô biên.

Tới lúc trưởng thành, chàng liền tìm đến người bạn kết nghĩa của cha là Togril (Thoát Lý), chúa tể dân Kerait (Khắc Liệt), một dân tộc cực kỳ thiện chiến và dũng mãnh, xin nhận làm con nuôi.

Dựa vào thế lực đó, chàng tụ họp những gia tướng cũ của cha, và một số bộ lạc đã dời bỏ gia đình chàng xưa kia.

Tới khi Témudjin cưới vợ, thời lực-lượng mới nhóm khởi của chàng, suýt lại tan vỡ: Ít tuần sau lễ cưới, bộ lạc chàng bị quân Markit (Mậu Lý Khí) tới đánh và chiếm mất nàng Borté. Chính Témudjin phải ăn nấp trong bụi rậm trên một trái núi, có tới ba trăm quân địch lùng kiếm mà không bắt được. Đó là trái núi Bourkhan-Khaldoun. Trong cuộc thoát hiểm kỳ lạ này, Témudjin cảm thấy có bàn tay Thượng Đế cứu vớt chàng, nên quyết định sau này núi ấy sẽ là nơi an nghỉ cuối cùng của mình.

Ít lâu sau, nhờ quân lực của cha nuôi, Témudjin cướp lại được vợ, nhưng vì nàng đã bị giam giữ một thời kỳ trong trại giặc, nên có sự nghi ngờ đối với người con đầu lòng là Juci (Thuật Xích) và tình cha con cũng vì thế có phần lạnh nhạt.

2.— Témudjin trả thù và bành-trướng thế-lực

Tuy dưới trướng đã có một số quân tinh nhuệ, nhưng tự lượng sức chưa đủ, Témudjin vẫn không dám khinh động. Đợi tới khi nhà Kim sai sứ đến hẹn với Togril, cha nuôi chàng, hợp quân đánh dân Tatar, Témudjin liền có ý tác thành và xui Togril nhận lời. Nhân dịp này, chàng đem quân phụ lực rất nhiều trong cuộc chinh phạt, đã đè bẹp quân Tatar và báo được phụ thù. Các bộ lạc Mông-Ngột cũng thừa cơ chiếm đất, mở mang bờ cõi.

Sau đó, chàng trừ tính đánh quân Taijiut, kẻ đã xui giục và thu nạp những bộ lạc phản bội gia đình chàng, làm mẹ con chàng bao năm điều đứng, lại đã đánh úp, làm nhục và suýt giết chết chàng.

Biết Témudjin nuôi chí báo thù, tướng Taijiut lại một lần nữa thống lĩnh đại quân 30.000 người, xuất kỳ bất ý tiến đánh trước Témudjin trong khi vô tình vẫn ung dung cùng bộ lạc mình thay đổi đồng cỏ, bỗng được quân tình báo cho hay là bị đánh úp. Témudjin không ngại quân ít liền gấp

rút tổ chức cuộc chống cự, chỉ trong một trận đánh tan được quân địch, giết chết tới hơn 6 ngàn người, còn bắt trọn làm tù binh. Phần để trả thù, phần để khủng bố tinh thần các bộ lạc khác có ý dòm dò giang sơn của mình, Témudjin ra một lệnh cực kỳ tàn nhẫn, là quăng tất cả số tù binh hơn hai vạn người vào vạc dầu! Thật là một cuộc tàn sát ghê gớm trong lịch sử, mở đầu cho bao cuộc tàn sát khủng khiếp sau này của quân Mông-cò!

Tới năm 30 tuổi, cái mộng của Témudjin mới rõ rệt: chàng sẽ chinh phục tất cả dân tộc trên cao nguyên Mông Cổ, bắt họ hợp thành một nước hùng cường dưới bóng cờ của mình.

Tài năng và can đảm của Témudjin đã làm nhiều tộc đảng Mông Ngột tin phục nên họ tôn chàng làm Khan (Hãn), Tự đấy, Témudjin ra công sửa sang hành-chính, chỉnh đốn binh mã, mở mang thương mại, tổ chức giao thông, đời thời vùng vậy.

Nhân Témudjin lấy các quý tộc làm tay chân, nên đã trở nên bất hòa cùng Jamuga, (Thoát Mộc Hợp), người anh em kết nghĩa của chàng tự thực nhỏ, và là một vị Hãn rất có tài, chỉ vì vị này lại chủ trương ngược lại lấy đại chúng làm căn bản trong công cuộc trị vì.

Biết dân Kérait dưới quyền Togril On Khan (Vương Hãn), cha nuôi mình, là một dân tộc rất mạnh, Témudjin liền liên minh với On Khan, tiến đánh các bộ lạc khác như Markit (Mậu Lý Khí) và Naiman (Nãi Man) trong 6 năm liền, từ 1195 đến 1200.

3— Phá cuộc liên minh thứ nhất.

Thấy cơ nguy, các bộ lạc như Jacirat (Trát Chi Lạc), Markit, Taijuit, Kongirat (Hùng Cát Lị), Tatar, liên minh và nhận quyền điều khiển của Tokta (vua Markit) và Jamuga (vua Jacirat và là anh em kết nghĩa của Témudjin). Hơn nữa, họ lại suy tôn Jamuga làm gửhhan tức là vua các bộ lạc Thổ Mông (Turco Mongol). Tuy lực lượng hùng hậu, họ cũng vẫn bị Témudjin đánh tan, và phải quay về qui thuận.

4— Chống lại xứ Kérait của cha nuôi.

Sau khi thất bại, Jamuga trốn thoát, tới triều vua On Khan, bày tỏ lợi hại, làm On Khan cũng quay ra đàn áp con nuôi. Tuy tin ở tài làm tướng của mình và cậy quân sĩ rất đông, On Khan vẫn e ngại Témudjin lúc này đã đủ lòng can đảm, nên rất thận trọng. On Khan dùng mưu một mặt viết thư phủ dụ Témudjin để cho không đề phòng, một mặt xuất toàn lực quân nhà và quân chư hầu lên đánh úp (năm 1203).

Chuyến này, nhờ có hai kẻ mục đồng báo tin kịp, nên Témudjin mới lại thoát chết. Témudjin vì bất ngờ nên trong tay vẫn còn có 4.000 quân, tuy nhiên cũng dùng mưu tạm lui trước quân địch trong trận đầu. Thấy sự quá yếu, Témudjin liền dùng kế hoãn binh, một mặt viết thư xin điều đình, một mặt lui về tiếp nhận viện binh. Con trai On Khan là Segon trả lời nhất định quyết chiến và thúc binh đuổi tới. Témudjin đành lại phải dùng mưu khác, cùng ba quân trốn tránh và làm mất hết dấu vết. Mưu này đã được thi hành một cách tài tình, đến nỗi quân của On Khan bị lừa, tưởng đã trốn xa, nên có ý trễ nải trong việc canh phòng. Témudjin liền xuất kỳ bất ý đem quân cướp trại. Chỉ một trận đủ làm địch quân tan tác và phải giải giáp quy hàng. On Khan cùng các con bị thương trốn chạy sang xứ Naiman tại trung bộ châu Á, và On Khan đã chết trên bước đường lưu vong.

5— Phá cuộc liên minh thứ hai

Sau trận này, tiếng tăm Témudjin nổi lên như cồn. Cả xứ Kérait chịu quy phục, và tăng cường quân đội Témudjin rất nhiều. Tuy nhiên Témudjin cũng chưa thể ngồi yên, vì tay đối thủ lợi hại hơn cả là Jamuga, lại một lần nữa trốn thoát, tới nương nhờ vua xứ Naiman, và tới năm 1204 thành lập một cuộc liên minh quân sự khổng lồ giữa các đối thủ của Témudjin như Tayan Tai Buka (Thái Vương Tai Buka) vua xứ Naiman Tokta (Thoát Thoát) vua xứ Markit, Katuka Bagi (Hốt Đồ Hoa Liệt Cát) vua xứ Oirat (Ôi Lạc), dân Tatar v.v.. Cuộc liên minh này cũng không đứng vững được lâu, và tới ngày 16 tháng 6 năm 1204, bị đánh tan: vua Tayan bị giết, con và em vua đó là Kukul (Khuyết Xuất Luật) và Buyrug (Bất Lộ Dục) cùng với Tokta trốn thoát. Mất tướng, phần lớn xứ Naiman hàng phục, các quân đội liên minh khác vì lẻ loi, nên toán thì bị tận sát như quân đội Tatar, toán thì hàng phục như dân Oirat...

Jamuga, tay địch thủ ghê gớm nhất của Témudjin, chuyến này mới bị bắt và bị cắt hết gân ở khuỷu chân và khuỷu tay. (1)

Sau cuộc chiến thắng đó, Témudjin đương nhiên làm chủ các dân tộc trên một cõi rộng mênh mông, từ núi Altai đến Vạn Lý Trường Thành.

(1)— Theo René Grousset, thời số phận của Jamuga như vậy; nhưng theo Amir Ali thời lại khác hẳn: "Jamuga lại trốn thoát, nhưng không nơi nương tựa, nên bị các bộ hạ bắt đem nộp Témudjin. Xưa nay Témudjin rất ghét sự phản bội, dù nó xảy ra ở trong hàng ngũ địch, nên hạ lệnh giết hết những bộ hạ bất trung ấy, và toàn thư cho Jamuga; nhưng Jamuga không nhận, chỉ xin cho được chết không đờ máu mà thôi. Témudjin ưng thuận, và sau đó cho làm tang lễ cực kỳ long trọng."

Vì vậy, một cuộc Dạ Hội (Kuriltai) được triệu tập vào tháng chạp năm 1206 tại thượng lưu sông Ononê để tôn Témudjin lên ngôi Đại Hãn lấy hiệu là Tchinguiz Khan (Thành Cát Tư Hãn tức là Vị Đại Hãn Cương Quyết).

Khi đó, Tchinguiz Khan đã 52 tuổi.

Những cuộc kháng cự cuối cùng.

Các đối thủ của Tchinguiz Khan, gần một huyết thống với Tchinguiz Khan, và đều là những chiến sĩ can đảm do đời sống gay go tàn bạo của sa mạc đào tạo, nên vẫn còn một số nhỏ chưa chịu bó tay.

Hải người em và con vị Tayan xứ Naiman, trước đây trốn thoát, nay lại cùng vua xứ Markit, triệu tập binh mã trong vùng Balkhas để tái chiến. Tuy dũng cảm có thừa, nhưng lực ít, tài kém, nên lại bị thua thất diện bát đảo. Buyring, em vua Tayan, bị giết vào năm 1206, Tokta vua Markit bị giết năm 1208. Tàn quân Markit tuy mất tướng, nhưng cũng vẫn cương nghị không chịu đầu hàng, trốn sang đất Kirgiz, mãi tám năm sau (1216) quân Mông Cổ mới tiêu trừ nổi.

Duy người con của vị Tayan là Kuclug trốn thoát, sau này lại có dịp đương đầu với Tchinguiz Khan.

Sự thất bại của cuộc liên minh này làm tiêu tán chí bất khuất của các bộ lạc khác khiến cho không cần phải đánh, Tchinguiz Khan cũng được nhiều vị vua thần phục, như Baruk vua xứ Uigur (Úy Ngô Nhi) vào năm 1209, Arslan vua xứ Karluk (Háp lực lỗ) năm 1211, — vua xứ Almalig (A lý ma lý), — cuối cùng là vua dân Kirgiz (Khất Vương Cát Tư) khoảng năm 1207-1218,

Từ đó, uy quyền Tchinguiz Khan mới thật vững vàng trên toàn cõi Mông Cổ.

6— Bước đường xâm lăng :

Chuẩn bị tiến đánh nước Kim.— Tuy ngày đêm lo lắng thống nhất lực lượng Mông Cổ, Tchinguiz Khan không lúc nào quên mối thù dân tộc : Đó là việc nước Kim đã từng giúp quân Tatar bóp chết nước Mông Cổ khi mới phối-thai dưới triều các vị Hãn Kaboulé và Katoulé. Họ lại từng bắt sống vị Hãn Mông Cổ Angabai, và bắt chịu nhiều cực hình tàn khốc. Vết sỉ nhục ấy, Tchinguiz Khan quyết gột rửa cho kỳ được.

Nhưng, nước Kim đâu có thể vì được với các bộ lạc lẻ tẻ mà, từ trước tới nay, Tchinguiz Khan đã khuất phục ? Nước này dân số gấp

hàng trăm lần dân Mông Cổ, lại có một đạo quân đông-dào, tinh nhuệ, khí giới đầy đủ. Hơn nữa, dụng cụ và kỹ thuật tấn công của họ cực kỳ tinh xảo, lợi hại, các thị trấn lại to lớn, thành cao, hào sâu, không phải nhất đán đã làm gì nổi. Ngoài ra, hai đại Vạn Lý Trường Thành sừng sừng, để làm nản lòng những kẻ có tham vọng xâm lấn cõi bờ.

Biết rất khó bề thủ thắng, Tchinguiz Khan dụng tâm sửa soạn rất lâu và kỹ-lưỡng. Ngay từ khi công cuộc thống-nhất chưa hoàn tất, Tchinguiz Khan đã chăm chú luyện tập binh mã, cho người sang buôn bán tại nước Kim để thăm dò đường đất, xếp đặt cơ-sở nội ứng sau này, lại không quên lợi dụng cả sự bất mãn của người Hán Tộc và người Khê Đon (K'i Tan) đối với Kim Trào vốn dòng ngoại-tộc (nguyên là ry Djourdjenes — Sinh nữ chân).

Đề quân sĩ quen với chiến thuật quân Kim, và đề phòng nước nhà khỏi bị xâm lấn khi toàn lực quân đội được đưa sang nước ngoài, năm 1207 Tchinguiz Khan đem quân xâm chiếm khu thượng-lưu sông Hoàng-hà, đánh phá quân Tungut nhà Tây Hạ tại các miền Cam Túc, Ninh Hạ.

Cuộc giao tranh kéo dài tới 1209, kết quả là thắng lợi hoàn toàn về quân Mông Cổ, đem lại cho họ không những một uy danh lừng lẫy, với rất nhiều chiến lợi phẩm, mà còn giúp cho họ biết bao kinh nghiệm chiến đấu cần thiết cho cuộc tiến đánh nước Kim sau này, vì người Tungut chiến đấu theo đúng chiến thuật nước Kim.

Tchinguiz Khan lại kích-thích nhân tâm, bằng cách kêu gọi dân chúng Mông Cổ trả thù tuyệt hận đối với kẻ đã làm nhục giống nòi.

hi thấy lòng người háng hái, mọi cuộc sửa soạn đã chu đáo, Tchinguiz Khan liền xui giục dân Ongut tại miền nam Mông cổ và vị vương Liêu Đông tại nam phần Mãn châu, nổi lên đánh phá, phân tán lực lượng nhà Kim. Đoàn triệu tập binh mã tại miền sông Kéroulène (phụ lưu sông Hắc Long Giang) cách nước Kim tới 900 cây số, đề cho nhà Kim không ngờ.

Mùa xuân năm 1211, đại quân xuất phát, nhằm phía Vạn Lý Trường Thành thẳng tiến...

Chiến sự tại nước Kim

Tchinguiz Khan đốc toàn lực vào cuộc chiến tranh này, một mình thống lĩnh binh sĩ, trong đó có ba danh tướng là Mukali (Mộc Hoa Lê), Jébé (Tích Bá) và Subotai (Tốc Bất Thai), lại đem theo cả bốn người con là Juci (Thuật Xích), Cagatai (Sát Hợp Thai), Ogodai (Kiều Thoát Thai) và Tului (Thí Lôi).

Tchinguiz Khan dụng tâm khởi binh vào mùa xuân, để tiện sẵn cỏ cho ngựa ăn, nên đã vượt rất nhanh chóng quãng đường dài đằng đặc tự Kérolène tới Vạn Lý Trường Thành. Tuy vậy quân Kim cũng đã kịp thời chuẩn bị, vì từ lâu họ vẫn theo dõi sự bành trướng thế lực của Tchinguiz Khan, và vẫn chờ đợi cuộc tấn công này.

Biết địch quân sẽ hết sức phòng thủ và chờ đợi mình trên con đường gần và tiền nhất, Tchinguiz liền cho một đạo quân theo con đường đó huy trương thanh thế để đánh lừa quân Kim, còn chính mình thời lại dẫn đại quân tiến đánh một điểm khác cách đại quân nhà Kim có tới hai trăm cây số, thành thử bức Vạn Lý Trường Thành thứ nhất bị chọc thủng một cách dễ dàng.

Sau khi vào lọt chiến lũy thứ nhất, họ lại vấp phải bức Trường Thành thứ hai kiên cố hơn nhiều. Tuy vậy, họ cũng đã chiếm cứ thêm một khoảng đất phì nhiêu rộng lớn, và nhất là đã bắt được rất nhiều ngựa của vua nhà Kim chăn/nuôi tại khu vực giữa hai trường thành.

Chiến lũy thứ hai bị quân tiền phong dưới quyền điều khiển của viên đại tướng Jébé, chọc thủng. Liên sau đó Jébé giao tranh dữ dội với quân Kim và đánh họ tới bời. Nguyên một trận này đủ làm quân Kim kinh ngạc, vì họ thấy quân địch mới tới mà đã thông tỏ đường lối hơn cả mình.

Dù quân nhà Kim vừa đông, vừa nhiều chiến cụ, binh-sĩ của Tchinguiz Khan vẫn tiến nhanh như bão táp và chẳng bao lâu, đã tới bao vây kinh đô nước Kim là Yên Kinh (tức là Bắc Kinh).

Tự lượng khó lòng vào lọt tòa thành kiên cố như Yên Kinh một cách nhanh chóng, vì kỹ thuật công phá của mình còn kém cỏi, Tchinguiz Khan chỉ vây hãm ít lâu, rồi kéo trở về.

Sang năm sau, 1212, Tchinguiz Khan, lại trở lại bao vây, chuyển này chỉ cốt ý chờ đánh phá những toán quân tất sẽ tự các miền kéo về để giải cứu Kinh Đô. Đúng như dự tính, các toán quân đó lục tục về cứu ứng, bị Tchinguiz Khan lần lượt đánh tan. Đồng thời, các nhóm quân Mông Cổ khác do chư tướng chỉ huy, được phân-phối đi mọi nơi xâm chiếm các vị-trị kém quan trọng. Sau đó, nhân vì Tchinguiz Khan bị thương nên lại một lần nữa giải vây trở về bên kia Vạn Lý Trường Thành.

Sang năm 1213, cuộc bao vây tái diễn, nhưng không đưa lại một kết quả quyết định nào.

Tới 1214, Tchinguiz Khan chia quân ra làm ba đạo cùng tiến, và áp dụng một chiến thuật mới, đó là xua những dân chúng bắt được

đi trước phá thành, binh sĩ thủ thành đâm ra kinh hoàng và bất nhân nên lần lượt đầu hàng. Có nhiều viên tướng nhà im qui-thuận, được Tchinguiz Khan trọng dụng, lắm khi lại giao cho trấn giữ cả thành trì đã chiếm được!

Cuộc toàn thắng đã gần tới, thời bệnh dịch hạch bỗng phát ra dữ dội làm cho quân đội Mông Cổ chết hại rất nhiều. Tuy nhiên khí thế của họ vẫn hăng, không một tướng Kim nào dám thừa thế tấn công. Sau vua Kim đành chịu nộp rất nhiều cống phẩm, và dâng cả công chúa để cầu hòa.

Nhận xong phẩm vật, Tchinguiz Khan rút quân trở về.

Nhân dịp, vua nước Kim là Tuyên Tôn (tên tục là Tôn nhan Tuân) thiên đô xuống Khai Phong Phủ (từ đó đổi là Nam kinh) và để người con ở lại giữ Bắc kinh. Vị Thái Tử này liền cùng các nhà ái-quốc, thừa lúc quân Tchinguiz Khan đã đi xa, tìm cách tiêu diệt các toán quân thừa thốt của Mông Cổ còn đồn trú lại, họ đánh phá cả Liêu Đông nữa, vì vua xứ này đã đồng minh với Mông Cổ.

Tchinguiz Khan lúc ấy mới tới Vạn Lý Trường Thành, được tin bên ngược tiến, cho các tướng kéo một số quân trở lại đánh. Ở phương Bắc, Subotai được dịp vây vùng, và nhân tiện chiếm đóng cả Cao Ly. Còn Mukali và vị vương Liêu Đông thời vây hãm, rồi đến năm 1215, hạ được Yên kinh. Lúc đó, nhiều dịch quân điều-động gấp tự phương nam đến cứu viện; nhưng ngay khi ấy, Tchinguiz Khan lại đưa đại binh tới phá vỡ.

Kim Tuyên Tôn cùng hoàng tử trốn chạy xuống phương nam, quyết kể kháng cự lâu dài.

Tchinguiz không đuổi theo, chỉ giao một cánh quân chừng hai vạn người cho Mukali, ở lại, hoàn tất công cuộc chinh phục, còn mình kéo đại quân trở về.

Mukali, sau khi được phong vương (tước hiệu là Go Han), đã lưu lại cùng quân sĩ, rồi tiến đánh quân Kim. Tới 1222, vua tôi nhà Kim chỉ còn giữ được có miền Hồ Nam cùng kinh đô là Nam kinh mà thôi.

Sau này, khi người con thứ ba của Tchinguiz Khan tên gọi Ogodai lên nối ngôi cha, mới thân chinh đi dẹp.

Năm 1231 và 1232, trước sự kháng cự bền-bì của vua tôi nhà Kim, Ogodai phải dùng một chiến lược mới: Trong khi chính mình thống lĩnh đại quân đánh từ bắc xuống, em là Tului đem ba vạn quân đi vòng

ướng phương nam theo phía tây bắc, đột nhập nội-địa nhà Tống, thắng tiến về phía Tứ xuyên, rồi bắt đầu đánh ngược lên Hồ Nam của nhà Kim. Lương diện thụ địch, quân nhà Kim đại bại, vua Kim lúc đó là Ai Tôn cùng quân sĩ rút vào cố thủ tại thành Nam kinh. Subotai đến vây hãm rất gấp; năm 1233, khi vua Ai Tôn trốn sang thành Sái Châu thời Subotai hạ được Nam kinh, và lại quay sang vây hãm Sái Châu. Biết thế không thoát, vua Kim tự vẫn, thế là nhà Kim mất, và đất bị sáp nhập hẳn vào bản đồ Mông Cổ (năm 1234).

Tiến đánh trung-bộ châu Á

Sở dĩ Tchinguiz Khan không thân cầm quân kết liễu cuộc diệt Kim mà lại vội vã cùng chư tướng trở về nước nhà là vì tại phía tây nam Mông Cổ, lại nảy ra một mối nguy cơ.

Nguyên Kuclug (Khuyết Xuất Luật) thái tử xứ Naiman, trước đây thoát khỏi vòng vây Mông Cổ sang trú ngụ tại đất Tân Cương, được kén làm phò mã nước Kara Hitai. Sau đó, Kuclug âm mưu với vua Muhammed, tri-vị tại nước lân-bang Hwarizm, mà bắt nhọc phụ, rồi cùng Mahammed chia nhau nước Kara Hitai, và tự xưng làm vương xứ Kachgarie. Trong tay đã có quân lực, Kuclug đánh giết các nước phụ cận đã từng thần phục Tchinguiz Khan hoặc dăm tở lòng nhớ tiếc nhà vua cũ. Đối với nước Mông-Cổ mới thành lập, nhân tâm còn chưa thực ổn định, thời sự nổi loạn này là một mối đe dọa nghiêm trọng.

Tchinguiz Khan sai hai tướng Jébé và Subotai đi chinh phạt. Cho tới năm 1216 Jébé đã chiếm cứ xong cả một lĩnh vực rộng lớn từ núi Altai đến sông Oural, và quét sạch đám tàn quân Markit còn ẩn náu tại đây. Subotai phá vỡ tất cả mọi cuộc kháng-cự. Kuclug thua to, chạy trốn vào khu rừng thuộc dãy núi Gidoukouche và chết ở đó. Thế là cuộc xâm lăng kết liễu.

Tiến đánh tây bộ châu Á

Nước Hwarizm của vua Muhammed là một nước lớn tại tây bộ châu Á, gồm miền tây Tân Cương, A phú hân, Ba-tư và Iran. Sau khi từ mặt trận nước Kim trở về Karakorum (Hòa-Lâm) thủ đô Mông Cổ, Tchinguiz Khan có tiếp đãi sứ thần của Muhammed cho sang thông hiếu. Nay nhân dịp nước Mông Cổ mở rộng biên giới giáp cận nước Hwarizm, Tchinguiz Khan chộp sứ sang đáp lễ với rất nhiều láai buồn mang theo hàng hóa. Nhưng Muhammed nghi ngờ rằng đó chẳng qua chỉ là một thủ đoạn của Tchinguiz Khan để dò dẫm đường lối và lực lượng, nên đã có một quyết định tai hại là hạ mật lệnh cho Gair Khan, viên tổng trấn thành Otrar, giết sạch đoàn người Mông Cổ này khi họ tới nơi.

Tchinguiz Khan được tin vội sai một sứ thần khác đem quốc thư đến đòi Muhammed phải giao Gair Khan cho mình trị tội. Muhammed lại có một cử chỉ ngang ngược thứ hai, là hạ sát viên chánh sứ và đuổi đám tùy tùng trở về.

Tchinguiz Khan nổi giận rắp tâm báo phục, nhưng quân đội của Muhammed đâu phải tầm thường; Riêng đạo quân đã-chiến đã lên tới 400.000 kỵ binh, gồm toàn người xứ Tân Cương nổi tiếng dũng cảm, các đạo quân thủ thành lại cực kỳ đông đảo, thêm các chiến cụ tinh xảo và những thớt voi trận là những vật mà Mông Cổ chưa từng gặp. Ấy là chưa kể đường đất hiểm trở, thành trì vững trãi do các kỹ sư danh tiếng giữ gìn.

Về phần Tchinguiz Khan, tuy có thể lấy thêm quân các nước chư hầu để tăng cường quân đội, nhưng lại chỉ có thể tin ở sự trung kiên của người Mông Cổ mà thôi, nên lấy thêm rất ít, do đó, ta thấy tổng số lực lượng của Tchinguiz Khan khi lên đường tây tiến, chỉ trên dưới 200.000 người. Số quân này thực là ít ỏi, khi ta nghĩ đến số quân đồn trú trong từng một tỉnh Samarkand (Tá mã nhĩ căn) đã tới 110.000 quân sĩ và 20 chiến tượng!

Vì thế Tchinguiz Khan đặt hết hy vọng vào lòng can đảm cùng kỹ thuật chiến đấu của tướng sĩ.

Tchinguiz Khan lợi dụng tài dùng binh mạo-hiêm và thần-tốc của Jébé, cho kéo toàn-quân qua vùng núi non hiểm-trở ở phía đông-nam xứ Tây-Tạng, đột-nhập xứ Hwarizm tại Fergana, để đánh dứ, làm cho quân của Muhammed rối loạn.

Nguyên xứ Hwarizm có núi non cực kỳ hiểm trở bao bọc tại phía đông, nên con đường tất nhiên Tchinguiz Khan phải dùng để tấn công, là miền đồng bằng phía bắc. Vì vậy, toàn lực quân đội Muhammed án ngữ tại phía bắc xuôi dọc con sông Sir Darya. Nay bỗng thấy quân của Jébé tự miền núi phương đông, đồ xuống đánh tập hậu thời thất kinh, vội vã, chuyển về hướng đông nam nghênh chiến, khiến sự đề phòng miền bắc trở nên sút kém. Chính lúc đó, xuôi dọc sông Sir Darya, xuất hiện đại quân của Tchinguiz Khan, khoảng 150.000 kỵ binh do chính Tchinguiz Khan cùng bốn con điều khiển, tiến vào như gió bão. Các thành trì nổi tiếng kiên cố như Bukhara, Samarkand, Gurjanj v... v... đều lần lượt bị quân Mông-Cổ triệt hạ!

Vì cần làm tắt hẳn lòng báo phục của dân nước Hwarizm, Tchinguiz Khan ra lệnh cho Jébé và Subotai đánh đuổi, giết cho kỳ được Muhammed. Bị rượt tới ven biển Caspienne, Muhammed đành xuống thuyền trốn tránh lên đảo Abaskan rồi phẫn vì nhọc mệt, phần vì lo buồn, nên đã chết tại đó.

Cuộc đọ sức với dân Nga

Jébé và Subotai có thể về phục mệnh vì Muhammed đã chết, nhưng tiện đường, cả hai cứ thúc quân tiến tràn lên phía bắc Iran, làm

cho bao nhiêu thành trì lại vì thế mà tan nát dưới gót ngựa của họ : Raiy, Kazwin, Hamadan, Tabriz ...v.v..

Nhân đà, họ tiến đến vùng núi Caucase, gặp dân Georgien ra chặn đường, liền tiến đánh dữ dội giết hại tới 30.000 người. Con số này thật là khủng khiếp và đủ tỏ rõ sự dũng mãnh tàn nhẫn của quân đội xâm lược, vì họ chỉ vền vẹn có 20.000 quân kỵ.

Sau trận này, quân Mông Cổ kéo lên rặng núi Caucase, đánh bại mọi cuộc kháng cự của thổ dân, vượt qua đèo Dərbente và tràn xuống vùng đồng bằng phía bắc. Khi tới lưu vực sông Terek họ gặp một cuộc liên minh quân sự không lồ giữa các lực lượng Kipcak (Khâm Sát), Tcherkesse, Lesguins và Alane (A Tộc). Biết không thể một lúc đương đầu với các lực lượng quá lớn như vậy, Jébé và Subotai liền cho người mang phẩm vật tới tặng dân Kipcak để họ đứng trung lập, rồi đốc toàn lực để bẹp cuộc liên minh. Sau đó, họ quay trở lại diệt nốt quân Kipcak.

Quân Mông Cổ lại tiến chéo sang phương tây, vượt qua sông Don, đánh bại quân Polovietz và đuổi họ tới hạ lưu sông Dnieper.

Bấy giờ, dân tộc Nga đều do các vị vương người Nga cai trị ; vị vương anh hùng hơn cả, danh tiếng lẫy lừng, là Mstislave, phò mã của Khotian, vua xứ Polovietz. Vị vương này liền họp tất cả quân đội của các vị vương khác, cùng kéo xuống phương Nam, hùng tiến diệt quân Mông Cổ.

Jébé và Subotai cho 10 sứ giả đến xin thông hiếu, nhưng các vị vương cự tuyệt, giết chết sứ giả, và thúc 80.000 quân Nga hùng hồ tiến tới.

Thấy quân Nga không những đông gấp mấy lần, mà lại toàn là quân can đảm, giỏi nghề chinh chiến, Jébé và Subotai liền dùng mưu chạy về phương đông, thỉnh thoảng lại giả thua một vài trận nhỏ, bỏ lại khá nhiều của-cải để quân địch ham đuổi sẽ tàn mất ra và kém phòng bị. Đồng thời, họ lại tìm cách ly gián, tách quân Polovietz ra khỏi cuộc liên minh.

Chạy tới sông Kalka, quân Mông Cổ liền ngừng lại đợi, và ngày 31 tháng 5 năm 1223, họ bất thần quay lại đột kích các vị vương. Quân đội Nga, khi đó vì ham đuổi để cướp chiến lợi phẩm nên không chờ nhau, kẻ đuổi nhanh, người đuổi chậm, dần dần phân ra thành từng toán không đồng hơn quân Mông Cổ là bao, nên khi bất ngờ bị phản công, thì họ đã tan rã để dang 10 phần chết tới 9 !

Trong cuộc độ tãi này, quân Mông cổ đã thu được một chiến lợi phẩm về vang nhất : đó là đầu vị vương vô địch Mstislave Romanovitch, do Subotai

chặt được đem nộp dưới trướng Tchinguiz Khan. Ngoài ra, họ lại thu phục được một toán quân kỵ dũng-mãnh chừng 5.000 người, thuộc giống Brodnik. Quân Mông-Cổ gọi họ là Kosak, tức là quân khinh kỵ, nay biến thành Cosaque.

Sau đó, nhận được lệnh của Tchinguiz Khan, họ liền trở về theo miền đông biển Caspienne, đi tới đầu, đánh tan quân đội bản xứ tới đó, và đều bắt họ qui thuận.

Trong cuộc viễn du 2 hai năm trời này, quân Mông Cổ đã giết hại không biết bao nhiêu người, đập thành bình địa hàng chục thị trấn, và khuất phục vùa đúng 10 dân tộc thiện chiến và hiếu chiến : Kipcak, Nga, Tcherkesse, Alane (A Tộc), Madjars, Kolars, Poudas, Bachkires, Ibirs và Sibirs !

Công cuộc bình định Hwarizm

Trong khi hai đạo quân của Jébé và Subotai làm cho phương tây bắc dậm máu, thời Tchinguiz Khan tiếp tục gieo tang tóc tại nước Hwarizm. Tchinguiz Khan đích thân tiêu diệt mọi cuộc kháng cự còn sót lại, chinh phục nốt xứ A Phú Hán và cho người con là Tului đánh phá vùng Horasan.

Cuộc chém giết diễn ra cực kỳ kinh khủng : nhiều tỉnh thành như Balh (Ba lý hắc), Bamiyan, Hérat, Tus, Merw, Nisapur, đều bị san phẳng, dân chúng thường bị tận sát. Riêng tỉnh Bamiyan, vì chốt giết chết Mutugen, con của Cagatai và là cháu của Tchinguiz Khan, nên dân chúng tại đó bị giết chóc, đàn áp một cách đặc biệt dữ dội. Đến nỗi sau này phế tích của thị trấn đó còn được gọi là Mawbaliz tức là cái thành thê thảm ! Kế nào may được tha giết, thời lại bị đem đi làm bia đỡ đạn trong những cuộc hạ thành, nghĩa là cũng khó mà thoát chết !

Tuy sức đàn áp cường bạo đến thế, cũng vẫn còn có một vị anh hùng dám đương đầu và vẫn có kẻ dám hưởng ứng : Jalal al Din Manguberti (Chất lan đình), con vua Hwarizm, khi cha thua chạy về phương tây, thời chàng trốn về vương phận của mình tại miền đông A Phú Hán, cất quân báo phục, hồi năm 1221, và đã từng bại đạo quân 30.000 người do chính Chigi Koutouque, em nuôi Tchinguiz Khan điều khiển. Tiếc thay, Jalal al Din không phải là đối thủ của Tchinguiz Khan nên sau đó bị thua to, trốn qua sông Indus nương nhờ nhà vua xứ Delhi tại Ấn Độ. Dân chúng hai xứ Gazna và Bamiyan, vì đã theo Jalal Al Din, nên bị tàn sát không còn một mống. Thế là miền đông xứ Iran cũng lại hoàn toàn bình định. Tchinguiz Khan từ từ rút quân về nước (1223 đến 1225), đi qua đầu đánh phá đấy.

Cuộc chinh phạt cuối cùng của Tchinguiz Khan.

Nhà Tây Hạ, tuy đã thần phục, mà khi Tchinguiz Khan đòi lấy quân đi đánh đế quốc Hwarizm, vua Tây Hạ lại dám từ chối một cách hỗn xược: « Nếu không đủ quân thì đừng xưng đế nữa » ! Thật là một điều sỉ nhục lớn cho một người như Tchinguiz Khan.

Quá căm giận, Tchinguiz Khan ra lệnh cho kẻ hầu cận mỗi bữa ăn, phải tâu nhắc cái thù không đội trời chung đó.

Tới khi vừa rảnh tay tại phương Tây, Tchinguiz Khan liền sửa soạn ngay cuộc chiến tranh với Tây Hạ.

Một duyên cớ nữa đã thúc đẩy Tchinguiz Khan phải kịp hành động là Tchinguiz Khan tự nhận thấy đã già (70 tuổi), nếu dung túng cho một dân tộc cường ngạnh và dũng mãnh như dân Tangut nước Tây Hạ trong đế quốc của mình, thời sẽ là một điều lo ngại lớn và có thể là đầu mối của sự tan vỡ, dưới thời con cháu mình.

Tchinguiz Khan sửa soạn cấp tốc, tới năm 1226 liền khai chiến. Trận này cực kỳ dữ dội và nhanh chóng. Có một năm trời, quân đội Tungut đã tan tác, kinh đô là Ninh Hạ bị bao vây.

Nhưng Thượng Đế đã từ chối không cho viên tướng tài giỏi nhưng hưng dữ của lịch sử đó, được hoàn toàn chiến thắng quân địch một lần chốt. Tchinguiz Khan đã chết năm 1227, tuổi vừa 72, trong khi thành Ninh Hạ vẫn còn cầm cự.

Người thời nói Tchinguiz Khan chết vì bị tên bắn (theo Marco Polo) kể lại bảo là vì sét đánh (theo Carpini) !

Dấu sao, Tchinguiz Khan cũng từ trần đúng vào năm 1227, và theo lời ước nguyện, được đưa về an táng tại ngọn núi Bourkhan Khaldoun, trong xứ Mông-Cô.

Sự bành trướng của đế quốc Mông-Cô về thời con cháu Tchinguiz Khan. Dưới triều Ogodai

Tchinguiz Khan mất đi, con trưởng Juci cũng đã chết, nên con Juci là Batu (Bạt Đô) được thay cha thống lãnh khu vực Kipcak, Hwarizm và Turgai, tức là bao gồm cả miền đông và nam nước Nga, miền Caucase, các nước Iran, A phú hân, Ba tư.

Người con thứ hai là Cagatai thống lĩnh miền trung bộ châu Á, tức là cả đông bộ và tây bộ xứ Tân Cương.

Người con thứ ba, Ogodai, làm vua xứ Naiman.

Người con út, Tului, được giữ phần đất, tồ là toàn bộ nước Mông-Cô, và sẽ có cơ hội bành trướng xuống miền nam thôn tính hai nước Kim và Tống. Tului lại được quyền tạm thời thay cha làm Đại Hãn, cai quản cả các anh.

Đề cho đế quốc ngày thêm bền vững, Tului không lợi dụng quyền binh và uy thế sẵn có để chiếm giữ mãi ngôi báu. Sang xuân năm 1229, Tului đã triệu tập một Đại Hội Nghị (kuriltai) để tôn Ogodai lên làm Đại Hãn, đúng theo di mệnh của vua cha.

Ogodai lên ngôi, đóng đô tại Karakorum và trọng dụng các hiền sĩ từ phương, bất kỳ thuộc dân tộc nào. Người được Ogodai kính trọng và nghe theo nhất là Ye Liu Tch'ou Ts'ai (Gia-luật-sở-tài), một bậc kỳ tài và là đại công thần tự thời Tchinguiz Khan. Nhờ sự giúp đỡ ấy, Ogodai đã sửa sang chính trị, và dễ dàng dứt được nhà Kim như trên đây đã nói.

Ogodai cũng cử binh sang tái chiếm nước Hwarizm. Nguyên từ hồi Tchinguiz Khan còn sống và còn đang bận về chiến sự tại nước Tây Hạ, vị hoàng tử anh hùng Jalal al Din, sau một thời gian trốn tránh bên Ấn Độ, đã trở về phát cờ khởi nghĩa và tái chiếm một phần nước Hwarizm. Lại một lần nữa, quân của Ogodai dễ bẹp lực lượng của Jalal al Din. Jalal al Din trốn chạy và bị một thương dân ám sát.

Sau đó, quân Mông-Cô lại tiến lên đánh phá xứ Géorgie, tàn sát thẳng tay để dập tắt mọi cuộc kháng cự. Các thị trấn như Ani, Kara Tiflis đều phải hàng phục và nền đô hộ Mông-Cô kể từ 1239 mới thực sự đặt được tại xứ này.

Tới 1243, viên đại tướng Mông-Cô Baiju lại đánh bại vị vương Tiều A Tê A (Anatolie) là Giyat al Din Kai Husraw đệ nhị, và bắt phải thần phục. Vị vương xứ Cilicie (nay thuộc Thổ nhĩ kỳ) là Hayton đệ nhất, liệu thế quá yếu, nên chịu hàng phục ngay từ đầu, tránh mọi sự tàn sát cho dân chúng.

Ngoài ra, một đạo quân lớn, gồm 150.000 người lại được tung ra trên chiến trường tây phương. Đạo quân này do Batu, cháu đích tôn Tchinguiz Khan, vị Hãn xứ Kipcak, thống lĩnh, và có hầu hết các con cháu các ngành, đồng dõ Tchinguiz Khan tham dự. Cùng đi với họ có cả vị lão hồ tướng Subotai nữa.

Toán quân này tái chiếm miền Kipcak, phía nam nước Nga, rồi đánh tràn sang phương tây. Trong năm năm trời, họ tha hồ tung hoành ngang dọc, không một dân tộc nào chống cự nổi. Các đạo quân hùng hậu, lại thêm giáp trụ dày, bền như quân Nga, Nhật-nhĩ-man, Áo, Hung, Bào, Ba-lan v.v.. đều bị đánh tan tác. Rất nhiều tỉnh thành bị chiếm đóng hoặc triệt hạ, đốt cháy, dân chúng bị tàn sát như : Vladimir, Moscou, Tver, Sandomierz, Cracovie, Breslau, Arad, Pest v.v..

Đạo hung thần này lưu luyến mãi đất Hung gia lợi, hình như có ý biến nước này thành một vương phận Mông Cồ giống nước Nga, nhưng giữa lúc đó thì Ogodai chết, nên họ phải vội kéo về để tính chuyện kế vị.

Ogodai mất đi, vợ là Turakina (Thoát Lệ Kha Na) nhiếp chính trong 4 năm (1242-1246), tới 24 tháng 8 năm 1246, con Ogodai là Guyuk (Quy Do) lên ngôi Đại Hãn. Guyuk là tay cường ngạnh, rắp tâm đánh bại các vị Hãn đề tập trung tất cả các quyền hành trong tay, nhưng chưa kịp thi hành ý muốn thời đã chết, và ngôi Đại Hãn lọt vào tay Monka, con của Tului.

Như vậy, ngôi báu đã chuyển sang ngành khác, và bắt đầu đã có sự bất hòa trong con cháu Tchinguis Khan. Tuy nhiên, đế quốc Mông cồ cũng còn bền vững được khá lâu, vì các vị Đại Hãn ngành Tului nối tiếp nhau đều là những tay xuất-sắc.

Dưới triều Monka

Monka rất có tài chánh trị, biến cải đế quốc tạp hợp Mông Cồ thành một nước có quy củ, có tổ chức chặt-chẽ. Monka lại thiên về xuống Chang To: (Thượng Bộ) tại biên giới Đông Bộ Mông Cồ, để dễ bề thôn tính nhà Tống sau này.

Monka thấy nước Ba Tư đã bị chiếm, nhưng vẫn còn nhiều khu vực ngang nhiên ở ngoài vòng thống trị của các tướng Mông Cồ được phái tới, liền sai em là Hulagu (Húc liệt ngột) ngày mùng 2 tháng 5 năm 1253 cất quân đánh dẹp. Tới 1258, Hulagu toàn thắng, bình định hẳn nước Ba Tư, và lập thành một vương phận Mông Cồ.

Nhưng cuộc chinh phạt lớn nhất dưới triều Monka, đã diễn trên đất nhà Tống, do Kubilai (Hốt Tất Liệt), bào đệ của Monka, chỉ huy.

Kubilai thấy quân mình ngay từ thời Ogodai đã chiếm được Từ Xuyên, thế mà tới nay vẫn không sao chọc thủng được phòng tuyến sông Dương Tử, liền thay đổi chiến lược : tiến đánh nước Nan Tchao (Nam

Chiêu — cũng gọi là Ta Li Đại Lý). Nước này khá mạnh, ở vùng Vân-Nam bấy giờ. Tuy xuất từ đời Nhà Đường, nước ấy vẫn bị quân Trung Nguyên tới đánh phá, song họ chống lại được và ngênh ngang một cõi, không chịu thần phục. Nhưng chuyển này, họ bị thua trước quân đội của Kubilai và bị sáp nhập hẳn vào bản đồ Mông Cồ. Từ đây, giòng giới Tchinguis Khan trực tiếp cai trị, với danh hiệu Phó Vương, bên cạnh nhà vua vẫn là người bản xứ (như Ugeci ; Hốt Kha chi), con Kubilai —Tugluk (Thoát hốt hổ), — Esen Temur (Đã tiên chiếm mộ) con Ugeci, — v.v..)

Chiếm xong Nan Tchao, Kubilai sai Uryanhadaí (Tàu gọi là Wou leang ho t'ai tức Ngột lương hợp thái), con viên hồ tướng Subotai, sang đánh phá nước An Nam, chiếm thành Thăng Long, lấy đường tiến lên đánh Tống. Trong khi đó, Kubilai thống lĩnh đại quân, vượt sông Dương Tử, vây hãm thành Vũ Xương. Chưa hạ được thành thời đã có tin Monka chết, Kubilai liền nhận hòa với quân Tống và vội vã trở về, vì em là Arik Boga (A Lý Bất Kha) cũng đang có ý dòm ngó ngôi báu.

Kubilai phá lệ, không chịu chờ nghị quyết của Đại Hội Kuritai, để cho ba quân tôn mình lên ngôi Đại Hãn. Arik Boga được các ngành khác ủng hộ, cũng lên ngôi Đại Hãn tại Karakorum. Trong khi hai bên đồng lực, chưa biết cán cân sẽ ngã bên nào, thời xảy ra sự bất hòa bên phe Arik Boga. Kubilai nhân cơ hội tiến đánh, năm 1264, bắt được em, tha cho không giết, nhưng cầm giữ cho tới mãn đời.

Khi đã hoàn toàn làm chủ đế quốc Mông Cồ rồi, Kubilai lại tiến đánh nước Tống.

Trong trận tái chiến này, Kubilai có hai viên danh tướng là Bayan (Bá Nhan) và Arcu (A Truật), lại thêm viên kỹ sư có tài là Ali Hai Ya (A Lý Hải Nha), ấy thế mà năm năm trời dằng dẳng, vẫn không chiếm nổi miền Hồ Bắc, vì có những viên đại tướng nhà Tống như Liu Wen Houan (Lữ văn Hoán) và Fan T'ien Chouen (Phạm thiên Thuận) liều chết cố thủ.

Sau Kubilai phải vời thêm hai tay kỹ sư nổi danh người Hồi giáo là Ala al Din (A Lão Ngõa Đĩnh) và Isma'il (Xích Tư Mã Ân) mới phá nổi cuộc phòng thủ. Sau đó, quân Mông cồ tiến xuống, thế mạnh như bão táp. Vua Tống lúc ấy lại là một vị ấu quân (vua Cung Tông, tức Cung Đế) quyền chính đều ở trong tay Hoàng Thái Hậu, đâu có phải là địch thủ của Kubilai và đạo quân bách thắng đất Bắc.

Ngày 25 tháng 2 năm 1276, Hoàng Thái Hậu đành viết hàng thư trao cho tướng Bayan, vua Cung Tông bị bắt và nộp Kubilai, được Kubilai rất hậu đãi. Năm 1279, Quảng Đông, tỉnh kháng chiến cuối cùng, bị hạ nót.

Tuy nhiên, cuộc chiến đấu vẫn còn dai giãng : dòng dõi nhà Tống sót lại một người mới lên chín tuổi, được các vị trung thần họp ngay trên chiến thuyền đóng trong vịnh Quảng Đông tôn lên làm vua, hiệu là Đế Bình, để tiếp tục công cuộc đê kháng. Mãi hai năm sau, mùng 3 tháng 4 năm 1279, đạo chiến thuyền này mới bị đánh tan, vua Đế Bình chết đuối, viên đại tướng Trương Thế Kiệt tuấn kiệt. Thế là hết đời Tống.

Kublai liền lập nên nhà Nguyên, tự xưng là Nguyên Thế Tổ, đóng đô tại Yên Kinh cái tên là Đại Đô.

o°o

Giống người Mông Cổ vốn chỉ có một nền văn minh tương đối thấp kém, lại không lấy gì làm đồng (thời Tchinguiz Khan chỉ chừng một triệu dân). Họ cũng không dùng mạnh bằng những dân tộc châu Âu như Nga, Nhật nhĩ man, Áo v.v..., trang bị lại thô sơ : trong khi họ còn dùng giáp trụ bằng da thời các chiến sĩ tây phương đã có giáp sắt bảo vệ cả người lẫn ngựa ; họ mới có cung tên, thời Trung Nguyên đã biết dùng máy ném đá, hỏa pháo v.v..

Tuy vậy, họ cũng đã chinh phục gần hết hai châu Âu và Á, khuất phục cả những dân tộc có một nền văn minh ực kỳ phồn thịnh, như văn minh Trung-Hoa và Hi, La.

Thế mà, giữa thời kỳ toàn thịnh của đế quốc Mông Cổ, dưới triều Hồ! Tất Liệt, họ lại bị một nước nhỏ bé như nước ta, đánh thua.

Tại sao Mông Cổ đã thành công trong cuộc chinh phục hầu hết thế giới đương thời, mà lại chịu thua nước ta, rộng không hơn một châu quận cả họ ?

Nguyên nhân thành và bại đó, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày trong đoạn sau.

(còn tiếp)



TỨ ĐỒ TƯỜNG

*Ngăn cản nhau chi bốn bức tường,
Đề người lẳng-dẳng chịu tai-wong.
Rượu chè trai gái từng vô-lại,
Thuốc sát cờ bài thói bất-lương.
Trước tường phong-lưu, nhiều kẻ mắc,
Sau thành trụ-lạc, có ai thương ?
Canh-tân xã-hội phong-trào mới,
Tình ngộ mau mau chớ lạc đường.*

TỰ-THỊ TẾ-XUYẾN

MỘT ẢNH HƯỞNG CỦA LÃO HỌC :

RƯỢU TRONG THƠ VĂN HOA, VIỆT ⁽¹⁾

của NGHIÊM-TOÀN

THƯA Quý Liệt vi,
HƯA các bạn,

Nhân dịp nói chuyện với một bạn đồng nghiệp người Âu về thơ Đường, tôi có giới thiệu cùng ông bạn đó bài thơ « Xuân nhật túy khởi ngôn chí » của Lý Thanh-Liên ; bài thơ ấy, các vị ngồi đây chắc chẳng ai lạ gì ; tuy nhiên tôi cũng xin phép các vị cho tôi đọc lại :

Xử thế nhược đại mộng,
Hồ vi lao kỳ sinh ?
Sở dĩ chung nhật túy,
Đồi nhiên ngọa tiền doanh.
Giác lai miện đình tiền,
Nhất điều hoa gian minh,
Tá vấn thử hà nhật ?
Xuân phong ngữ lưu oanh.
Cầm chi dục thám tức,
Đối chí hoàn tự khuynh.
Hạo ca đãi minh nguyệt,
Khúc tận dĩ vong tình.

Ngô Tất-Tố dịch là : (2)

(1) Bài diễn - thuyết tại trường Cao-dăng Sư-Phạm, ngày 15-5-1956. - Đây chỉ là một tài-liệu văn-hóa, đề ta hiểu thêm về nền văn-hóa cũ ở Á-Đông, chứ diễn-giã không đâu có ý khen ngợi cái thú uống rượu ngâm thơ... Thiết tưởng ở nước nhà ngày nay, không ai còn không rõ sự tai hại của rượu chè.

(T.S.)

(2) Đường-Thi (Ngô-tất-Tố phiên-dịch. - Nhà xuất bản Tân-Dân, Hà-nội, 1940)

NGÀY XUÂN SAY RƯỢU TÌNH
ĐÂY, TỰ NÓI CHÍ MINH.

Ở đời như giấc chiêm bao,
Làm chi mà phải lao-đao cho đời ?
Vậy nên say suốt hôm mai,
Bên cây cột trước, nằm dài khềnh chán,
Tỉnh rồi chợt ngó trước sân,
Tiếng chim đâu đã nghe gần trong hoa.
Ngày chi ? thử hỏi cho ra :
Gió xuân đương giục oanh già véo-von.
Cảm thương lòng những bồn chồn,
Đoái trông cảnh vật dốc luôn chén quỳnh.
Hải ngao chờ bóng trăng thanh,
Lời ca vừa hết, mối tình đã quên.

Đúng vai hướng dẫn ông bạn trong rừng thơ Trung-quốc, tôi nói qua đại ý bài thơ Lý Bạch, và trăm trổ khen ngợi thiên giai-tác ấy với tất cả lòng khuyh mộ của một tín đồ trung thành cùng môn học Cồ-diên Hoa, Việt ; tôi đã say sưa theo họ Lý trong một giây phút « bốc đồng ».

« Ở đời chẳng qua như giấc mộng lớn, tội gì vất vả tấm thân, cho nên uống rượu say sưa suốt ngày ; khi say quá, quên cả ngày tháng, lăn ra ngủ ở chân cột dưới mái hiên ; đến lúc tỉnh dậy nhìn ra sân, trước thềm nhà, một con chim đang hót véo von trong hoa lá. Thì ra đương mùa xuân, gió xuân đã giục con oanh tập hót. Lòng những ngậm ngùi than thở vì ngày qua tháng lụn, và trước cảnh chim kêu hoa nở, nghiêng bình tự chước rồi hát ngẫu chơ trăng mọc ; nhưng hát xong bài hát thì mối tình ý hết thảy đều quên »

Ông bạn tỏ ra linh mẫn hơn đời, vội nói ngay : « Thì y như Baudelaire của chúng tôi cũng say, say mãi, say hoài ; bất cứ bằng cách nào, lúc nào cũng cần phải say ; say để quên nỗi thống khổ của một kiếp người, vì say tức là đào thoát ».

« Phải say hoài say hủy. Tất cả là ở đó ; đó là vấn đề duy nhất. Muốn không cảm thấy gánh nặng ghê gớm của thời gian đè lên hai vai anh, đến gây giập và uốn mình anh xuống

đất, anh phải suốt buổi say sưa. Nhưng say gì ? say rượu, say thơ hay đạo đức, tùy anh. Nhưng anh hãy say đi.

Và nếu thỉnh thoảng trên bực thềm một tòa lầu đài, trên cỏ xanh một bờ cù hoặc bên một giòng cầu, trong gian phòng hiu quạnh âm uất, một bóng một mình, anh thức dậy, con say đã dịu hay đã tiêu tan, anh hỏi gió, sóng, sao, chim, đồng hồ, anh hỏi tất cả những cái gì nó chạy, nó rên, nó lăn, nó hát, nó nói ra lời, anh hỏi : « Giờ này là mấy, giờ rồi vậy ? »

Gió, sóng, sao, chim, đồng hồ sẽ đáp : Giờ này là giờ say ! để khỏi làm nỡ-lệ cho thời gian dầy dọ ! Say đi anh ! Say đi. đừng nghĩ ! Say rượu, say thơ hay say đạo đức, tùy ở nơi anh ».

(Phỏng dịch : « Đoàn. thi bằng tản văn » (2) của Beaudelaire)

Thật là thùng nước lạnh giội lên đầu ! Tôi hoảng nhiên sợ nhớ rằng mình đang nói chuyện với một người Âu. Người ta làm sao có thể có quan niệm về rượu như mình ? Rượu là mối họa lớn đối với dân-tộc họ và bị họ bài xích cấm ngăn. Rượu đây chỉ là rượu mạnh, gọi ra những hình ảnh trụy lạc suy đồi trong các tửu lâu ở bên gái điếm. Nói rằng vì muốn quên nên uống rượu, song quên nghĩa là gì nếu không phải là quên mọi nỗi đắng cay của kiếp sống bị dày vò khổ khổ vì lẽ này hay lẽ khác ; thơ rượu lập tức khiến người Âu nghĩ tới Rimbaud, Verlaine với cuộc đời vượt ra ngoài khuôn-khò, với kẻo rượu đưa đến bản giết, để kê vào bệnh viện, người vào nhà ngục và chung cục là cái chết khổ sở của cả hai tại chốn nhà thương (3).

Trái lại, ở Trung-Hoa và Việt-Nam, từ xưa cho tới bây giờ chưa có nhà thơ, nhà văn nào uống rượu, sống, chết theo kiểu Baudelaire, Rimbaud, Verlaine, và nếu chúng ta có đem tiêu sử ba nhà thơ trên thuật lại cho bọn Kê-Khang, Lưu-Linh, Đào-Tiền, Lý-Bạch, Cao-Bá-Quát, Nguyễn-khắc-Hiếu nghe chơi, thì dù họ có là « sấu rượu » nhất đời, họ cũng phải lấy làm quái gỡ lắc đầu, nhăn mặt, xua tay, mà la lớn : « Phải ngó sát đất ! » (4)

o°o

(2) Petits poèmes en prose.

(3) Rimbaud chết tại nhà thương « la Conception » ở Marseille năm 1891. Verlaine cũng chết tại nhà thương năm 1896.

(4) 非吾儕也 : không phải bọn ta vậy !

Sự thực, đối với thi nhân, văn sĩ Hoa, Việt, rượu không phải chỉ là phương tiện quên và không bao giờ là truy lạc. Các cụ xưa lên án rất nặng kẻ vì uống rượu sinh ra loạn tính và phạm điều nhảm nhí. Không phải ai cũng có thể và được phép uống rượu; chỉ người nào có tư cách và có nhân duyên với rượu mới nên uống vì Rượu nằm trong một triết-lý nhân sinh.

Ta hãy gạt bỏ ra một bên vấn đề rượu trong các cuộc tế lễ thần minh và trong đời sống xã hội hàng ngày vì nó vượt ra ngoài phạm vi câu chuyện hôm nay; nhưng ta cũng thử đặt câu hỏi xem các nhà thơ nhà văn đã dựa vào nguyên tắc nào mà nhập tịch túy hương, thả hồn theo cảnh mộng? Ba học thuyết làm nền tảng cho đời sống tinh thần sĩ phu Hoa, Việt là Khổng, Thích, Lão. Đạo Khổng không tán dương thú uống rượu. Khổng-tử từng đã nói: « ... Bất vi tửu khốn » nghĩa là « khi uống rượu chẳng bị rượu nó làm khốn đến loạn đức » (5). Trong bài « Lời khuyên người đừng uống rượu » của Cao Doãn (6) cũng có câu: « Đùng đề rượu làm cho hóa điên hóa dại khiến bỏ mất cả luân thường ». Đạo Phật cấm uống rượu càng ngặt hơn. Theo Luật-tông, trong Năm Giới, Rượu đứng vào hàng thứ năm, sau bốn tánh giới: không sát sinh, không trộm cắp, không dâm tà, không nói sai sự thực. Cho nên câu chuyện Lỗ Trí-Thâm làm thầy chùa say rượu, đập gãy các pho tượng Hộ-Pháp và loạn đã tăng chúng, thường được kể lại để chế giễu các sư hồ-mang phạm vào tứ-giới, vì kẻ đã xuất gia đầu Phật quyết nhiên không thể làm bạn với Lưu Linh.

Vậy chỉ còn những người theo Lão-học chính truyền hoặc theo một biến thể của Lão-học là Đạo Thân-Tiên, và những người có thiện cảm với cái học Thanh-tĩnh, Vô-vi, ưa độn thế xuất trần mới tự phụ là tâu đồ mà tán dương tâu đức.

Sao vậy? Vì có lẽ bọn Đạo gia thường hái thuốc luyện đan, tìm kẻ trường sinh bất lão, nên họ dùng rượu để dẫn thuốc; — hiện giờ, các bậc già cả còn uống thuốc bổ ngâm rượu. — Vì có lẽ rượu khi mới uống vào cho ta cảm giác mạnh mẽ, tinh thần sáng khoái hơn lên. Vì có lẽ — và đây là lẽ chính — người tu tiên luyện khí muốn quên hết sự đời. Không phải vì họ khốn nạn, đau khổ hay hối hận đến nỗi không dám tự gặp cả chính lòng mình; thực ra họ chán cuộc sống phiền nhiễu đầy dục vọng làm sai lạc cả thiên chân, họ muốn thoát ra ngoài, vượt lên trên cảnh

5 — 不為酒困: Luận-ngũ, Tử hân, thiên thứ 9, chương 15.

6 — Tửu huấn 酒訓 của Cao Doãn 高允

hồng trần l họ cao lắm hay họ tự thấy mình cao lắm! Rượu đã đem lại cho họ cảm giác và ảo tưởng thú vị ấy. Men rượu khiến họ lâng lâng ngà ngà như cất mình bay bổng, không còn bị ràng buộc bởi những tục-lụy, không còn bị vướng vít bởi những nhân tình thế cố — hình như vẫn chương hiện đại cũng gán cho nha-phiến một năng lực tương tự — khi quá độ ngà ngà, liền tiếp đến cái « say mê, say mê, say như, say tít » rồi sau ăn tượng kích động, hưng khởi, là sự trầm trê, tiêu tan trong giấc ngủ li-bi.

Bậc tiền bối được bầu làm Tiên chỉ trong làng say là Từ Thánh Lưu Linh, một trong số Trúc Lâm thất hiền; người đời sau còn biết đến Linh chỉ vì bài « Tẩu đức tụng ». Linh tự là Bá Luân 伯倫, người nước Bái (đời Tấn) 沛, dung mạo cực xấu, tính tình phóng khoáng, tâm chí buông thả « lòng thường coi vũ trụ là nhỏ, coi muôn vật đều ngang bằng như nhau hết thảy » (7), diêm tính ít nói, không giao-du xăng. Linh kết bạn thân với Nguyễn Tịch, Kê Khang, tinh thần cởi mở, hơn hờ vui mừng, giắt tay nhau vào Rừng Trúc (8) giông chơi, không lấy việc gia sản có, không, còn, mất, làm chú ý. Linh thường ngồi xe hươu kéo mang hồ rượu, khiến người đi theo cầm chiếc chuông, dặn: « Hễ tao chết thì chôn cho tao. » Vợ thấy Linh uống nhiều rượu quá, khóc can. Linh xin vợ cho rượu thật để khấn quỷ thần rồi sẽ chữa. Vợ nghe theo; Linh khấn rằng:

Thiên sinh Lưu Linh
Đĩ tửu vi danh
Nhất ẩm nhất hộc
Ngũ đầu giải trình
Phụ nhân chi ngôn
Thận bất khả hình

Trời sanh Linh này,
Nồi tiêng vì say.
Mồi uống một hộc,
Năm đầu đưa cay.
Lời can đàn bà,
Ngòai tai gió bay.

Khấn xong hạ đồ lễ xuống, lại uống đến say mềm, rồi lăn ra ngủ. Tuy chìm đắm hụp lặn trong rượu, say sưa phóng túng như vậy song chưa từng sai lầm, phạm lỗi; Linh không thêm theo đuổi cái học « can lộc »; người đương thời lấy sự thi đậu rồi đeo đai đội mũ làm vinh hạnh, riêng Linh lấy hai chữ « vô dụng » tự hứa cho đến lúc trọn tuổi t.đời.

(7) Thường dĩ tế vũ trụ, tế vạn vật vi tâm: 常以細宇宙齊萬物為心

(Tấn thư: Liệt truyện: Lưu Linh)

(8) Trúc Lâm Trúc lâm: tại Tây-Nam huyện Huy, tỉnh Hà-Nam.

Linh làm bài ca ngợi đức uống rượu, có người (9) đã dịch ra như sau :

« Có một tiên sinh Đại-Nhân lấy giới đất làm một buổi, lấy muôn năm làm một chốc, lấy mặt trời, mặt trăng làm cửa, làm ngõ, lấy cả thiên hạ làm sân, làm đường ; đi, không thấy vết xe ; ở, không có nhà cửa ; giới tức là màn, đất tức là chiếu ; ý muốn thế nào thì thế. Lúc ở, thì nâng chén cầm bầu ; lúc đi thì vác chai xách nệm ; lúc nào cũng chỉ có việc rượu chè, không còn biết đến gì nữa.

Có một công tử và một vị quan sang nghe tiếng tiên sinh như thế bèn đến tận nơi, xắn tay vén áo, người thì trừng mắt nghiên rắng, người thì trần lễ thuyết pháp, những giọng thị phi đầu bảy giờ ăm ý xôn xao như đàn ong vậy.

Lúc đó tiên sinh mới ôm vò rượu, ghé vào thùng rượu, tợp cả chén rượu, phồng mồm những rượu, vênh bộ râu lên, ngồi giàng hai chân, gối đầu vào men, lăn lưng vào bả, không nghĩ không lo, hớn hờ vui thú, ngắt ngưỡng say sưa, thoáng rồi lại tỉnh. Lẳng tai cũng không nghe thấy tiếng sấm sét, nhìn kỹ cũng không trông thấy hình Thái-sơn ; nực, rét thiết đến thân cũng không biết ; lợi, dục cảm đến tình cũng không hay ; cúi xuống trông vạn vật rối rít ở trước mắt khác nào như bèo nổi bồng bênh trên sông Giang, sông Hán.

Hai vị kia đứng cạnh, tiên sinh bảy giờ xem cũng như con tò-vò. con sâu róm mà thôi vậy. »

Phân tích bài văn trên, nếu ta gạt bỏ phần từ hoa, ta sẽ thấy Linh thực đã chịu ảnh hưởng sâu đậm Lão, Trang, cho nên phóng khí hình hài, trút sạch được lợi danh, quên hẳn việc đời, mà lấy đất làm chiếu, lấy trời làm màn, coi kẻ quyền thế giàu sang như con sâu, kẻ cái say ấy cũng có nhiều chi vị.

Thí vị ! vàng, tôi nhấn mạnh vào diêm ấy. « Rượu không » là tục. Rượu phải khơi nguồn thơ trước cảnh đẹp thiên nhiên muôn hình nghìn trạng. Quên nhân tình thế thái chỉ mới là bước đầu vào làng say của túy khách ; còn muốn có chỗ ngồi xứng đáng trong « Tựu hội », ắt phải là nghệ sĩ phờ men rượu mở đường thông cảm với Nhạc và Thơ. (Còn tiếp)

9— « Đức uống rượu » : Cổ-học tinh-hoa ; quyển II, trang 109 của Ôn-như Nguyễn-văn Ngọc và Tỉnh trai Trần Lê Nhân-Vinh-hưng Long thư-quán Hà-nội 1933.

TIA VŨ-TRỤ (1)

của NGUYỄN-CHUNG-TÚ

C HÚNG ta thường nghe nói tia sáng nghĩa là những tia mà mắt ta trông thấy được, như các tia đỏ, da, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím... ; tia tử ngoại (rayons ultra-violets) mà mắt ta không trông thấy nhưng kính ảnh có thể bị ăn ; tia hồng ngoại (infra-rouges) cũng vô hình nhưng có tác dụng nhiệt. Ngoài ra, lại còn tia Herz nhờ đó mà có vô tuyến truyền thanh và vô tuyến điện báo, tia X mà ai cũng biết công dụng trong y-học, tia alpha, beta, gamma phát ra bởi các chất phóng xạ như radium, ..v.v..

Nhưng có những tia khác nữa, mà người thường không mấy khi nghe nói đến, như tia âm cực (rayons cathodiques), tia dương (rayons positifs), và tia vũ trụ (rayons cosmiques).

Nếu tính chất các tia âm cực và tia dương đã được các nhà bác học biết rõ, thì trái lại tia vũ trụ trong khoảng hơn nửa thế kỷ và cho mãi đến ngày nay, vẫn còn là một mối băn khoăn của các nhà khảo cứu.

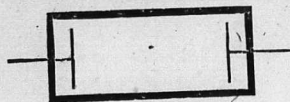
o°o

Tia vũ trụ — đọc tên lên cũng đoán ra được — chắc chắn từ ngoài trái đất tới. Có lẽ một phần nhỏ từ mặt trời tới, và phần lớn từ các sao tới. Trong số các vì sao trên trời, có một loại sao rất đặc biệt, gọi là Tân tinh (sao mới — nova) : những sao này đang vào hạng sao mờ, đột nhiên trong khoảng vài ngày, trở nên sáng rực đến nỗi giữa trưa cũng trông thấy được, thế rồi độ sáng giảm dần và vài tháng sau lại rất mờ... Các nhà thiên văn học đoán đó là những vì sao nổ tung ra, như những trái bom nguyên tử. Ấy Tào Hứa cứ mỗi năm cũng thử vài trái bom nguyên tử như thế, và mỗi lần lại dội xuống trái đất một trận mưa tia vũ trụ.

Sau khi đã định nghĩa và nói về giả thuyết nguồn gốc tia vũ trụ, bây giờ chúng ta ngược dòng thời gian, ôn lại xem các nhà bác học nhận biết tia vũ trụ từ bao giờ.

(1) Thường gọi là vũ-trụ tuyến.

Nhưng trước hết, ta phải bàn qua về sự « iông-hóa » (ionisation), và mô tả dụng cụ dùng để khảo cứu hiện tượng ấy; dụng cụ này gọi là phòng iông-hóa (chambre d'ionisation) hay là phòng Wilson. Giáo sư Auger từng sự tại Viện Văn Hóa Quốc tế (Unesco) dùng thí dụ sau đây để giảng hiện tượng iông-hóa = hãy tưởng tượng một anh chàng (chắc là say rượu) phóng bạt mạng xe bình bịch vào giữa một đám đông; cố nhiên khi anh ta qua khỏi đám đông đó, thì để lại bao nhiêu là người bị thương, kẻ thì cụt chân, người cụt tay v.v.,..., nhưng cũng có một số may không việc gì. Ấy đại khái hiện tượng iông-hóa cũng như vậy. Lấy một bình kín đựng một khí trơ, nghĩa là một khí không hợp với các chất khác, như hélium, argon, néon, krypton, xénon, ở dưới một áp suất yếu; đặt trong bình hai cực về phía hai đầu (Hình 1) và lập giữa hai cực ấy một hiệu số điện thế (différence de potentiel). Nếu chiếu vào bình đó một chùm tia X thì một số phân tử (molécules) của khí trơ mất điện tử (électrons), vì điện tử ấy bị chùm tia đánh bật ra khỏi



Hình 1

phân tử; thế mà điện tử mang điện âm và phân tử thì trung hòa (neutre), phân tử trung hòa mất điện tử mang điện âm bây giờ thành những iông dương; những iông dương chạy về phía cực âm và những điện tử chạy về phía dương cực; giữa hai cực có một dòng điện. Không riêng gì tia X có tính chất trên, các tia phóng xạ như tia alpha gamma đều có tính chất iông hóa.

Một thứ phòng iông-hóa đặc biệt là phòng Wilson: đó là một cái hộp kín đựng không khí no hơi nước (air saturé de vapeur d'eau). Ta chiếu vào đó một chùm tia nói trên, và đồng thời làm hạ áp suất không khí trong hộp, rồi chiếu một tia sáng vào đó. Chùm tia làm hiện ra trong hộp những iông và hơi nước đọng vào đó, khiến cho khi chiếu sáng, trông thấy những iông ấy và có thể chụp ảnh được.

Ngay từ cuối thế kỷ thứ mười tám, Coulomb đã nhận thấy rằng một vật cô lập mang điện, hoặc dương hoặc âm, đặt trong không khí, tự nhiên dần dần mất điện. Và ông ta cho rằng trong không khí lúc nào cũng có sẵn một ít iông dương và iông âm. Thí dụ vật nói trên mang điện dương, nó sẽ hút những iông âm và lượng điện của nó giảm đi; nếu nó mang điện âm, nó sẽ hút những iông dương và lượng điện của nó cũng giảm đi. Trong suốt thế kỷ mười chín, các nhà bác học nêu lên giả thuyết này, giả thuyết họ, để giảng tại sao trong không khí lại tự nhiên có

những iông như thế. Có vị cho rằng đó là độ iông-hóa còn dư (?), có vị cho rằng đó là tự iông-hóa... tự nhiên (!). Mãi đến năm 1899, nhà bác học Wilson mới nêu lên thuyết rằng những iông trong không khí phát sinh ra bởi những tia từ ngoài trái đất chiếu vào các phân tử khí trong không khí.

Những tia đó là tia vũ trụ vậy.

Giáo sư nổi danh Piccard đã thả những quả bóng lên không trung, trong bóng có máy ghi độ iông hóa. Giáo sư thấy rằng càng lên cao độ iông hóa càng tăng, và ở độ cao 20 cây số, độ iông hóa gấp 200 lần ở mặt đất. Trái lại, càng xuống sâu dưới nước, thì độ iông hóa giảm đi, và ở dưới nước cách mặt đất 250m thì độ iông hóa triệt tiêu. Bên Anh, cũng có một đài quan sát ngầm dưới đất.

Những điều nhận xét ấy tỏ rõ rằng tia vũ trụ quả thật từ ngoài trái đất tới.

Thực ra, có nhiều loại tia vũ trụ, vì năng lượng (énergie) mà chúng mang theo khác nhau. Bởi lẽ đó các nhà bác học mới đoán rằng có tia vũ trụ từ mặt trời tới, có tia từ các vì sao tới, có tia từ các tinh vân tới (tinh vân — nébuleuses stellaires — nghĩa là những đám rất nhiều sao, trông xa như một đám mây) có tia từ các tân tinh (nova) tới,

Những tia đó từ rất xa qua không gian tới lớp khí quyển bao bọc trái đất, mang theo những năng lượng rất lớn. Những tia đó đập mạnh vào các phân tử khí trong không khí, khiến cho những phân tử nọ nọ tung như những trái bom và cho nọ là proton (nặng gần bằng một nguyên tử hydro và mang điện dương), nọ là âm tử (antiproton — cũng như proton nhưng mang điện âm), nọ là điện tử, nọ là quang tử (photon — nghĩa là hạt ánh sáng mang theo mình một sóng), nọ là meson (những hạt nặng hơn điện tử độ vài trăm lần, có khi mang điện dương, có khi mang điện âm). Người ta ghi các hạt này bằng cách đặt kính ảnh lên các đỉnh núi, và khi rửa thấy những điểm sáng như các vì sao.

Nhưng khi tới mặt đất, các tia vũ trụ đã giảm bớt năng lượng, tuy nhiên cũng còn gây ra được vài hiện tượng. Thí dụ khi tia vũ trụ qua một chất đặc ở trong phòng Wilson, thì cho những điện tử dương (positon). Điều đáng chú ý ở đây, là nhà bác học Dirac tiên đoán từ lâu rằng có những hạt dương tử như thế, mà mãi về sau người ta mới dùng thí nghiệm mà nhận thấy hạt này. Người ta cũng có thể dùng máy đếm Geiger-Müller (compteur Geiger-Müller), để nghe tiếng tia vũ trụ đập vào các phân tử khí như

tiếng tích-tắc đồng hồ. Sau cùng, tia vũ trụ luôn luôn đập vào thân thể người ta, nhưng cho đến nay, các nhà y-học chưa thể trả lời cho chúng ta biết bị đánh như thế chúng ta có việc gì không? (đau thì không ai thấy đau, nhưng liệu có hại cho sức khỏe không?).

o°o

Tóm lại, tia vũ trụ cấu-tạo ra sao? Đó là một câu hỏi khó trả lời. Hình như tia vũ trụ là một tia có tính chất ion-hóa hợp bởi những hạt proton, điện tử, mēson, trung hòa tử (neutron—nhặng như proton nhưng không mang điện) và cả tia gamma nữa.

Và sau cùng, một câu hỏi không khỏi làm cho chúng ta thắc mắc, là sự khảo cứu tia vũ trụ có ích lợi gì không? Đúng ra thì không nên hỏi như thế, vì khoa học khảo cứu cái này cái nọ, trước hết là để *biết* để *hiểu*, chứ không vì sự ích lợi. Và chẳng, có nhiều môn học, nhiều vấn đề bị bỏ quên hay bị coi là không quan trọng, ấy thế rồi đột nhiên vì một cố gì đó trở nên rất hợp thời! Xin lấy một thí dụ = khoa tĩnh điện học (électrostatique) mà người ta đã khảo cứu từ hồi thượng cổ, dần dần nhường địa vị ưu tiên cho ngành Động điện học (électro-dynamique); nhưng từ khi người ta bắt đầu khảo cứu về nguyên tử, điện tử, thì khoa tĩnh điện học lại trở nên rất quan trọng!

Nói thế không phải cho rằng tia vũ trụ chưa giúp ích gì cho các nhà bác học. Nhờ tia vũ trụ, chúng ta biết thêm nhiều hơn về nguyên-tử.

Đề kết-luận, tôi tưởng không gì hơn chép lại dưới đây một câu nói rất đặc sắc của ông John Lelièvre. Tôi rất tiếc rằng dịch câu đó ra Việt văn, đã giảm mất một phần lớn cái hay của nó. Câu ấy như thế này: « Các nhà bác học tiếp tục dùng Vũ-Trụ (univers; — universe) làm trường Đại Học của họ (Université; — university) ».



A. — TIN TRONG NƯỚC

I. — HOẠT-ĐỘNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

— TRẠI HÈ HỌC-SINH

NGÓ Tổng-Thống đã chấp-thuận đề-nghị của ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, thiết-lập trại hè 1956 cho nam nữ học-sinh toàn-quốc, trong ba tuần-lễ.

Trại hè sẽ mở cho 1500 học sinh công-lập và tư-thực, từ 12 tuổi tới 16 tuổi, kể cả Tiểu học lẫn Trung học, và chia ra làm 2 loại:

- 1) Trả tiền một nửa là 700\$.
- 2) Không phải trả tiền (dành cho những học sinh nghèo, học giỏi, hoặc chịu khó hoạt-động các công tác xã-hội trong trường).

Về đại-cương, trại hè sẽ chia ra làm 4 nơi, và được phân phối số học sinh như sau:

- a) *Vũng-tàu*: 550 học-sinh, do Nha Học-chính Nam-Việt phụ trách.
- b) *Đà-lạt*: 250 học-sinh, do Ty Tiểu học Đà-lạt phụ trách.
- c) *Nha-trang*: 400 học-sinh.

d) Lãng-cô : 300 học-sinh (hai nơi cuối này do Nha - Học-chính Trung-Việt phụ trách).

Mục đích lập ra Trại hè Học-sinh là để giáo-dục các học-sinh theo phương pháp « chơi mà học », và tạo cho học sinh có dịp hiểu biết tận nơi đất nước Việt-Nam, và sống chung với đồng bào địa phương.

Sự tuyển lựa học sinh vào Trại hè sẽ do các Nha Học-Chính Nam-Việt và Ty Tiểu học Đà-lạt đảm nhiệm.

Riêng các học-sinh đi Vũng-Tàu, thì đã tập trung ngày 7-8-56, hồi 7 giờ sáng, tại trường Lê-văn-Duyệt, số 94, đường Phan-dình-Phùng, Saigon. Một cuộc tiễn đưa long trọng đã được tổ-chức dưới quyền chủ-tọa của ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn. Các công chức cao cấp tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục, và nhiều phụ-huynh học-sinh đã tới dự.

Một học-sinh trại-viên, và một vị phụ-huynh đã đọc diễn-văn cảm ơn Chính-Phủ và ông Bộ-trưởng. Ông Bộ trưởng Nguyễn-dương-Đôn ứng khẩu trả lời, yêu cầu các trại-viên nhớ ơn Ngô Tổng-Thống, vì nhờ lòng ân-ưu của ngài, mới có các trại hè, rồi khuyến các em phải học hỏi và cư xử sao cho xứng-đáng với lòng săn-sóc của Ngài.

2- TUYÊN SINH-VIÊN VÀO TRƯỜNG QUỐC-GIA CAO-ĐẲNG MỸ-THUẬT.

Ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục đã ký nghị-định số 615 GD/ND ngày 31-7-56, ấn-định việc thi tuyển học-sinh vào năm thứ nhất trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật. Kỳ thi này sẽ mở ngày 3-9-1956, hồi 7 giờ, tại Saigon (trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật Gia-định) và Huế (trường Quốc học Ngô-dinh-Diệm).

Số sinh-viên dự tuyển là 19 người. Thí sinh phải ít nhất là 15 tuổi tính đến ngày 31-12-1956.

3 - ÔNG BỘ-TRƯỞNG ĐI KINH-LÝ.

Ngày 15-8, ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn, đáp phi-cơ Hàng-không Việt-nam từ Saigon đi Nha-trang. Tới Nha-trang, đã có Ông Tỉnh-trưởng, Trung-tá chỉ-huy đệ tứ quân-khu, Ông Giám-đốc Học chính, nhiều vị đại-diện quân, dân, chính, cùng giáo-giới và học-sinh ra đón.

Ông Bộ-trưởng ở lại Nha-trang tới ngày chủ-nhật 19, để chủ-tọa lễ khánh thành một lớp học tiếng Anh, và kiểm-soát các nơi trẻ em đi nghỉ mát, do Bộ Giáo-dục tổ-chức. Buổi sáng ngày 16-8-56, Ông Bộ-Trưởng đã cùng với

Ông Đồng-lý văn-phòng và ông Tỉnh-trưởng Khánh-hòa tới thăm trại-hè Nha-trang đặt tại trường Nam Tiểu-học. Tại đây, quan-khách đã được ông Ty-trưởng tiểu học vụ, ông Tổng Giám-thị trại-hè, các giáo-viên và học sinh nghinh tiếp.

Do sự hướng dẫn của Ông Tổng giám-thị trại-hè, Ông Bộ-trưởng đã đi thăm các phòng cư-trú của học-sinh, lớp tu-nghiệp giáo-viên Tiểu-học và Ty học chính.

Sau đó, Ông Bộ-trưởng đi thăm các trường Phu-Vinh, bán-công Diên-Khánh, Võ-Cánh và Khánh-Hòa. Đến trường nào, ông cũng ân-cần khuyến nhủ các học-sinh, và cảm ơn các phụ-huynh học-sinh cùng giáo-viên đã đón tiếp ông một cách nồng hậu.

Buổi chiều 16-8 được dành riêng cho những cuộc thăm viếng tư của ông Bộ Trưởng.

4.- BẢNG GIÁO-KHOA KỸ-NGHỆ

Để giúp các cựu học-sinh các trường Mỹ-nghệ mất văn-bằng hoặc chứng-chỉ điều-chỉnh tình-trạng hành-chính, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đặc-biệt cho phép các cựu học-sinh đó thi lại bằng Giáo-khoa Kỹ-nghệ, vào ngày 17-9-56 tại Saigon và Huế. Các thí-sinh có thể đến xem chương-trình tại trường Kỹ-Thuật Huế và trường Kỹ-Thuật Saigon, trong những ngày và giờ làm việc.

5 - HỘI-NHỊ LẦN THỨ NHẤT CÁC GIÁO-SU KỸ-THUẬT VÀ MỸ-THUẬT Ở SAIGON

Sáng 21-8-56, hồi 8 giờ 30, Hội-nghị các Giáo-sư Kỹ-thuật và Mỹ-thuật toàn-quốc đã khai mạc dưới quyền chủ-tọa của ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, tại trụ sở trường Trung-học Kỹ-thuật Cao-Thắng, đường Huỳnh-thúc-Kháng, Saigon, với sự hiện diện của nhiều chuyên-viên Kỹ-thuật ngoại-quốc.

Ông Bộ-Trưởng Nguyễn-dương-Đôn đã đọc diễn-văn, khai-mạc Hội-nghị :

« Thưa quý vị,

Nhận chân tình-cách quan trọng của Hội-nghị nhân-viên giáo-huấn ngành học Kỹ-thuật và Mỹ-thuật, tôi rất hân-hoan đến dự buổi lễ khai-mạc ngày hôm nay.

Tôi thành thực cảm tạ các vị Đại-diện phái-đoàn Viện-trợ Kinh-tế Mỹ và Pháp, các vị Đại-diện các cơ-quan chính-phủ cùng các Vị nhân sĩ các

giờ đã vui lòng quang lâm chứng kiến ngày lễ khai-mạc này. Cứ chỉ nông hậu của quý Vị đã tăng phần long trọng cho buổi lễ và sẽ làm phấn khởi lòng nhân viên trong Hội-Nghị.

Tôi lại tỏ lời cảm ơn các nhà giáo-dục nhiệt thành, không quản đường sá xa xôi, đã từ khắp nơi trong nước tới dự Hội-nghị.

Sự hiện diện của tất cả quý Vị tại nơi đây chứng tỏ thêm một lần nữa lòng sốt sắng và ưu-ái đối với những thế hệ đang tiến.

Quý Vị Giáo-chức,

Như tôi vừa nói trên đây, Hội-nghị này có một tính cách rất quan trọng cho nền giáo-dục Kỹ-thuật Mỹ-thuật. Thật vậy, trong giáo-giới chúng ta, ai là chẳng rõ rằng, về ngành học này, nền giáo huấn và phương-pháp giáo-huấn cần phải được mỗi ngày mỗi cải thiện để thích nghi với nhu cầu và tiến bộ của khoa học. Riêng ở nước ta, sự đòi hỏi ấy lại càng thêm phần cấp bách.

Tuy nhiên, sự canh tân nền học Kỹ-thuật và Mỹ-thuật cùng sự cải thiện phương pháp giáo-huấn còn phải lệ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh. Chắc quý vị đã nhận thức rằng tình trạng nước ta trong bao năm nay đã không có điều-kiện thuận tiện để cho nền giáo-dục Kỹ-thuật — Mỹ-thuật được phát triển dồi dào. Ngày nay, đất nước đã vượt qua bao biến cố lớn lao, đã vãn hồi Độc-lập, Tự-do, An-ninh và Trật-tự, thì đứng trước đà tiến của Thế-giới về phương diện Kỹ-thuật — Mỹ-thuật, chúng ta phải có những cố-gắng đặc-biệt và nếu cần, cách mạng hẳn nền học này của nước nhà để theo kịp các nước tân tiến.

Chúng ta có nhiệm vụ rèn luyện thanh niên để chúng học làm người, những con người có khả-năng để hòa hợp một cách dễ dàng mau lẹ với hoàn cảnh và thời thế. Nền giáo-dục Kỹ-thuật — Mỹ-thuật nhằm mục-dịch hướng dẫn thanh-niên vào con đường thực nghiệp, dù dẫu họ xúc tiếp với đời sống thực-tế, khiến họ sau này biết sống vì mình, vì gia-đình, vì quốc-gia và xã-hội. Vậy lớp học phải là nơi mà thanh niên khai thác mọi năng khiếu, phát triển mọi thiên bẩm. Dưới sự lãnh đạo khéo léo của ông thầy, học-sinh sẽ đóng vai chủ động trong việc tìm hiểu chân lý.

Vậy điều thiết yếu để canh tân nền học Kỹ-thuật — Mỹ-thuật là sự cải thiện phương pháp giáo-huấn. Tuy nhiên, để thấu lượm được kết quả mong muốn thì, dù là phương pháp nào chẳng nữa, ta cũng phải biết xử dụng nó một cách khôn khéo và sáng suốt. Giá trị của một phương pháp — dù

là phương pháp hoàn bị — lệ thuộc vào nghệ-thuật áp dụng của người xử dụng.
Quý Vị Giáo-chức,

Hội-nghị này sẽ mở trong một tuần lễ. Mục-dịch của Hội-nghị là hội diện các giáo của ngành học Kỹ-thuật — Mỹ-thuật để trao đổi ý kiến về những mối dị đồng hiện hữu tại các trường Kỹ-thuật — Mỹ-thuật trong nước. Các Vị sẽ nghiên cứu chương-trình các môn học và thảo luận về phương pháp giáo huấn. Những cuộc nói chuyện và đàm luận tại Hội nghị sẽ đưa ra ánh sáng những phương tiện để duy nhất chương-trình và thống nhất phương pháp.

Các Vị sẽ khảo sát về tổ chức và lịch trình tiến triển của nền học này tại các nước lớn và của nước nhà; các Vị sẽ trình bày nhận xét, đối chiếu mọi sự đoan và sở trường để tìm cho nó con đường tiến triển hợp thời và hợp cảnh. Con đường đó, theo ý tôi, là con đường cải tạo để đi đến công cuộc kỹ-nghệ hóa nước nhà, hầu mong phục hưng và phát triển nền kinh-tế quốc-gia và đem lại phú cường cho đất nước.

Với triển vọng ấy, tôi xin khai mạc hội nghị. *

Buổi lễ khai mạc Hội-nghị chấm dứt vào hồi 10g30.

6 — CÁC LỚP TU-NGHIỆP CỦA GIÁO-CHỨC TRONG VỤ HÈ 1956

Trong kỳ tức-hạ cuối niên học 1955-56, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã tổ-chức các lớp tu nghiệp đủ các loại, về sinh-ngữ, sư-phạm, chuyên-môn, và công cuộc bổ-túc học đường (Hiệu-đoàn), để rèn-luyện giáo-chức các cấp.

7 — SỨC KHOẺ CỦA NAM NỮ SINH-VIÊN

Ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục vừa ký một nghị-định, tổ-chức việc khám sức khỏe cho các sinh-viên nam-nữ Viện Đại học Việt-Nam, kể từ niên-học 1956-57. Đó là một biện pháp rất hợp-thời, vì những Đại học đường các quốc gia tân tiến trên thế-giới đã áp-dụng từ lâu.

Mỗi năm, các nam-nữ sinh-viên, không phân quốc-tịch, không hạn định tuổi, đã ghi danh tại các học-đường thuộc Viện-Đại Học Quốc-gia, sẽ được khám sức khỏe ít nhất một lần.

8 — CẤM KHÔNG ĐƯỢC DẠY ĐỒN CHƯƠNG-TRÌNH.

Vì nhận thấy có một số tư-thục đã quảng cáo mở những lớp cấp tốc, dạy đôn chương trình hai lớp vào một niên học như Thất-Lục, Ngũ-Tứ,

Tam-Nhị, nên Bộ Quốc-gia Giáo-dục vừa ra một thông cáo nhắc lại rằng trong các giấy phép mở tu-thục do Bộ Quốc-gia Giáo-dục cấp, đã ghi rõ là tu-thục sẽ dạy theo chương trình hiện hành về bậc trung học đệ-nhất-cấp hay đệ-nhi-cấp. Chương trình ban bố do nghị định số 193-NĐ/GD ngày 14-10-53, sửa đổi bởi các Nghị định kế tiếp, đã ấn định học trình tại các trường trung học là 7 năm (Trung học đệ nhất cấp : 4 năm—Trung học đệ nhị cấp : 3 năm). Chương trình áp dụng cho tất cả các trường trung học trong toàn quốc, bất luận là công lập, bán công hay tư thục.

Thông cáo còn nhấn mạnh rằng các trung học tư thục không thể dạy dồn chương trình hai lớp vào một niên học, nghĩa là không thể rút thời hạn bậc trung học đệ nhất cấp từ 4 năm xuống 2 năm, và thời hạn bậc trung học đệ nhị cấp từ 3 năm xuống 1 năm rưỡi. Rút học trình như thế vừa trái với thể lệ hành chánh, trái với quy tắc sư phạm, vừa rất hại cho sức khỏe của học sinh,

9 — TUYỂN HỌC-SINH VÀO LỚP ĐỆ THẤT

KỸ-THUẬT HỌC-ĐƯỜNG SAIGON

Một kỳ thi tuyển 250 học sinh và các lớp Đệ-thất trường kỹ-thuật đã mở tại Trường Kỹ-Thuật, số 65, đường Huỳnh-thúc-Kháng Saigon, ngày 2-8-1956.

II. — HÒA-NHẠC

Chiều thứ bảy, 28-7-1956, Ban nhạc Hòa-tấu của Đài Phát-thanh Quốc-gia, đã tổ-chức tại Hội-viện Thống-nhất, Saigon, một buổi hòa-nhạc, dưới quyền chủ-tọa của ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn.

III. — TƯ-THỰC NGUYỄN-BÁ-TÔNG

Một tư-thục trung-học mới được thiết-lập ở góc Đại-lộ Hùng-Vương và Đại-lộ Minh-Mệnh và mang tên là « trường Nguyễn-bá-Tông », tên vị Giám-mục người Việt đầu tiên (tấn-phong năm 1933).

Trường này hiện có 1.400 học-sinh, trong số đó, 400 là tu-sĩ. Trường thu nạp cả học-sinh lương, giáo. Ban giám-đốc định rằng, trong một năm sĩ-số sẽ tăng lên 2300 người, và một nửa sẽ là các học-sinh di-cư, tị-nạn, được giảm học phí.

Tồn-phí về việc xây-dựng học-đường, một phần đã nhờ các giáo-dân Đức quyền tặng.

o°o

B. — TIN NGOÀI NƯỚC

I. — GIẢN-DỊ HÓA NHẬT-NGŨ

Nhà cầm quyền Nhật-bản đang tìm cách giản-dị hóa nhật-ngữ, một thứ chữ viết rất phức-tạp làm trở-ngại cho sự trao-đổi tư-tưởng trong nước và ngoài nước.

Một phúc-trình về vấn-đề này, đã được một nhóm chuyên viên văn-hóa trình bày tại Bộ Giáo-dục, đề được nghiên-cứu. Các chuyên viên trừ-tính việc xử-dụng mẫu-tự La-mã, đề thay-thế hàng ngàn chữ, được xử-dụng ở Nhật-bản hiện thời.

Tin này khiến cho ta hân-hoan nhận rằng : nước nhà đã có một quốc-ngữ vô-cùng thuận-tiện, ta chẳng khờ-dại gì mà sao-lãng nó.

II. — HỘI-NHỊ ĐỊA-PHƯƠNG CỦA TỔ-CHỨC LƯƠNG-NÔNG QUỐC-TẾ NAM-DƯƠNG

Hội-nghị địa-phương của tổ-chức Lương-nông quốc-tế (F.A.O.), sẽ họp tại Bandung (Nam-Dương), từ 8 đến 19-10-1956.

Tới dự, sẽ có 14 quốc-gia, trong đó có Việt-Nam, Ai-Lao, và Cao-Miên.

III. — DỰ TRIỂN-LÂM QUỐC-TẾ TẠI VENISE

Ngày 31-7-56, họa-sĩ Lê-Thy đã lên đường sang Ý-dại-lợi, để dự cuộc Triển-lâm quốc-tế « Biennale de Venise » thứ 28.

Trong gian-hàng Việt-nam, dựng lên dưới quyền bảo-trợ của Ngô Tông-Thống, họa-sĩ sẽ trưng-bày 30 bức tranh sơn mài chọn-lọc.

IV. — HỘI-NHỊ QUỐC-TẾ TẠI LIECHTENSTEIN.

Phái-đoàn Việt-Nam gồm có Bác-sĩ Lý-trung-Dung, Dân-Biểu Quốc-Hội Lập-hiến, Linh-mục Trần-thanh-Giản, trưởng Phái-bộ công-giáo Việt-Nam tại Pháp, ông Nguyễn-Thoại, phó chủ-tịch Hội Quốc-tế nghiên-cứu các vấn-đề tị-nạn, đã tới dự Đại-Hội-nghị của Hội Quốc-tế nghiên-cứu các vấn-đề liên, quan đến dân tị-nạn.

Đại-Hội-nghị nhóm-hợp ngày 14-8-56, tại Liechtenstein, một Công-quốc ở Trung-Âu. Đến dự có 180 hội-viên từ bốn phương trời tới, cùng các đại-diện những cơ-quan quốc-tế săn-sóc các người tị-nạn, và đại-diện hội « Caritas Romana ».

Bác-sĩ Lý-trung-Dung có đọc diễn-văn chúc mừng các hội-viên.

Đại-Hội-nghị rất cảm-kích và chú-ý về những tài-liệu mà Phái-đoàn Việt-Nam đưa cho từng hội-viên, đề tỏ rõ tình hình dân di-cư tị-nạn Bắc-Việt, cùng những cuộc định-cư đã thực-hiện được của Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa.